

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TĐT
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3 CHUNG CƯ PH - PHƯỜNG HIẾN NAM - TP. HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN
ĐIỆN THOẠI/FAX: 0934.363.322

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định: *Nguyễn G. Bảnh*

Ngày: *15* / *5* / 2025

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QMC

THẨM TRA

Theo văn bản số: *58/KC.TĐ-QMC*

Ngày: *28* tháng *04* năm 20*25*

Chủ trì bộ môn ký tên: *Nguyễn Huy Hùng*



HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QMC

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:.....



HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỰU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT



GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Loan



HƯNG YÊN, NĂM 2025

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

THUYẾT MINH

BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT
THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HƯNG YÊN

I- CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và
bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi
phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một
số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số
175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 69/2021/QĐ-UBND
ngày 01/10/2021 ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong
quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên
địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 30/2024/QĐ-UBND ngày 29/9/2024 về việc bãi bỏ,
sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo các Quyết định
của UBND tỉnh về phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư
xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; quản lý chất lượng công
trình xây dựng; quy hoạch xây dựng, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của UBND Xã Đa
Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp
một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã
Đa Lộc;

Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND xã Đa
Lộc về việc phê duyệt kết quả chỉ định đơn vị Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh
tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT
thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc;

Hợp đồng số: 82/2025/HĐTVTK-TĐT ngày 22/4/2025 giữa UBND xã Đa
Lộc với Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng TĐT về việc: Khảo sát, lập
Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến
đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc;

Hồ sơ điều tra, đo đạc, khảo sát công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến
đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc do
Công ty TNHH tư vấn và đầu tư xây dựng TĐT lập tháng 04 năm 2025;

II - CÁC QUY TRÌNH, QUY PHẠM ÁP DỤNG.

a. Khảo sát.

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS – 31 – 2020 đường ô tô yêu cầu khảo sát;

- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung TCVN
9398:2012;

- Tiêu chuẩn cơ sở 41: 2022/TCĐBVN tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường
ô tô trên nền đất yếu;

b. Thiết kế.

- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô: TCVN 4054-05(Tham khảo)

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS:39 2022/TCĐBVN thiết kế mặt đường BTXM
thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông;

- Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế TCVN 10380:2014.

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 37:2022/TCĐBVN Áo đường mềm – Yêu cầu và
chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN);

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm – Các yêu
cầu và chỉ dẫn thiết kế;

- Tiêu chuẩn cơ sở 25:2019/TCĐBVN khe co giãn chèn ASPHALT – yêu
cầu kỹ thuật và thi công;

- Tiêu chuẩn cơ sở 40:2022/TCĐBVN thi công và nghiệm thu mặt đường
BTXM trong xây dựng công trình giao thông;

- Tiêu chuẩn cơ sở 41: 2022/TCĐBVN tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường
ô tô trên nền đất yếu;

- Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2024/BGTVT;
- TCVN 5574-2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 13567:2022 – Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu;
- Tiêu chuẩn 22TCN 279-01 – Tiêu chuẩn vật liệu nhựa đường đặc;
- Tiêu chuẩn TCVN 8818:2011 – Nhựa đường lỏng – Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8860 (1 đến 12): 2011 – Bê tông nhựa – phương pháp thử;
- TCVN 4447 - 2012: Quy trình thi công và nghiệm thu công tác đất;
- Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô – Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8858 : 2023;
- Các quy trình, quy phạm khác hiện hành...

III - PHẠM VI THIẾT KẾ, ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ TÊN CÔNG TRÌNH

1 - Phạm vi thiết kế công trình:

Tuyến Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cự Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc thuộc địa phận xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, hiện trạng là đường bê tông xi măng và đường đất rộng trung bình 2,5 - 3,5 m, nhiều đoạn đường bị sụt lún, hình thành nhiều ổ gà lầy lội, rất bẩn khi trời mưa và bụi khi trời nắng, gây mất an toàn và khó khăn khi đi lại sản xuất ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của nhân dân.

Trong Hồ sơ này nghiên cứu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cự Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc. Mặt đường hiện tại là đường bê tông xi măng và đường đất bị sụt lún, hình thành nhiều ổ gà lầy lội, rất bẩn khi trời mưa và bụi khi trời nắng, mất an toàn và khó khăn khi đi lại sản xuất ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của nhân dân.

2 - Địa điểm xây dựng: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

3 - Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cự Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc.

IV - SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ :

1. Sự cần thiết phải đầu tư:

- Trong những năm qua được sự quan tâm của Các cấp lãnh đạo huyện Ân Thi, các phòng chức năng đã tạo điều kiện quan tâm xã Đa Lộc. Đầu tư các công trình phúc lợi giúp cho đời sống nhân dân trong xã có nhiều khởi sắc.

- Tuy nhiên hiện nay tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cự Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc phục vụ đi lại sản xuất nông nghiệp cho nhân dân của xã, đoạn đường này hiện tại là đường bê tông xi măng và đường đất bị sụt lún, hình thành nhiều ổ gà lầy lội, rất bẩn khi trời mưa và bụi khi trời nắng, mất an toàn và khó khăn khi đi lại sản xuất ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của nhân dân.

- Với điều kiện mặt đường hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại và sản xuất của nhân dân cản trở lớn đến việc phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của xã Đa Lộc và huyện Ân Thi

- Đoạn đường này sau khi được xây dựng sẽ cải thiện mạng lưới giao thông của xã Đa Lộc. Giúp cho việc đi lại và sản xuất của người dân được thuận lợi và an toàn hơn. Chính vì vậy công trình này mang ý nghĩa kinh tế, chính trị xã hội sâu sắc. Tăng lòng tin cho nhân dân đối với Đảng và mọi chính sách của nhà Nước.

Vì vậy việc xây dựng tuyến đường trên là hết sức cần thiết.

2. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng cứng hóa mặt đường. Phục vụ nhu cầu đi lại và sản xuất của nhân dân.

V - QUY MÔ, CẤP HẠNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHÍNH:

1 - Quy mô, loại và cấp công trình:

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV;
- Cấp đường: Đường giao thông nông thôn, cấp C;
- Tải trọng trục thiết kế: 6,0T;
- Tốc độ thiết kế: 20 Km/h;
- Công trình gồm 3 đoạn tuyến có tổng chiều dài: 552,39 m.
- + Tuyến 1: Từ nhà ông Thuần đến nhà ông Ích có chiều dài L= 167,55 m
- + Tuyến 2: Từ nhà ông Lĩnh đến nhà ông Thời có chiều dài L= 187,63 m.
- + Tuyến 3: Từ nhà ông Quỳnh đến nhà bà Khoa Yển có chiều dài L= 197,21 m.

2 - Các yêu cầu kỹ thuật chính:

- a. Mặt cắt ngang
- + Chiều rộng nền đường: $B_{nền} = (4,0-5,5)m$, taluy đắp mái 1/1,5.
- + Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt} = (3,0-4,5)m$; dốc ngang mặt đường $i=2\%$.

+ Chiều rộng lề đường: $B^l = 0,5 \times 2 = 1,0\text{m}$; dốc ngang lề đường $i = 4\%$.

b. Kết cấu áo đường

+ Tuyến 3: Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa.

+ Tuyến 1, Tuyến 2: Kết cấu mặt đường Bê tông xi măng

VI - HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG

1. Về hướng tuyến:

Tổng chiều dài các tuyến $L = 552,39\text{m}$. Trong đó:

+ Tuyến 1: Điểm đầu Km0+00 (Từ nhà ông Thuần); điểm cuối Km0+167,55 (đến nhà ông Ích).

+ Tuyến 2: Điểm đầu Km0+00 (Từ nhà ông Lĩnh); điểm cuối Km0+187,63 (đến nhà ông Thời).

+ Tuyến 3: Điểm đầu Km0+00 (Từ nhà ông Quỳnh); điểm cuối Km0+197,21 (đến nhà bà Khoa Yên).

2. Mặt đường hiện tại: Tuyến đường thuộc địa phận thôn Văn Trạch xã Đa Lộc, huyện Ân Thi: hiện trạng là đường bê tông xi măng và đường đất rộng trung bình 2,5 - 3,5 m, nhiều đoạn đường bị sụt lún, hình thành nhiều ổ gà lầy lội, rất bẩn khi trời mưa và bụi khi trời nắng, gây mất an toàn và khó khăn khi đi lại sản xuất ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của nhân dân.

3. Thoát nước: Thoát nước tự nhiên.

4. Đường giao đường ngang: Hiện tại các đường ngang trên tuyến chủ yếu là các đường ngõ và nhánh rẽ vào đường đất hiện trạng trên tuyến;

5 - Hệ thống mốc cao độ.

Hệ thống mốc cao độ trong hồ sơ là hệ thống mốc cao độ giả định (vị trí mốc xem chi tiết trên bình đồ).

VII - THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

1 - Bình đồ:

Tổng chiều dài các tuyến $L = 552,39\text{m}$. Trong đó:

+ Tuyến 1: Điểm đầu Km0+00 (Từ nhà ông Thuần); điểm cuối Km0+167,55 (đến nhà ông Ích).

+ Tuyến 2: Điểm đầu Km0+00 (Từ nhà ông Lĩnh); điểm cuối Km0+187,63 (đến nhà ông Thời).

+ Tuyến 3: Điểm đầu Km0+00 (Từ nhà ông Quỳnh); điểm cuối Km0+197,21 (đến nhà bà Khoa Yên).

2 - Trắc đạc:

- Nguyên tắc thiết kế trắc đạc: Kẻ đường đồ trắc đạc theo phương pháp thiết kế bao, đảm bảo khối lượng đào đắp nhỏ nhất đồng thời tạo điều kiện cho các phương tiện đi lại được êm thuận.

3 - Trắc ngang:

Căn cứ vào quy mô và các chỉ tiêu kỹ thuật chính đã phê duyệt, thiết kế mặt cắt ngang tuyến đường theo nguyên tắc thiết kế: đảm bảo kích thước của nền, mặt đường theo quy mô thiết kế trên cơ sở bám sát, tận dụng tối đa chiều rộng nền mặt đường hiện tại.

- Tuyến 1: Chiều rộng nền đường: $B^n = 4,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường: $B^m = 3,5\text{m}$; độ dốc ngang 2 mái $i = 2\%$; lề đường $B^l = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$; độ dốc ngang $i = 4\%$; ta luy đắp đất 1/1,5.

- Tuyến 2: Chiều rộng nền đường: $B^n = 4,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường: $B^m = 3,5\text{m}$; độ dốc ngang 2 mái $i = 2\%$; lề đường $B^l = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$; độ dốc ngang $i = 4\%$; ta luy đắp đất 1/1,5.

- Tuyến 3: Chiều rộng nền đường: $B^n = 5,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường: $B^m = 4,0\text{m}$; độ dốc ngang 2 mái $i = 2\%$; lề gia cố BTXM M250# $B^l = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$; độ dốc ngang $i = 2\%$; ta luy đắp đất 1/1,5.

4 - Kết cấu mặt đường:

Căn cứ quy mô, cấp hạng của công trình đã được duyệt và nguồn vốn đầu tư cho công trình thiết kế kết cấu áo đường như sau:

* Kết cấu mặt đường bê tông xi măng áp dụng cho tuyến 1 và tuyến 2:

+ Mặt đường BTXM M250#, đá 2x4 dày 20cm;

+ Lót cát vàng tạo phẳng dày 3cm;

+ Móng cấp phối đá dăm loại II dày 16cm;

+ Đắp nền bằng cát đạt độ chặt $K = 0,98$ dày 50cm;

+ Đắp nền bằng cát đen đầm chặt $K = 0,95$ (nếu có);

+ Nền đường.

* Kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng áp dụng cho tuyến 3:

- Trên mặt đường cũ: Mặt đường thảm BTN hạt trung dày 7cm (BTN C16); Tưới nhũ tương nhựa đường a xít, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; Bù vênh mặt cũ bằng CPĐD loại I.

- Trên mặt đường mở rộng hoặc làm mới: Mặt đường thảm BTN hạt trung dày 7cm (BTN C16), Tưới nhũ tương nhựa đường a xít, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; Lót móng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm, Lót móng cấp phối đá dăm loại II dày 25cm; Cát đen đầm chặt $K = 0,98$ dày 50cm; tôn nền đường cũ bằng cát đen đầm chặt $K = 0,95$ (nếu có).

5 - Kết cấu nền đường:

- Trên cơ sở số liệu điều tra, khảo sát và quy mô cấp hạng tuyến đường, thiết kế kết cấu lề đường như sau: Đắp bằng đất đầm chặt K=0,90, độ dốc mái ta luy đắp: 1/1,5.

6 - Thiết kế thoát nước :

a) Thoát nước dọc tuyến:

- Thiết kế rãnh thoát nước dọc B400 từ Km0+19,87 ÷ Km0+193,25 (bên phải tuyến 3);

- Kết cấu rãnh B400: Rãnh B400 bằng BTCT M200 đá 1x2 đúc sẵn đặt trên lớp móng CPDD loại II dày 10 cm, tấm đan rãnh bằng BTCT M250 đá 1x2 dày 15 cm.

- Kết cấu hồ thu, hồ ga: Móng BTXM mác 150 đá 2x4, dày 15cm trên lớp đệm móng CPDD loại II, dày 10cm; tường hồ ga xây gạch không nung vữa XM mác 75, trát trong thành hồ ga vữa XM mác 75 dày 1,5cm; tấm đan BTCT mác 250, đá 1x2, đúc sẵn.

b) Thoát nước ngang tuyến:

BẢNG THỐNG KÊ CÔNG NGANG TRÊN TUYẾN

STT	Tên tuyến	Lý trình	Khẩu độ	Chiều dài (m)
1	Tuyến 2	Km0+4,74	D800	8,0

- Thiết kế cống tròn BTCT ly tâm tải trọng HL93 D800, chiều dài 1 đợt L=1.0m; Ống cống D800 bằng BTCT đúc sẵn được đặt trên đế cống bằng cấu kiện BTCT đúc sẵn; Phần móng cống đệm móng đá dăm dày 10cm, gia cố móng bằng cọc tre L=2,5m, mật độ 25 cọc/m2.

7 – Kè đá học trên tuyến:

Bảng thống kê kè đá học trên tuyến

STT	Lý trình		Bên phải (Bên trái)	chiều cao kè (m)	Chiều dài (m)
	Từ	Đến			
Tuyến 1	Km0+37,55	Km0+63,95	Phải	2,00	26,40
	Km0+65,75	Km0+98,85	Phải	2,00	33,10
Tuyến 2	Km0+00,00	Km0+151,56	Phải	1,5	151,56
	Km0+01,20	Km0+6,70	Trái	1,5	5,50
Tổng cộng					216,56

- Kết cấu kè đá học: Gia cố móng đóng cọc tre D(6-8) L=2,5m, mật độ 20 cọc/m2, dưới móng đệm CPDD loại II dày 10 cm, móng và thân kè đá học xây VXM M100; ống nhựa PVC D60 thoát nước sau kè bố trí 5m/ống, tầng lọc bằng đá 2x4; khe phòng lún bằng 2 lớp bao tải 3 lớp nhựa đường bố trí 10m/ khe.

8 - Thiết kế an toàn giao thông:

- Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2024/BGTVT.

- Cọc tiêu: Bố trí cọc tiêu tuyến 2 với cự ly 10m/cọc bên phải tuyến đường; Cọc tiêu bằng BTCT M200#, kích thước (110x15x15)cm.

- Vuốt nổi: Trên tuyến có vị trí giao với các đường đất hiện trạng; Tại các vị trí này thiết kế các vuốt nổi từ tuyến chính vào các đường đất, mặt đường vuốt nổi bằng chiều rộng của đường đất nhánh; Kết cấu vuốt nổi làm như kết cấu mặt đường làm mới

9 - Đền bù, giải phóng mặt bằng:

- Do tuyến đi qua khu vực là nương và khu dân cư nhà dân (đã có phần lưu không của đường) do vậy khi thiết kế đã đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu vừa đảm bảo kỹ thuật vừa phù hợp yêu cầu địa phương. Tuyến không phải đền bù GPMB.

VIII - BIỆN PHÁP THI CÔNG CHỦ ĐẠO

1- Phương hướng chung

- Chuẩn bị mặt bằng thi công.
- Do điều kiện mặt bằng khá chật hẹp cho nên thi công nền, mặt đường bằng thủ công kết hợp với máy. Thi công bằng thủ công chủ yếu đối với những hạng mục nhỏ. Khi thi công cần phân chia thành từng đoạn để vừa thi công vừa đảm bảo giao thông.

- Trong quá trình thi công, thiết kế kiến nghị cần phải phân luồng giao thông cho các phương tiện đi lại trong khu vực nhằm đảm bảo giao thông và chất lượng công trình.

- Phương án cung cấp vật liệu:
+ Đất đắp lề: đất đắp lề được tận dụng từ đất đào khuôn để đắp.
+ Đá các loại, cát vàng, cát san nền: theo tiêu chuẩn thi công hiện hành.
+ Xi măng dùng xi măng bao PC30, PC40.
+ Các loại vật liệu khác có khối lượng nhỏ lẻ được tận dụng và mua tại địa phương.

- Phương án vận chuyển vật liệu: Do hiện trạng tuyến đường có nền mặt đường nhỏ hẹp, nếu sử dụng xe vận chuyển vật liệu có tải trọng lớn sẽ làm phá vỡ kết cấu nền mặt đường hiện tại. Vì vậy vật liệu được vận chuyển bằng xe ô tô 5T về tập kết tại đầu tuyến sau đó được vận chuyển tiếp bằng xe ô tô tự đổ 2,5 - 5 tấn vào trong công trình.

2 - Biện pháp và trình tự thi công tổng thể:

- Thi công nền đường bằng máy kết hợp với thủ công, chia nền đường thành những đoạn có chiều dài <= 100m để thi công. Thi công nền đào đến đến

đầu tiên hành đắp nền ngay đến đó. Trong quá trình thi công nền đường, khi thi công đắp phần khuôn đường phải đặc biệt lưu ý làm rãnh xương cá để thoát nước lòng đường khi có mưa.

+ Thi công nền đường đào: Dùng máy kết hợp với nhân công đẩy cỏ, đánh cấp, vét bùn, đào khuôn đường, hữu cơ, đất yếu ... trước khi đắp nền đường. Đất đào ra một phần được chọn lọc để tận dụng đắp lề đường, phần còn lại xúc lên xe ô tô vận chuyển đổ ra khỏi phạm vi công trường.

+ Thi công cống thoát nước ngang đường.

+ Thi công nền đường đắp: Sau khi thi công nền đường đào được một đoạn khoảng $\leq 100\text{m}$ và được nghiệm thu xong thì tiến hành thi công đắp nền đường. Nền đường được đắp thành từng lớp có chiều dày sau khi đầm nền từ 15 - 25 cm. Thi công các lớp đắp lần lượt từ dưới lên trên, các lớp đắp dưới phải được TVGS kiểm tra, nghiệm thu và chấp thuận mới được đắp lớp tiếp theo.

+ Đắp lề đường: được thi công song song với các lớp đắp cát trong nền đường bằng đầm cóc kết hợp với nhân công. Khi thực hiện đắp lề cần thi công theo phương pháp đắp dư, sau đó xén gọt, vỗ đầm đảm bảo độ chặt và độ dốc mái taluy thiết kế.

- Thi công mặt đường bằng máy kết hợp với thủ công.

+ Thi công lớp móng cấp phối đá dăm bằng cơ giới kết hợp với thủ công. Dùng máy san, máy rải để rải cấp phối đá dăm, bù phụ bằng thủ công.

+ Thi công lớp mặt đường nhựa chặt C16 bằng máy rải nhựa kết hợp tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn. San gạt, đầm lèn bằng nhân lực kết hợp máy rải.

+ Thi công lớp mặt đường BTXM bằng máy trộn bê tông tại chỗ kết hợp với thủ công. San gạt, đầm lèn bê tông bằng nhân lực kết hợp với đầm bàn, đầm dùi.

- Hoàn thiện và bảo dưỡng mặt đường theo đúng quy trình quy định.

- Hoàn thiện, vỗ bạt mái taluy, trồng cỏ gia cố mái taluy, dọn dẹp bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

- Tất cả các hạng mục công việc phải có các chứng chỉ thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình theo quy định hiện hành.

- Biện pháp đảm bảo ATGT:

+ Nhà thầu cần phối kết hợp với địa phương làm tốt công tác phân luồng để đảm bảo giao thông được thông suốt. Đặc biệt là thi công mặt đường nhà thầu cần phân thành những đoạn thi công có chiều dài không quá 100 m, thi công đến đâu phải tiến hành thu dọn vật tư vật liệu dư thừa đến đó để đảm bảo người và xe cộ đi lại được thuận tiện.

+ Đối với những đoạn đang thi công cần có biện pháp phân luồng xe cơ giới tạm thời, các xe thô sơ và người đi bộ có thể đi tạm trên lề đường.

+ Khi thi công nhà thầu cần phải bố trí đặt các biển báo hiệu như: biển báo hiệu công trường, biển báo hạn chế tốc độ, biển báo hướng đi... kết hợp với nhân công hướng dẫn chỉ đường ở hai đầu đường và đoạn thi công. Về ban ngày phải có barie kết hợp cấm còi hiệu, về ban đêm phải có barie kết hợp với đèn đỏ để báo hiệu.

IX - ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ GIẢI PHÁP XỬ LÝ

Các hoạt động của dự án được phân làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn trước xây dựng (chuẩn bị đầu tư).

- Giai đoạn xây dựng (thực hiện đầu tư).

- Giai đoạn khai thác (kết thúc xây dựng)

Tác động môi trường sẽ được đánh giá cho mỗi giai đoạn.

1 - Giai đoạn chuẩn bị xây dựng:

Ở giai đoạn này tác động chủ yếu về mặt xã hội. Các thông tin về dự án sẽ có tác động đến hộ dân có đất ở các khu vực có tuyến đi qua, tập trung chủ yếu xung quanh vấn đề chủ trương và chế độ giải phóng mặt bằng, đền bù.

Tuy nhiên, vấn đề này không trở thành quá bức xúc, vì tuyến không phải đền bù GPMB.

2 - Giai đoạn xây dựng:

Việc tổ chức thi công và thi công các đoạn tuyến sẽ làm tăng khối lượng vận tải trên các tuyến đường bộ đến công trình (chủ yếu là vận chuyển máy móc, thiết bị và vật liệu xây dựng).

Phát sinh tiếng ồn, độ rung khi thiết bị xe lu hoạt động.

Phát sinh các khí thải và phế thải xây dựng.

Gây cản trở giao thông xung quanh công trường xây dựng.

3 - Giai đoạn khai thác và duy tu bảo dưỡng:

Ở giai đoạn này tác động đến môi trường xã hội là tích cực.

Tạo điều kiện phát triển nhanh kinh tế xã hội địa phương.

Nâng cao năng suất lao động của nhân dân và đảm bảo an toàn cho người dân đi lại trong quá trình sản xuất.

4 - Giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường:

Mặc dù tác động tiêu cực như nêu trên là nhỏ, trong thời gian ngắn nhưng cũng cần lưu ý có biện pháp giảm bớt tiếng ồn, bụi và khí thải trong quá trình thi công.

X- KẾT LUẬN :

- Do từ khi khảo sát thiết kế đến khi đưa công trình vào thi công tuyến đường vẫn luôn trong thời gian khai thác sử dụng. Vì vậy trong quá trình thi công nếu có vấn đề gì sai khác đề nghị Nhà thầu cần báo ngay cho các cấp liên quan để phối hợp giải quyết kịp thời.

- Công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cự Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc được xây dựng xong sẽ tăng cường việc lưu thông giao thông và giao lưu hàng hoá giữa địa phương với các vùng lân cận trong khu vực với nhau. Tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của địa phương và các vùng trong tỉnh ngày càng vững mạnh, ngày càng phát triển cùng đất nước tiến lên Công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

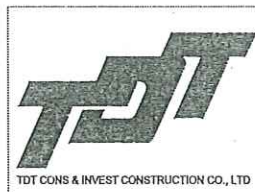
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....



TUYẾN 1: TỪ NHÀ ÔNG THUẦN ĐẾN NHÀ ÔNG ÍCH

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỰU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT

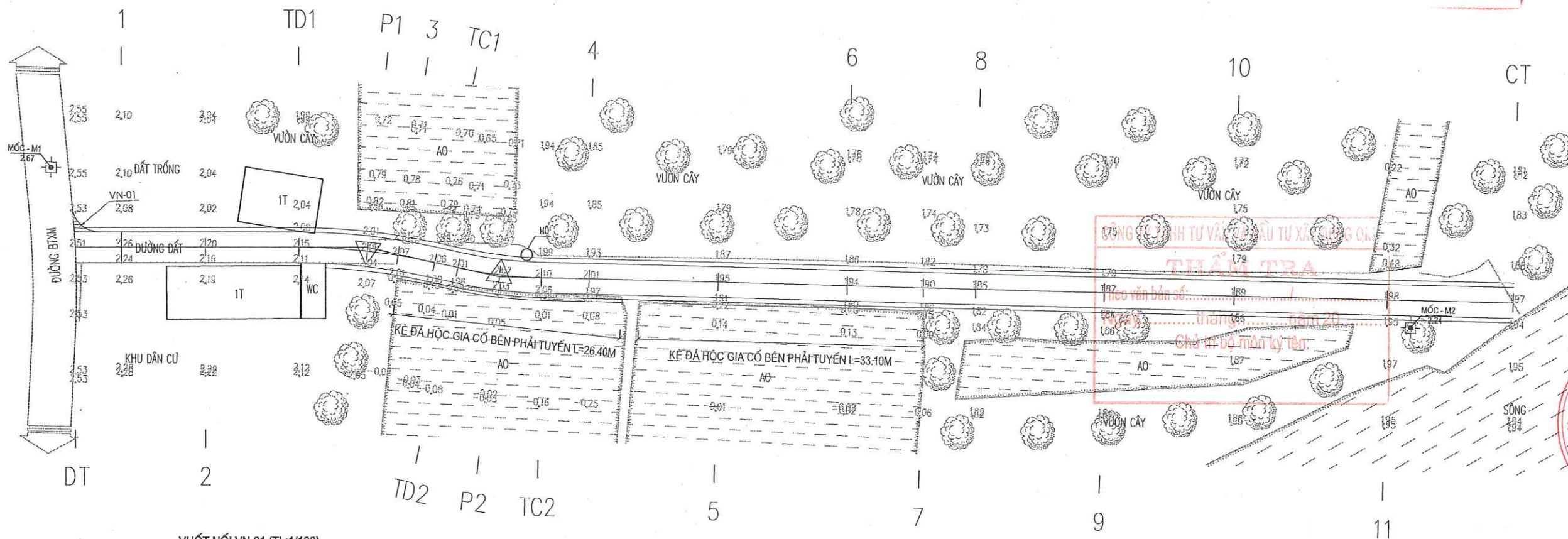


HƯNG YÊN, NĂM 2025

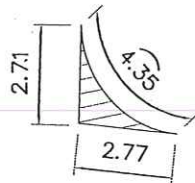
ĐẦU TUYẾN

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

CUỐI TUYẾN



VUỐT NỐI VN-01 (TL: 1/100)
DIỆN TÍCH S=1.59M²



KÍ HIỆU:



MỐC CAO ĐỘ

CỘT ĐIỆN



MƯƠNG



RUỘNG LÚA



CÂY

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

DÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Nhận:...../202.....

CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
THANH TUYÊN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT
HUNG YÊN - KS. VŨ VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VŨ CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BẢO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

A3

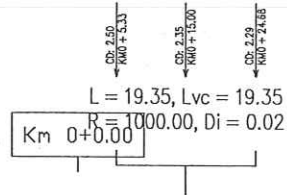
TỶ LỆ:

1/500

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

BĐTK-01

TRẮC DỌC TUYẾN 1



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

Km 0+167.55

	0.10	0.24	0.13	0.20	0.20	0.20	0.25	0.18	0.15	0.23	0.27	0.26	0.29	0.33	0.30	0.26	0.14	0.13
	2.61	2.50	2.35	2.29	2.28	2.27	2.26	2.26	2.25	2.25	2.24	2.22	2.20	2.19	2.18	2.16	2.14	2.12
Cao độ thiết kế	2.61	2.50	2.35	2.29	2.28	2.27	2.26	2.26	2.25	2.25	2.24	2.22	2.20	2.19	2.18	2.16	2.14	2.12
Dốc dọc thiết kế	15.00	2.07%										0.13%						
Cao độ tự nhiên	2.51	2.26	2.20	2.15	2.08	2.07	2.06	2.01	2.07	2.10	2.01	1.95	1.94	1.90	1.85	1.87	1.89	1.98
Khoảng cách lẻ	5.22	9.78	10.98	7.95	3.61	4.34	4.89	2.71	4.88	5.65	15.00	15.00	8.85	6.15	15.00	15.00	17.91	14.64
Khoảng cách cộng dồn	0.00	5.22	15.00	25.98	33.93	37.55	41.89	44.59	49.47	54.35	60.00	75.00	90.00	98.85	105.00	120.00	135.00	152.91
Tên cọc	DT	1	2	TD1	3	TD2	TC2	4	5	6	7	8	9	10	11	CT		
Lý trình	Km 0+0.00										H1					Km 0+167.55		
Đoạn thẳng đoạn cong																		

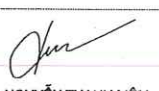
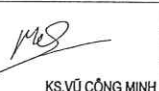
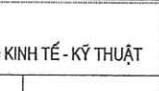
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM

THẨM TRA

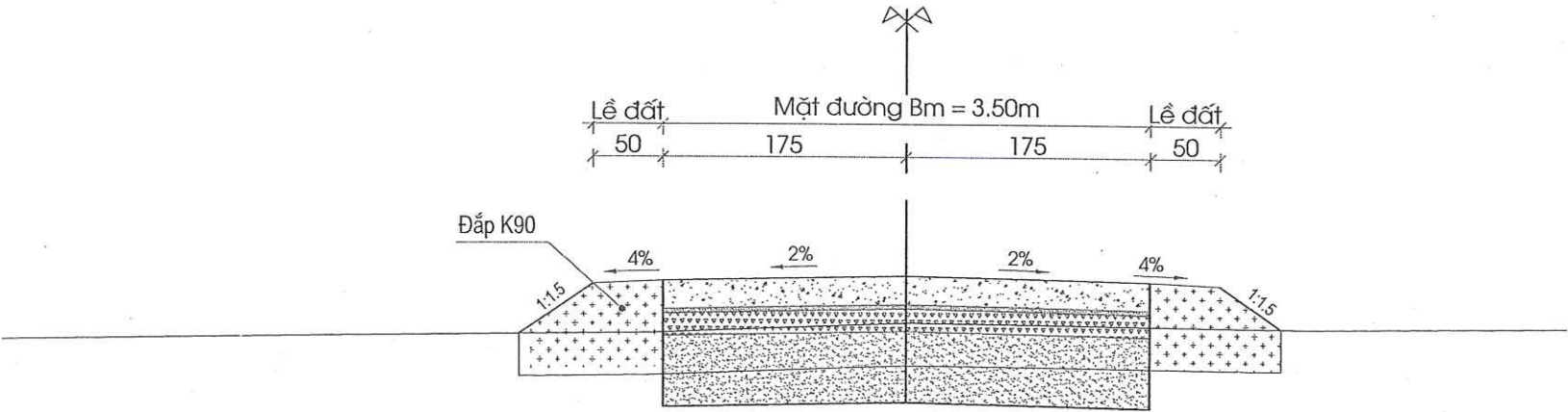
Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

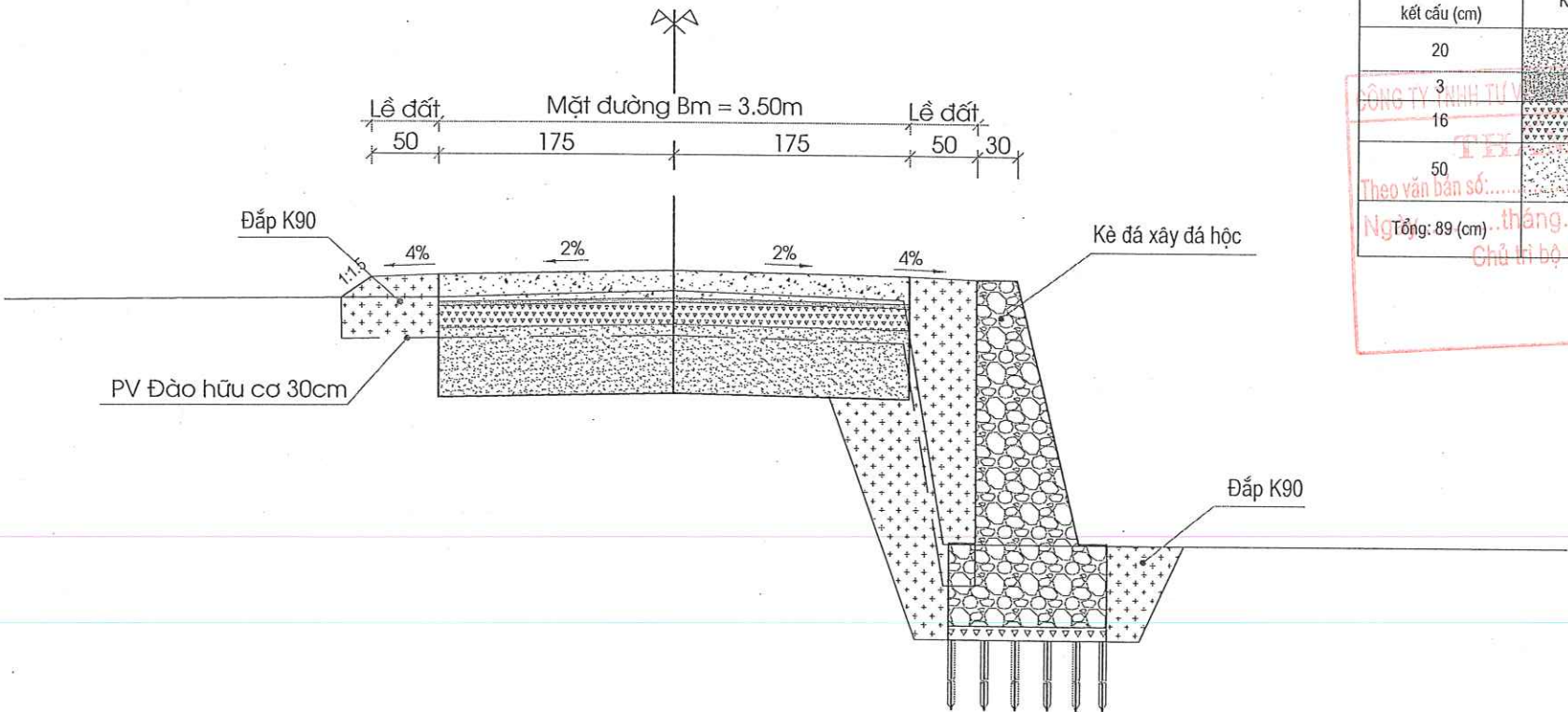
Chủ trì bộ môn kỹ thuật

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÀ LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONSTRUCTION CO., LTD		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC: 041996-CT.HY		
 KS. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC DỌC TUYẾN 1		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	 KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
CHỦ TRÌ	 KS. TRẦN ĐỨC DŨNG	
KIỂM TRA	 KS. VŨ CÔNG MINH	
THIẾT KẾ	 KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BẢO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/1000	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-01	

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
(TỪ KMO+0.00 ĐẾN KMO+37.55;
TỪ KMO+98.85 ĐẾN KMO+167.55))



MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
(TỪ KMO+37.55 ĐẾN KMO+98.85)



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

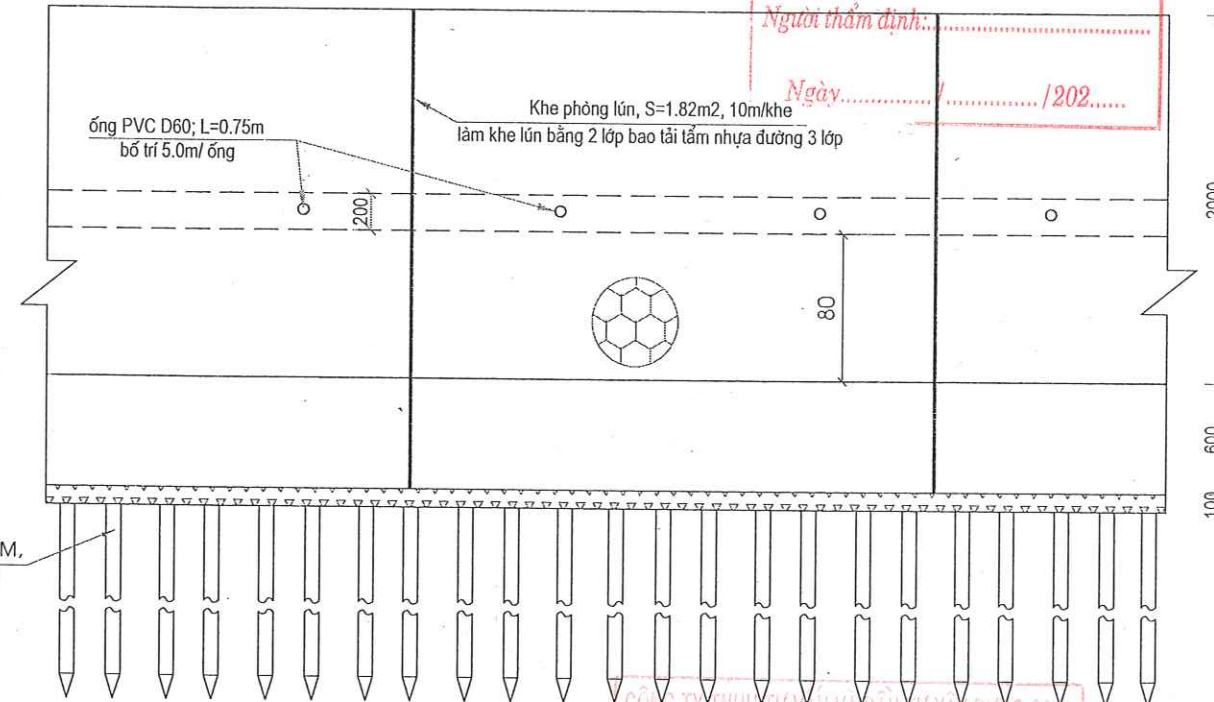
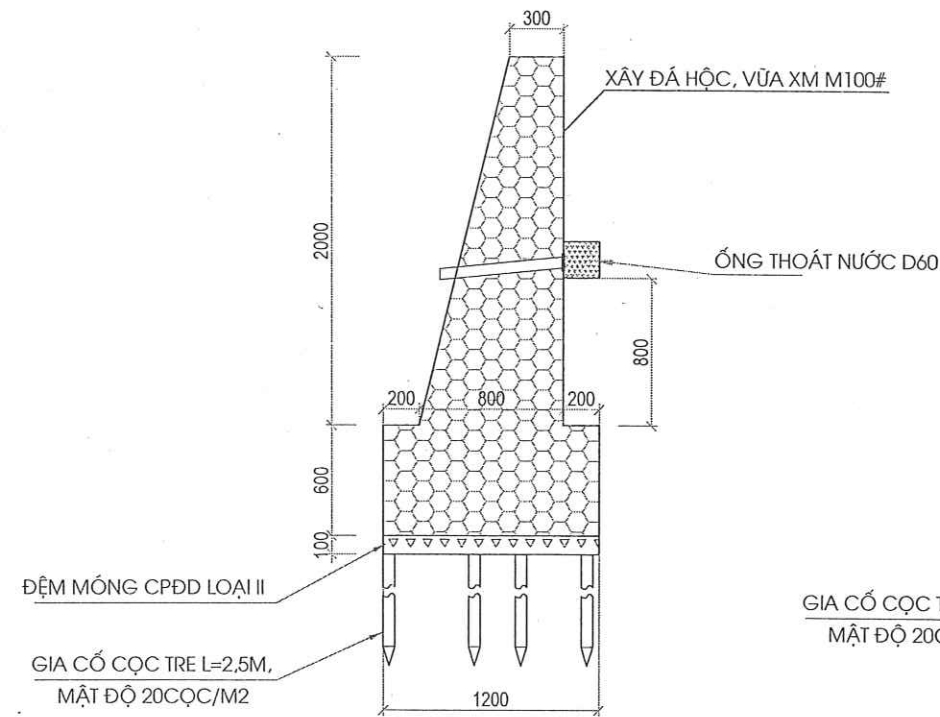
KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG

Chiều dày kết cấu (cm)	Ký hiệu	Vật liệu
20		Mặt đường bê tông xi măng M250
3		Lớp cát vàng tạo phẳng
16		Móng cấp phối đá dăm loại II
50		Đắp cát nền đường đạt độ chặt K98
Theo bản vẽ số:.....		Nền đất tốt
Ngày..... tháng..... năm 20.....		
Tổng: 89 (cm)		
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:		

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÀ LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT T. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN KS. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 2		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
	KS. TRẦN BẮC DŨNG	
THIẾT KẾ		
	KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/50	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	DH-01	

Ghi chú:
- Kích thước trong bản vẽ đơn vị là cm.

CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỘC (TL: 1/40)



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ
ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CH...

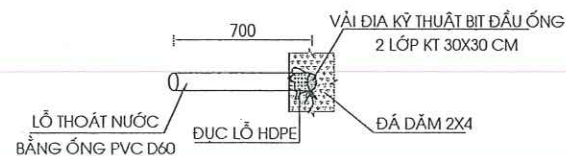
THẨM TRA

Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:.....

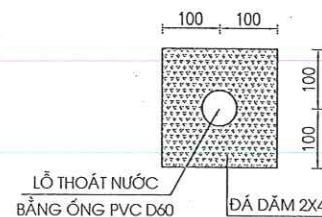
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG KÈ ĐÁ HỘC

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
*	Chiều dài tường kè đá hộc	m	Thống kê trên bình đồ	59,50	
I	Đào đắp tường kè				
1	Đào móng tường kè	m3	Theo bảng khối lượng nền mặt đường	233,74	
2	Đắp đất tường kè K90	m3	Theo bảng khối lượng nền mặt đường	132,97	
II	Khối lượng móng tường kè				
1	Đóng cọc tre D(6-8) dài 2,5 m mật độ 20 cọc/m2	cọc	=ROUND(20*1,2*L tường chắn,0)	1428,00	
2	Đệm móng CPDD loại II	m3	=L tường chắn*0.1*1,2	7,14	
III	Khối lượng thân tường chắn				
1	Xây móng bằng đá hộc vữa xây M100	m3	=Ltc*0,6*1,2	42,84	
2	Xây tường bằng đá hộc vữa xây M100	m2	= Ltc*(0,3+0,8)*2,0*0,5	65,45	
3	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	=2*0.3*0.3*L tường chắn/5	2,14	
4	Lỗ thoát nước D60	m	=0.75*L tường chắn/5	8,93	
5	Khe phòng lún 2 lớp giấy dầu	m2	=1,82*L tường chắn/10	10,83	
6	Đá dăm 2x4 tầng lọc	m3	=ROUND(L tường chắn/5,0)*0.2*0.2*0.2	0,10	

CHI TIẾT LỖ THOÁT NƯỚC



MẶT CẮT LỖ THOÁT NƯỚC

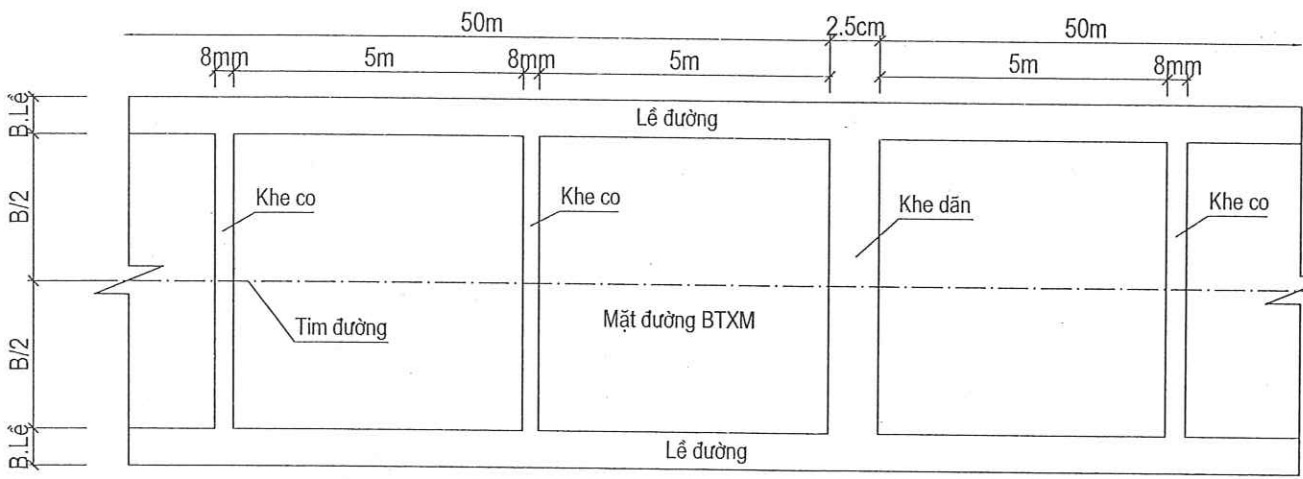


CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÀ LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN GIÁM ĐỐC:..... CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT KS. VU VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
CHI TIẾT KÈ GIA CỐC ĐÁ HỘC		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
CHỦ TRÌ	KS. TRẦN ĐẮC DŨNG	
KIỂM TRA	KS. VU CÔNG MINH	
THIẾT KẾ	KS. VU CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHO GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1:40	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	KD-01	

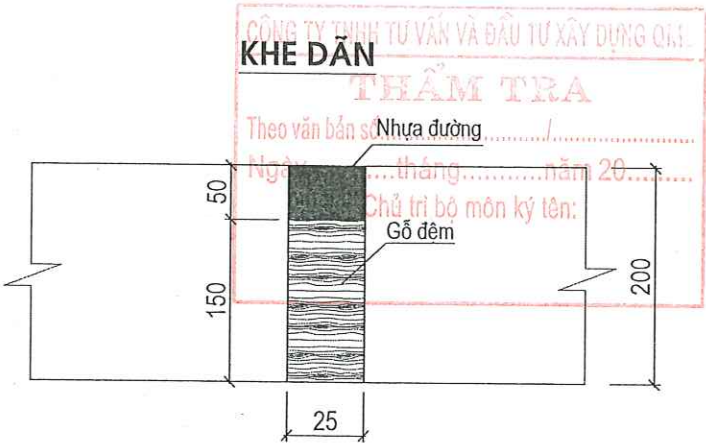
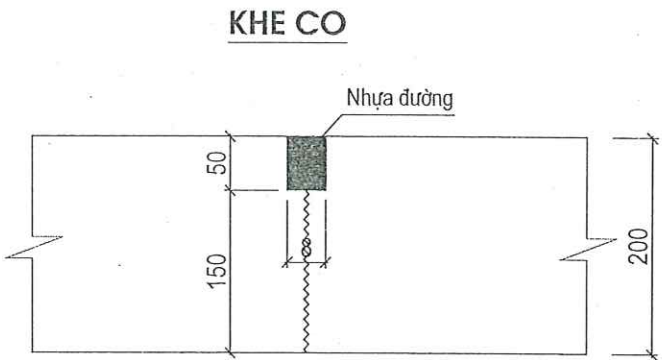
Ghi chú:

- Kích thước trong bản vẽ đơn vị mm

MẶT BẰNG BỐ TRÍ KHE CO DẪN



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....



GHI CHÚ:

- Cứ 50 m bố trí 1 khe dẫn (b=2,5cm), giữa các khe dẫn là khe co (b=8mm).
- Khoảng cách giữa các khe co cách nhau 5m.
- Kích thước trong bản vẽ là mm.

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VI TƯ VẤN:

TDT
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT
ĐỊA CHỈ: TOWER 3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN
GIÁM ĐỐC: **TDT**
KS. VŨ VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

CẤU TẠO KHE CO DẪN

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VŨ CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

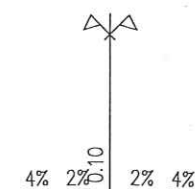
KHỔ GIẤY: A3

TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ: KCD-01

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.38 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.79 m2
Đắp lề + taluy : 0.38 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc DT
Km 0 + 0.00

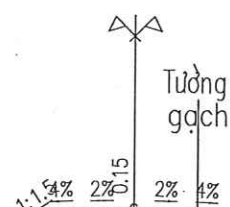


MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.59	2.57	2.61	2.57	2.59		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	1.75	1.75	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.55	2.55	2.53	2.51	2.53	2.53	2.53		
Khoảng cách mìa		5.60	4.00	4.00	4.00	4.00	5.60		

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.50 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.51 m2
Đắp lề + taluy : 0.66 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc 2
Km 0 + 15.00



MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.08	2.31	2.35	2.31	2.08		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	1.75	1.75	0.50			
Cao độ tự nhiên	2.04	2.04	2.02	2.20	2.16	2.19	2.22		
Khoảng cách mìa		5.60	4.00	4.00	1.75	2.33	9.52		

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

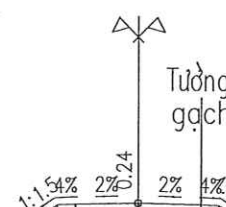
ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.58 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.20 m2
Đắp lề + taluy : 0.88 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc 1
Km 0 + 5.22

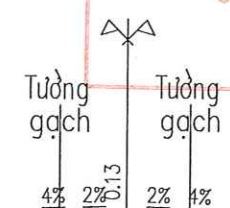


MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.14	2.47	2.50	2.47	2.14		
Khoảng cách lề thiết kế			0.48	1.75	1.75	0.48			
Cao độ tự nhiên	2.10	2.10	2.08	2.26	2.24	2.26	2.28		
Khoảng cách mìa		5.60	4.00	4.00	1.75	2.33	9.52		

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.47 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.56 m2
Đắp lề + taluy : 0.59 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc ID1
Km 0 + 25.98



MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.07	2.25	2.29	2.25	2.07		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	1.75	1.75	0.50			
Cao độ tự nhiên	1.99	2.04	2.08	2.15	2.11	2.14	2.12		
Khoảng cách mìa		9.18	2.57	1.85	1.75	2.33	9.52		

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

THẨM TRA

Theo văn bản số:.....

.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.8, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC: CÔNG TY

TNHH TƯ VẤN

VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN

KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BẢO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

A3

TỶ LỆ:

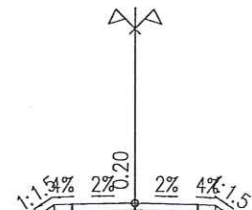
1/200

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TN- 01

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.54 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.35 m2
Đắp lề + taluy : 0.76 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc P1
Km 0 + 33.93

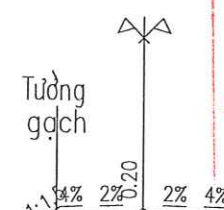


MSS: -1

Cao độ thiết kế				1.97	2.24	2.28	2.24	2.65		
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.38	0.50	1.75	1.75	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.73	0.79	0.82	1.86	2.01	2.08	2.04	2.07	2.05	
Khoảng cách mìa		5.27	3.04	0.60	2.84	1.85	1.75	2.33	9.52	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.45 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.32 m2
Đắp lề + taluy : 0.66 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.81 m2
Đắp móng kè : 2.07 m2

Cọc TC1
Km 0 + 41.89

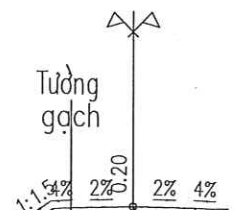


MSS: -1

				1.98	2.23	2.26	2.23	2.65		
				0.38	0.50	1.75	1.75	0.50		
	0.71	0.76	0.79	1.84	1.99	2.06	2.00	0.13	0.04	-0.03
		4.60	2.67	0.67	3.24	2.42	2.42	0.64	2.81	7.73

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.46 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.33 m2
Đắp lề + taluy : 0.68 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.82 m2
Đắp móng kè : 2.08 m2

Cọc 3
Km 0 + 37.55

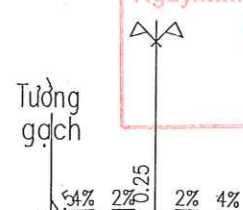


MSS: -1

Cao độ thiết kế				1.96	2.24	2.27	2.24	2.65		
Khoảng cách lẻ thiết kế				0.38	0.50	1.75	1.75	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.72	0.78	0.81	1.85	2.01	2.07	2.01	0.14	0.05	-0.02
Khoảng cách mìa		5.27	2.79	0.53	3.27	1.75	2.42	0.64	2.81	7.73

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.49 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.16 m2
Đắp lề + taluy : 0.80 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.24 m2
Đắp móng kè : 2.00 m2

Cọc ID2
Km 0 + 44.59



MSS: -1

				1.90	2.23	2.26	2.23	2.65		
				0.38	0.50	1.75	1.75	0.50		
	0.66	0.71	0.74	1.79	1.90	2.01	1.96	0.08	-0.01	-0.08
		4.60	2.67	0.67	2.75	2.91	2.10	0.78	2.99	7.73

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THẨM TRA
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC: CÔNG TY		
TDT		
KS. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 1		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
	KS. TRẦN ĐẮC DŨNG	
THIẾT KẾ		
	KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 02	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.44 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.40 m2
Đắp lề + taluy : 0.98 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.58 m2
Đắp móng kè : 1.70 m2

Cọc P2
Km 0 + 49.47

Tường
gạch

MSS: -1

Cao độ thiết kế					2.98 2.22	2.25	2.22	2.22	2.22		
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50	1.75	1.75	0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	0.72	0.76	0.79	1.85	1.97	2.07	2.03	0.14	0.05	-0.02	
Khoảng cách mìa		3.77	3.09	0.75	2.48	3.51	1.74	0.65	3.48	7.73	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.47 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.23 m2
Đắp lề + taluy : 0.90 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.63 m2
Đắp móng kè : 1.80 m2

Cọc 4
Km 0 + 60.00

Tường
gạch

MSS: -1

					1.92 2.21	2.24	2.21	2.21	2.21		
					0.50	1.75	1.75	0.50	0.50		
	1.85	1.85	1.93	2.01	1.97	-0.01	-0.08	-0.24			
	5.60	5.45	2.55	1.88	0.69	2.10	8.93				

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.44 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.50 m2
Đắp lề + taluy : 0.89 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.63 m2
Đắp móng kè : 1.78 m2

Cọc TC2
Km 0 + 54.35

Tường
gạch

MSS: -1

Cao độ thiết kế					1.99 2.21	2.25	2.21	2.21	2.21		
Khoảng cách lẻ thiết kế					0.50	1.75	1.75	0.50	0.50		
Cao độ tự nhiên	1.94	1.94	1.99	2.10	2.06	0.08	0.01	-0.15			
Khoảng cách mìa		5.60	5.50	2.50	1.80	0.67	2.20	8.93			

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.48 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.10 m2
Đắp lề + taluy : 0.77 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.78 m2
Đắp móng kè : 2.14 m2

Cọc 5
Km 0 + 75.00

Tường
gạch

MSS: -1

					1.87 2.19	2.22	2.19	2.19	2.19		
					0.44	1.75	1.75	0.50	0.50		
	1.79	1.79	1.87	1.95	1.91	0.22	0.14	0.00			
	5.60	5.31	2.69	2.28	0.75	2.19	8.38				

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Theo văn bản số...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:

CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY

THANH TƯ VẤN

VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

TDT

TP. HUNG YÊN - KS. VŨ VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM

ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VŨ CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

A3

TỶ LỆ:

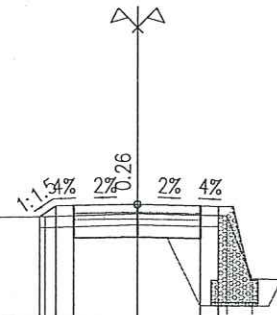
1/200

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

TN- 03

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.48 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.13 m2
Đắp lề + taluy : 0.76 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 4.11 m2
Đắp móng kè : 2.15 m2

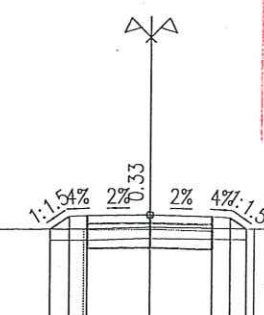
Cọc 6
Km 0 + 90.00



Cao độ thiết kế	1.78	1.78	1.86	1.94	1.90	0.20	0.13	-0.01
Khoảng cách lề thiết kế			0.44	0.50	1.75	1.75	0.60	
Cao độ tự nhiên	1.78	1.78	1.86	1.94	1.90	0.20	0.13	-0.01
Khoảng cách mìa		5.60	5.45	2.55	2.49	0.70	2.55	7.85

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.65 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 0.90 m2
Đắp lề + taluy : 1.09 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc 8
Km 0 + 105.00

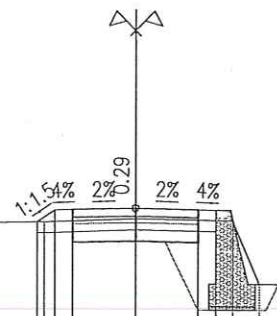


Cao độ thiết kế	1.69	1.73	1.78	1.85	1.82	1.84	1.82
Khoảng cách lề thiết kế			0.54	0.50	1.75	1.75	0.45
Cao độ tự nhiên	1.69	1.73	1.78	1.85	1.82	1.84	1.82
Khoảng cách mìa		7.09	4.66	1.85	2.92	1.84	8.84

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.50 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.04 m2
Đắp lề + taluy : 0.81 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 4.47 m2
Đắp móng kè : 2.11 m2

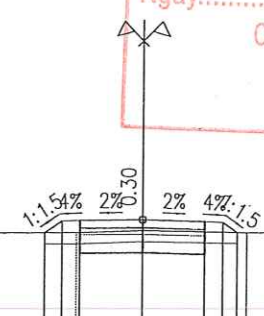
Cọc 7
Km 0 + 98.85



Cao độ thiết kế	1.74	1.74	1.82	1.90	1.86	0.15	0.09	-0.05
Khoảng cách lề thiết kế			0.48	0.50	1.75	1.75	0.60	
Cao độ tự nhiên	1.74	1.74	1.82	1.90	1.86	0.15	0.09	-0.05
Khoảng cách mìa		5.60	5.45	2.55	2.71	0.76	2.28	7.85

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.61 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.02 m2
Đắp lề + taluy : 0.99 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc 9
Km 0 + 120.00



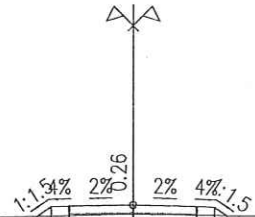
Cao độ thiết kế	1.71	1.75	1.79	1.87	1.84	1.86	1.84
Khoảng cách lề thiết kế			0.48	0.50	1.75	1.75	0.40
Cao độ tự nhiên	1.71	1.75	1.79	1.87	1.84	1.86	1.84
Khoảng cách mìa		7.09	4.66	1.85	2.92	1.84	8.84

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Người thẩm định:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIỆN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
CÔNG TY TDT		
T. HUNG YÊN - K. S. V. V. TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 1		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
	KS. TRẦN ĐẮC DŨNG	
THIẾT KẾ		
	KS. V. C. MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 04	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.57 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.18 m2
Đắp lề + taluy : 0.86 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

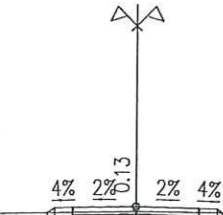
Cọc 10
Km 0 + 135.00



MSS: -1							
Cao độ thiết kế			2.86	2.11	2.14	2.11	2.86
Khoảng cách lề thiết kế			0.40	0.50	1.75	0.50	0.40
Cao độ tự nhiên	1.73	1.75	1.79	1.89	1.86	1.87	1.86
Khoảng cách mìa		4.08	5.72	3.80	2.92	4.79	5.89

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.45 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.62 m2
Đắp lề + taluy : 0.54 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc CT
Km 0 + 167.55

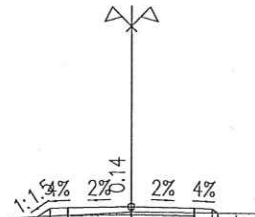


MSS: -1							
Cao độ thiết kế			2.04	2.06	2.10	2.06	2.04
Khoảng cách lề thiết kế			0.30	0.30	1.75	0.30	0.30
Cao độ tự nhiên	1.82	1.83	1.88	1.97	1.94	1.95	1.94
Khoảng cách mìa		4.08	5.72	3.80	2.92	4.79	5.89

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.50 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.54 m2
Đắp lề + taluy : 0.65 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc 11
Km 0 + 152.91



MSS: -1							
Cao độ thiết kế			2.84	2.08	2.12	2.08	2.84
Khoảng cách lề thiết kế			0.30	0.30	1.75	0.30	0.30
Cao độ tự nhiên	0.23	0.32	0.40	1.98	1.95	1.97	1.95
Khoảng cách mìa		8.06	1.84	3.31	2.92	4.79	5.89

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTVT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
KS. VU VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 1		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
	KS. TRẦN ĐỨC DŨNG	
THIẾT KẾ		
	KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 05	

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN 1
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ,
THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
*	CHIỀU DÀI THIẾT KẾ	m	Bảng THKL nền mặt đường	167,55	
I	NỀN MẶT ĐƯỜNG				
1	Nền đường				
-	Đào bùn	m2	Bảng THKL nền mặt đường	0,00	
-	Đào hữu cơ	m3	Bảng THKL nền mặt đường	254,23	
-	Đào khuôn đường	m3	Bảng THKL nền mặt đường	213,48	
-	Đắp lề +taluy đất K90	m3	Bảng THKL nền mặt đường	132,99	
-	Đắp nền đường K95	m3	Bảng THKL nền mặt đường	0,00	
2	Mặt đường				
a	S Mặt đường	m2	Bảng THKL nền mặt đường	588,02	
b	Khối lượng mặt đường				
-	Đắp cát nền đường K98 dày 50 cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	294,01	
-	Khối lượng CPDD loại II dày 16 cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	94,08	
-	Khối lượng cát vàng tạo phẳng dày 3cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	17,64	
-	Lót nilong mặt đường	m2	Bảng THKL nền mặt đường	588,02	
-	Ván khuôn mặt đường	m2	Bảng THKL nền mặt đường	68,43	
-	Bê tông mặt đường M250 đá 2x4	m3	Bảng THKL nền mặt đường	117,60	
II	TƯỜNG CHẮN KÈ ĐÁ HỌC				
-	Chiều dài làm tường kè	m		59,50	
a	Đào đắp				
-	Đào móng tường chắn	m3	Bảng THKL tường chắn	233,74	
-	Đắp đất tường chắn K90	m3	Bảng THKL tường chắn	132,97	
b	Khối lượng móng				
-	Đóng cọc tre D(6-8) dài 2,5 m mật độ 20 cọc/m2	cọc	Bảng THKL tường chắn	1428,00	
-	Đệm móng CPDD loại II	m3	Bảng THKL tường chắn	7,14	
c	Khối lượng thân				
-	Xây móng bằng đá học vữa xây M100	m3	Bảng THKL tường chắn	42,84	
-	Xây tường bằng đá học vữa xây M100	m3	Bảng THKL tường chắn	65,45	
-	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	Bảng THKL tường chắn	2,16	
-	Lỗ thoát nước D60	m	Bảng THKL tường chắn	9,00	
-	Khe phòng lún 2 lớp giấy dầu	m2	Bảng THKL tường chắn	10,92	
-	Đá dăm 2x4 tầng lọc	m3	Bảng THKL tường chắn	0,10	
IV	KHẢO SÁT				
-	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 cấp địa hình cấp 2	m2	Bảng THKL nền mặt đường	3.351,00	
-	Đo cao thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	167,55	
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	167,55	
-	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	380,00	

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

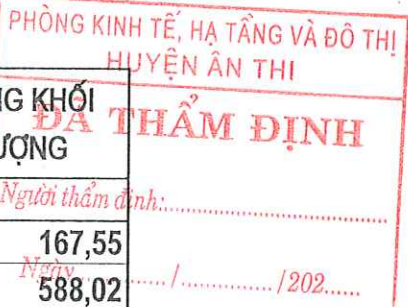
Ngày...../...../202.....



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN, MẶT ĐƯỜNG TUYẾN 1

Công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc
Địa điểm: xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG	TỔNG KHỐI LƯỢNG
	A- Phần nền + mặt đường			
1	Chiều dài thiết kế mặt đường	m	= Ltk	167,55
2	Tổng diện tích mặt đường giao thông	m ²	= Smd	588,02
	-Diện tích mặt đường		= Smd	586,43
	-Diện tích vuốt nối		= Svn	1,59
3	Đào bùn	m ³		0,00
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	0,00
4	Đào đất hữu cơ	m ³		254,23
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	253,75
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	0,48
5	Đào khuôn đường	m ³		213,48
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	212,62
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	0,86
6	Đắp nền đường K = 0,95	m ³	"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	0,00
7	Đắp lề đất + taluy đầm chặt K = 0,90	m ³	"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	132,99
8	Diện tích mặt đường giao thông	m2	Smd	588,02
9	Lớp cát đen đầm chặt K98 dày 50cm	m3	= Smd*0.50	294,01
10	Khối lượng cấp phối đá dăm loại II dày 16cm	m3	= Smd*0.16	94,08
11	Lớp cát vàng tạo phẳng dày 3cm	m3	= Smd*0.03	17,64
12	Khối lượng mặt đường BTXM M250 dày 20cm	m3	= Smd*0.2	117,60
13	Ván khuôn khối BTXM mặt đường	m2		68,43
	-Phần mặt đường		= L thiết kế*0.20*2	67,02
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	1,41
14	Rải nilong cách ly	m2	Smd	588,02
	B- Phần khảo sát			
1	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 cấp địa hình 2	m2	= L tuyến*10.00*2	3.351,00
2	Đo cao thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình 2	m	= L tuyến	167,55
3	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	= L tuyến	167,55
4	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	= N trắc ngang tuyến *10.00*2	380,00



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VUỐT NỔI

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG	VN-01 PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ	TỔNG
	A- Các thông số của vuốt nổi			HUYỆN AN THỊ ĐÃ THẨM ĐỊNH	
1	Diện tích vuốt nổi	m2	$S_{vn} = S_{VN-01}$	1,59 Người thẩm định:.....	1,59
2	Cao độ thiết kế trung bình tại vuốt nổi	m	$=H_{tk}$	2,57 Ngày...../...../202.....	
3	Cao độ tự nhiên trung bình tại vuốt nổi	m	$=H_{ht}$	2,52	
4	Chiều cao đào hữu cơ trung bình	m	$H_{hc} = 0.30$	0,30	
5	Chiều cao đào khuôn	m	$H_{dk}=(H_{ht}-H_{hc})-(H_{tk}-\text{chiều dày kết cấu mặt đường})$	0,54	
	B- Phần nền + mặt đường				
1	Đào đất hữu cơ	m3	$= S_{vn} \cdot H_{hc}$	0,48	0,48
2	Đào khuôn đường	m3	$= S_{vn} \cdot H_{dk}$	0,86	0,86
3	Tổng diện tích mặt đường vuốt nổi	m2	$= S_{vn}$	1,59	1,59
4	Khối lượng mặt đường BTXM M250, đá 2x4 dày 20cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.20$	0,32	0,32
5	Ván khuôn khối BTXM mặt đường	m2		Theo văn bản số:...../..... Ngày.....tháng.....năm 20..... Chủ trì bộ môn ký tên:.....	1,41
6	Khối lượng cát vàng tạo phẳng dày 03cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.03$	0,05	0,05
7	Khối lượng lớp CPĐD loại II dày 16cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.16$	0,25	0,25
8	Khối lượng đắp cát nền đường đạt độ chặt K98 dày 50cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.50$	0,80	0,80



BẢNG CHIẾT TÍNH KHỐI LƯỢNG TRẮC NGANG TUYẾN 1

Công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc

Địa điểm: xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Tên cọc	K. Cách lề	Diện tích (m2)								Khối lượng (m3)							
		Đào bùn	Đào hữu cơ	Đắp nền đường	Đào khuôn	Đắp lề + taluy	B mặt đường	Đào móng kê	Đắp móng kê	Đào bùn	Đào hữu cơ	Đắp nền đường	Đào khuôn	Đắp lề + taluy	Đào móng kê	Đắp móng kê	
DT		-	1,38	-	1,79	0,38	3,50	-	-								
	5,22									-	7,73	-	7,80	3,29			
1		-	1,58	-	1,20	0,88	3,50	-	-								
	9,78									-	15,06	-	13,25	7,53			
2		-	1,50	-	1,51	0,66	3,50	-	-								
	10,98									-	16,31	-	16,85	6,86			
TD1		-	1,47	-	1,56	0,59	3,50	-	-								
	7,95									-	11,96	-	11,57	5,37			
P1		-	1,54	-	1,35	0,76	3,50	-	-								
	3,61									-	5,42	-	4,84	2,60	12,64	6,90	3,75
3		-	1,46	-	1,33	0,68	3,50	3,82	2,08								
	4,34									-	6,31	-	5,75	2,91	15,19	16,56	9,01
TC1		-	1,45	-	1,32	0,66	3,50	3,81	2,07								
	2,71									-	3,98	-	3,36	1,98	9,49	9,55	5,51
TD2		-	1,49	-	1,16	0,80	3,50	3,24	2,00								
	4,88									-	7,15	-	6,25	4,34	17,08	14,20	9,03
P2		-	1,44	-	1,40	0,98	3,50	2,58	1,70								
	4,88									-	7,03	-	7,08	4,56	17,08	12,71	8,49
TC2		-	1,44	-	1,50	0,89	3,50	2,63	1,78								
	5,65									-	8,22	-	7,71	5,06	19,78	14,86	10,11
4		-	1,47	-	1,23	0,90	3,50	2,63	1,80								
	15,00									-	22,13	-	17,48	12,53	52,50	48,08	29,55
5		-	1,48	-	1,10	0,77	3,50	3,78	2,14								
	15,00									-	22,20	-	16,73	11,48	52,50	59,18	32,18
6		-	1,48	-	1,13	0,76	3,50	4,11	2,15								
	8,85									-	13,19	-	9,60	6,95	30,98	37,97	18,85
7		-	1,50	-	1,04	0,81	3,50	4,47	2,11								
	6,15									-	9,69	-	5,97	5,84	21,53	13,75	6,49
8		-	1,65	-	0,90	1,09	3,50	-	-								
	15,00									-	24,45	-	14,40	15,60	52,50	-	-
9		-	1,61	-	1,02	0,99	3,50	-	-								
	15,00									-	23,85	-	16,50	13,88	52,50	-	-
10		-	1,57	-	1,18	0,86	3,50	-	-								
	17,91									-	27,49	-	24,36	13,52	62,69	-	-
11		-	1,50	-	1,54	0,65	3,50	-	-								
	14,64									-	21,59	-	23,13	8,71	51,24	-	-
CT		-	1,45	-	1,62	0,54	3,50	-	-								
TỔNG:										-	253,75	-	212,62	132,99	586,43	233,74	132,97

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



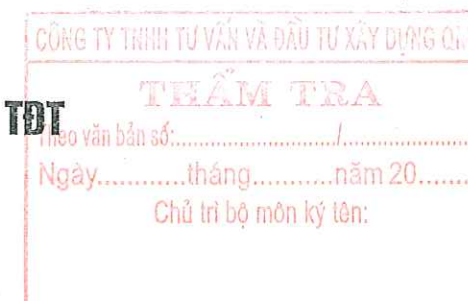
TUYẾN 2: TỪ NHÀ ÔNG LÍNH ĐẾN NHÀ ÔNG THỜI

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỰU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT



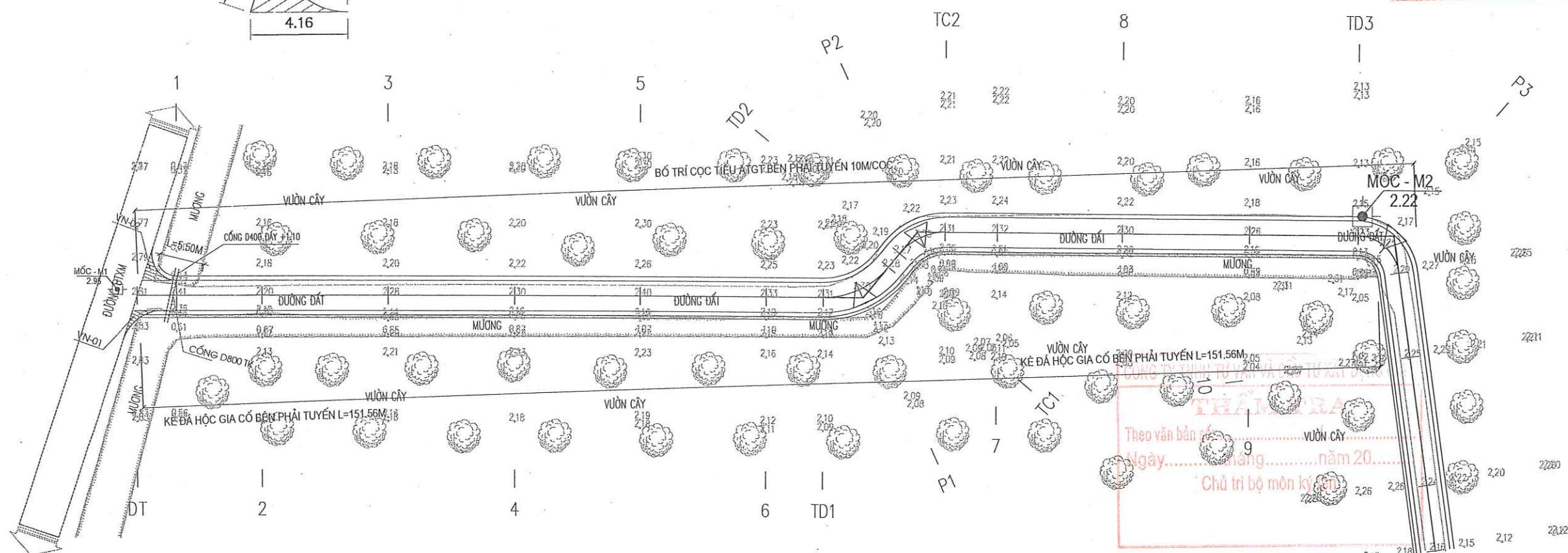
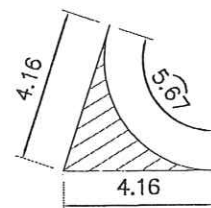
HƯNG YÊN, NĂM 2025

ĐẦU TUYẾN

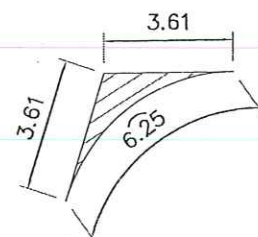
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

CUỐI TUYẾN

VUỐT NỐI VN-02 (TL:1/100)
DIỆN TÍCH S=3.96M²



VUỐT NỐI VN-01 (TL:1/100)
DIỆN TÍCH S=2.41M²



KÍ HIỆU:



MỐC CAO ĐỘ



MƯƠNG



CỘT ĐIỆN



RUỘNG LÚA



CÂY

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY

TNHH TƯ VẤN VÀ

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

TDT

TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN

KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 2

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

A3

TỶ LỆ:

1/500

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

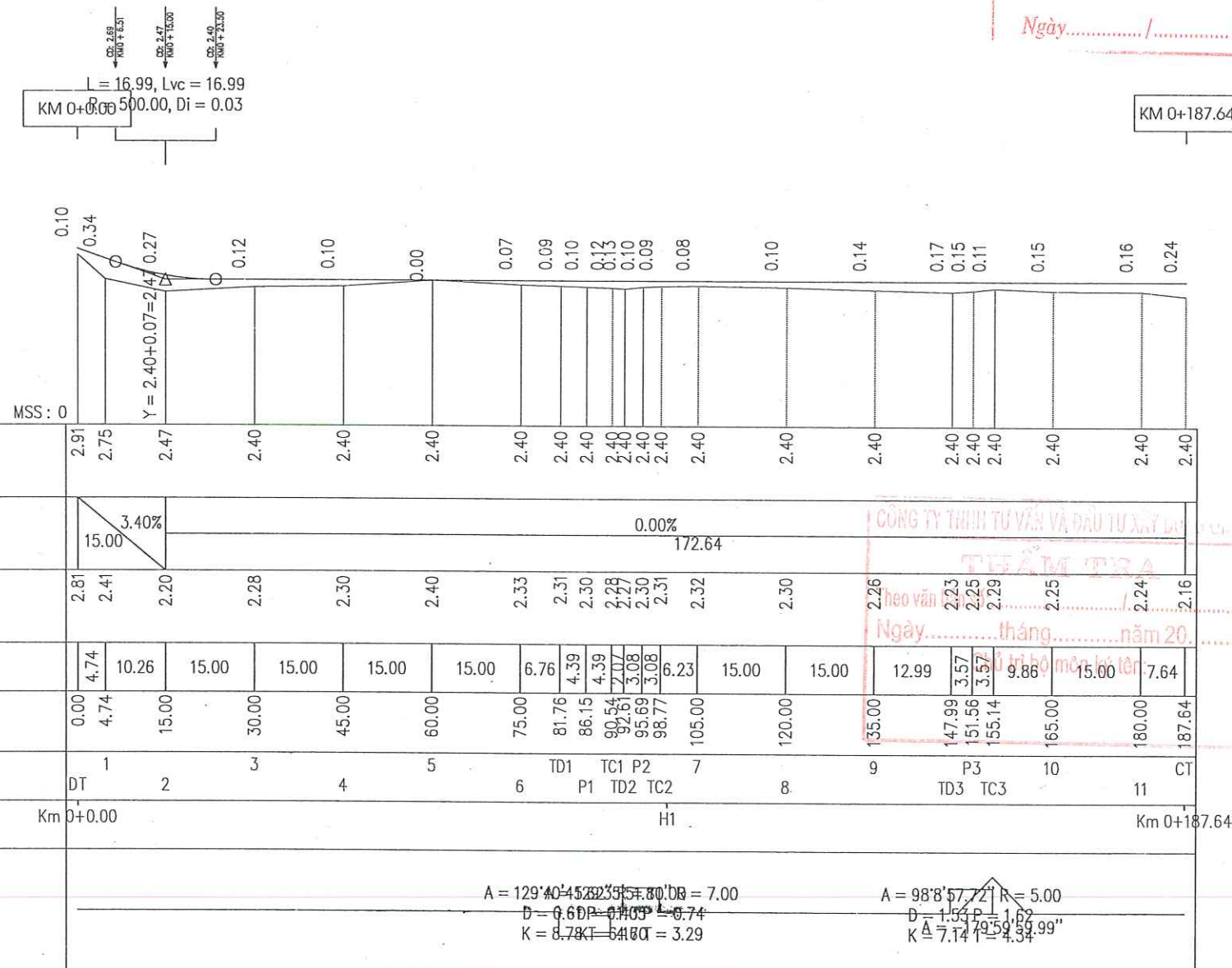
BĐTK-01

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

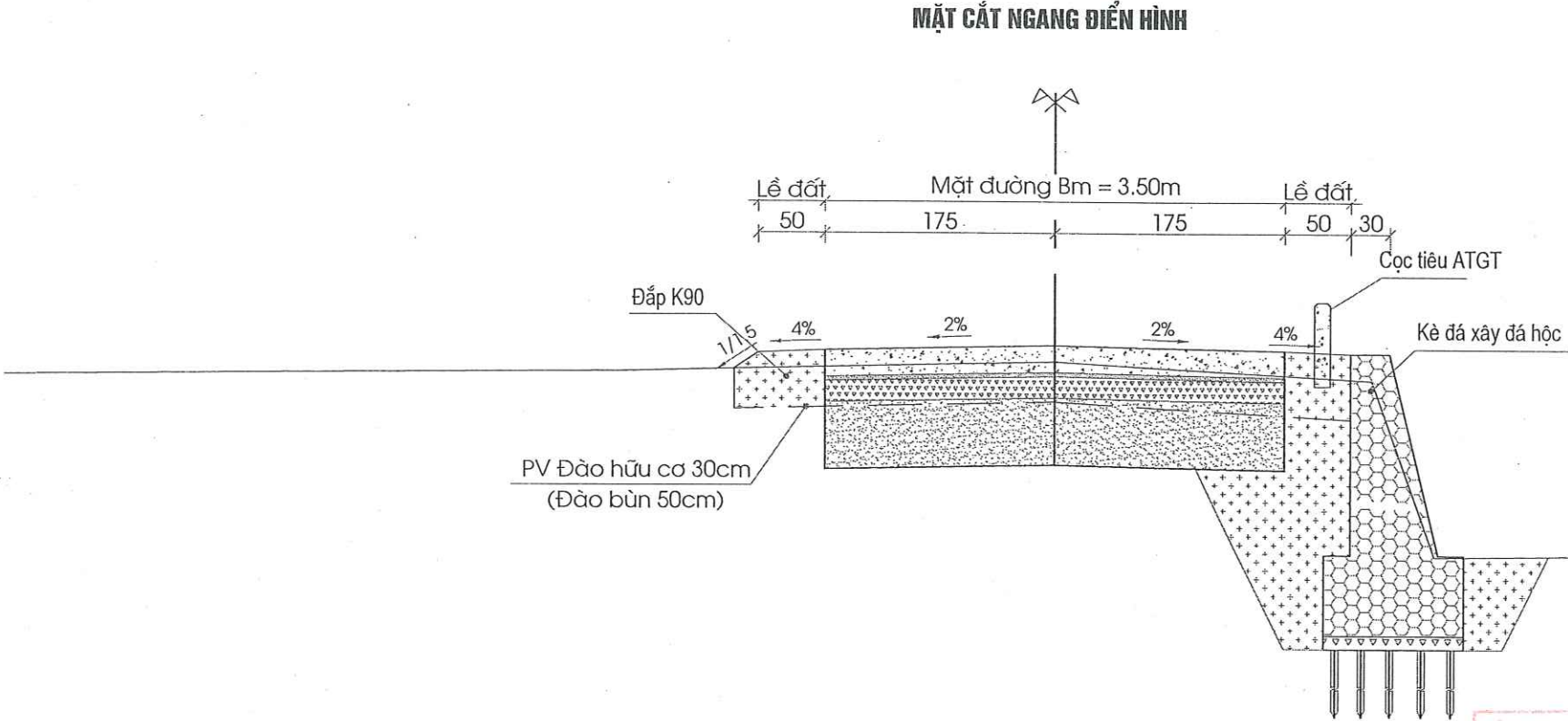
ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....



CHÍNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYỄN, XÃ ĐA LỘC		
HANG MỤC: GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:  TOT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN  GIÁM ĐỐC: KS. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC TUYẾN 2		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA	 KS. TRẦN ĐỨC DŨNG	
THIẾT KẾ	 KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN HỒ SƠ BẢO CAO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/1000	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TD-01	



KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG

Chiều dày kết cấu (cm)	Ký hiệu	Vật liệu
20		Mặt đường bê tông xi măng M250
3		Lớp cát vàng tạo phẳng
16		Móng cấp phối đá dăm loại II
50		Đắp cát nền đường đạt độ chặt K98
Tổng: 89 (cm)		Nền đất tốt

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Q&I

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn kỹ tên:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

T&I

T&I CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG T&I

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P.HIẾN NAM, TP.HUNG YÊN, T.HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Q&I

THẨM TRA

KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 3

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:

CHỦ TRÌ:

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA:

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ:

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

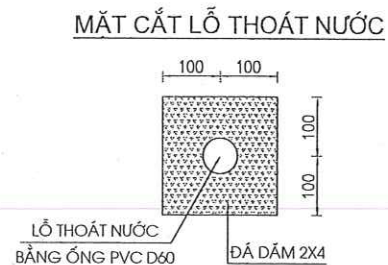
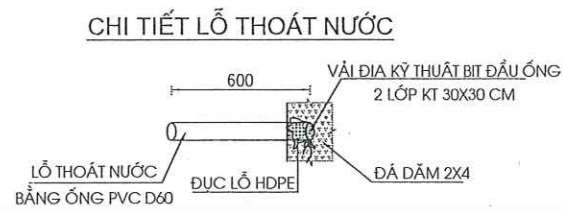
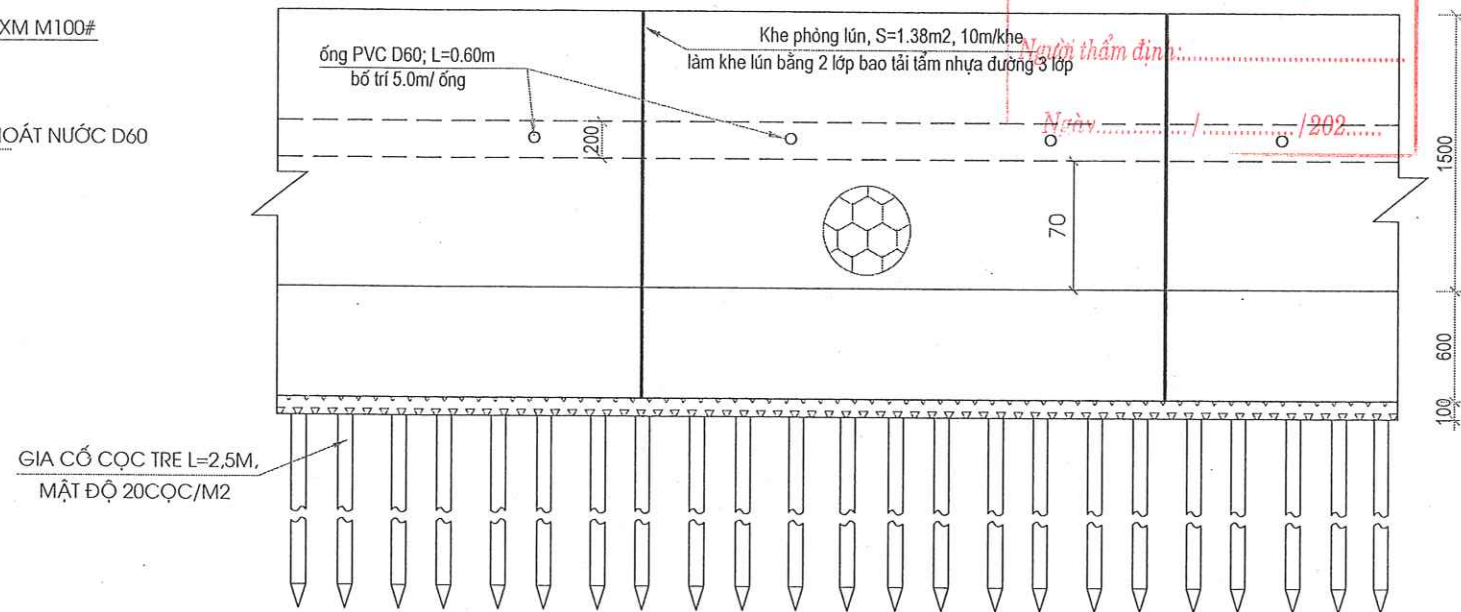
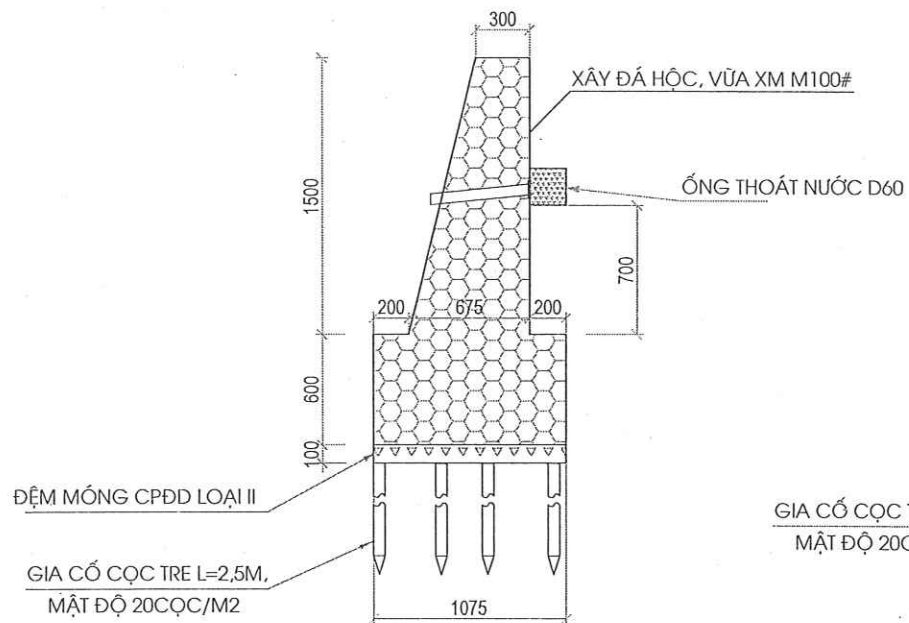
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:	A3
TỶ LỆ:	1/50
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	DH-01

Ghi chú:

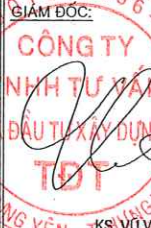
- Kích thước trong bản vẽ đơn vị là cm.

CHI TIẾT KÈ ĐÁ HỌC (TL: 1/40)



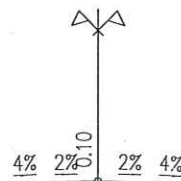
BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TƯỜNG KÈ ĐÁ HỌC					
STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
*	Chiều dài tường kè đá học	m	Thống kê trên bình đồ	157,06	
I	Đào đắp tường kè				
1	Đào móng tường kè	m3	Theo bảng khối lượng nền mặt đường	429,48	
2	Đắp đất tường kè K90	m3	Theo bảng khối lượng nền mặt đường	239,92	
II	Khối lượng móng tường kè				
1	Đóng cọc tre D(6-8) dài 2,5 m mật độ 20 cọc/m2	cọc	=ROUND(20*1,075*L tường chắn,0)	3377,00	
2	Đệm móng CPDD loại II	m3	=L tường chắn*0.1*1,075	16,88	
III	Khối lượng thân tường chắn				
1	Xây móng bằng đá học vữa xây M100	m3	=Ltc*0,6*1,075	101,30	
2	Xây tường bằng đá học vữa xây M100	m2	= Ltc*(0,3+0,675)*1,5*0,5- (3,14*0,96^2/4*0,565)	114,44	Trừ 1 vị trí cống D800 chiếm chỗ
3	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	=2*0.3*0.3*L tường chắn/5	5,65	
4	Lỗ thoát nước D60	m	=0,60*L tường chắn/5	18,85	
5	Khe phòng lún 2 lớp giấy dầu	m2	=1,38*L tường chắn/10	21,67	
6	Đá dăm 2x4 tầng cọc	m3	=ROUND(L tường chắn/5,0)*0.2*0.2*0.2	0,25	

Ghi chú:
- Kích thước trong bản vẽ đơn vị mm

CHÍNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN		
DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYỄN, XÃ ĐA LỘC		
HANG MỤC: GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:  TOT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HƯNG YÊN, T. HƯNG YÊN  GIÁM ĐỐC: K.S. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT KÈ GIA CỐ ĐÁ HỌC		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA	 KS. TRẦN ĐỨC DŨNG	
THIẾT KẾ	 KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1:40	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	KD-01	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.39 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.78 m2
Đắp lề + taluy : 0.39 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc DT
Km 0 + 0.00



Cao độ thiết kế	2.77	2.77	2.79	2.81	2.83	2.83	2.83
Khoảng cách lề thiết kế				1.75	1.75		
Cao độ tự nhiên	2.77	2.77	2.79	2.81	2.83	2.83	2.83
Khoảng cách lề	5.60	4.00	4.00	4.00	4.00	5.60	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.45 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.14 m2
Đắp lề + taluy : 0.74 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.19 m2
Đắp móng kè : 1.38 m2

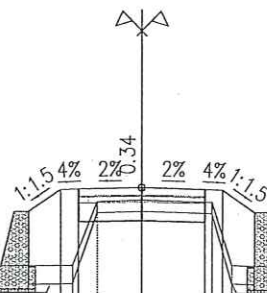
Cọc 2
Km 0 + 15.00



Cao độ thiết kế	2.16	2.16	2.18	2.20	2.22	2.13	2.09
Khoảng cách lề thiết kế			1.75	1.75	0.60		
Cao độ tự nhiên	2.16	2.16	2.18	2.20	2.22	2.13	2.09
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.10	2.07	2.12	6.61

Đào bùn : 1.43 m2
Đào hữu cơ : 0.96 m2
Đắp nền đường: 0.26 m2
Đào khuôn : 0.74 m2
Đắp lề + taluy : 5.47 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.39 m2
Đắp móng kè : 0.88 m2

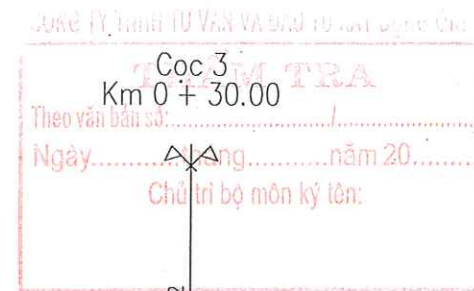
Cọc 1
Km 0 + 4.74



Cao độ thiết kế	0.57	0.60	0.64	0.66	0.61	0.56	
Khoảng cách lề thiết kế			0.90	0.90	0.90		
Cao độ tự nhiên	0.57	0.60	0.64	0.66	0.61	0.56	
Khoảng cách lề	8.44	3.24	0.68	1.24	1.96	0.56	9.46

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.40 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.58 m2
Đắp lề + taluy : 0.52 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.84 m2
Đắp móng kè : 1.50 m2

Cọc 3
Km 0 + 30.00

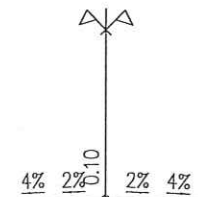


Cao độ thiết kế	2.18	2.18	2.20	2.28	2.14	2.25	2.17
Khoảng cách lề thiết kế			1.75	1.75	0.60		
Cao độ tự nhiên	2.18	2.18	2.20	2.28	2.14	2.25	2.17
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.41	0.48	1.58	6.61

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HƯNG YÊN, T. HƯNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 2		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
THIẾT KẾ	KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 01	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.40 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.65 m2
Đắp lề + taluy: 0.49 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.67 m2
Đắp móng kè : 1.52 m2

Cọc 4
Km 0 + 45.00

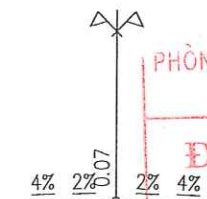


MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.20	2.20	2.22	2.30	2.16	0.85	0.82	2.23		2.19
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.24	0.52	1.60	0.40	2.24	6.61	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.38 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.75 m2
Đắp lề + taluy: 0.45 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.91 m2
Đắp móng kè : 1.75 m2

Cọc 6
Km 0 + 75.00

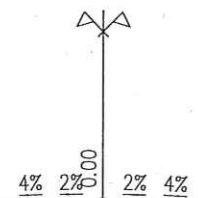


MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.23	2.23	2.25	2.33	2.18	0.88	1.19	2.16		2.12
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.20	0.38	1.68	0.44	2.30	6.61	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.37 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.91 m2
Đắp lề + taluy: 0.42 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.07 m2
Đắp móng kè : 1.72 m2

Cọc 5
Km 0 + 60.00



MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.30	2.30	2.26	2.40	2.16	1.05	1.02	2.23		2.19
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.35	0.48	1.44	0.44	2.30	6.61	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.39 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.68 m2
Đắp lề + taluy: 0.48 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.03 m2
Đắp móng kè : 1.82 m2

Cọc TD1
Km 0 + 81.76



MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.21	2.21	2.23	2.31	2.17	1.16	1.19	2.14		2.10
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.20	0.38	1.79	0.44	2.38	6.61	

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ
ĐÃ THẨM ĐỊNH

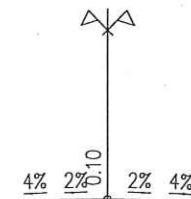
Ngày... tháng... năm 202...
Ngày... tháng... năm 202...

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT
Theo văn bản số: ...
Ngày... tháng... năm 20...
Chủ trì bộ môn kỹ tên:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
CÔNG TY		
TNHH TƯ VẤN		
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG		
TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN		
KS. VU VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 2		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
THIẾT KẾ		
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BẢO CẢO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 02	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.40 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.68 m2
Đắp lề + taluy: 0.47 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 4.17 m2
Đắp móng kè : 1.83 m2

Cọc P1
Km 0 + 86.15

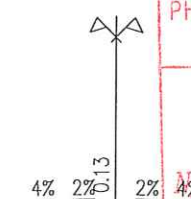


MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.20	2.20	2.22	2.30	2.16	2.12	2.13	2.09		
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	3.31	0.40	1.33	0.40	1.56	6.61	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.41 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.57 m2
Đắp lề + taluy: 0.52 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.02 m2
Đắp móng kè : 1.68 m2

Cọc TD2
Km 0 + 92.61

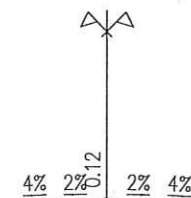


MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.17	2.17	2.19	2.27	2.13	2.09	2.07			
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.43	0.30	2.10	0.29	2.50	5.98	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.40 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.61 m2
Đắp lề + taluy: 0.50 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.41 m2
Đắp móng kè : 1.81 m2

Cọc TC1
Km 0 + 90.54



MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.18	2.18	2.20	2.28	2.14	2.10	2.07			
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.60	0.40	1.78	0.34	2.50	5.98	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.40 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.67 m2
Đắp lề + taluy: 0.48 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.69 m2
Đắp móng kè : 1.60 m2

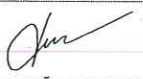
Cọc P2
Km 0 + 95.69



MSS: -1

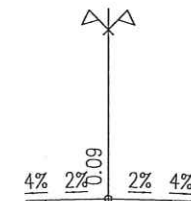
Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.20	2.20	2.22	2.30	2.19	2.12	2.09			
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.20	0.35	2.00	0.36	2.68	5.98	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT
Cọc P2
Km 0 + 95.69
Theo văn bản số:
Ngày: tháng năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONSULTING & INVESTMENT CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TOA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN		
Ks. VU VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 2		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
	KS. TRẦN ĐẮC DŨNG	
THIẾT KẾ		
	KS. VU CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 03	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.39 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.70 m2
Đắp lề + taluy : 0.46 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.80 m2
Đắp móng kè : 1.65 m2

Cọc TC2
Km 0 + 98.77

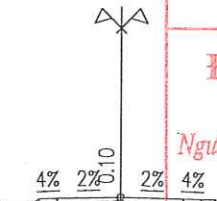


MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.21	2.21	2.23	2.31	2.36	2.38	2.38	2.13		2.10
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.28	1.50	0.7	3.22	5.98		

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.40 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.67 m2
Đắp lề + taluy : 0.48 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.95 m2
Đắp móng kè : 1.68 m2

Cọc 8
Km 0 + 120.00

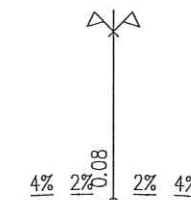


MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.20	2.20	2.22	2.30	2.36	2.38	2.38	2.12		2.09
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.29	1.85	0.7	2.71	5.98		

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.39 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.74 m2
Đắp lề + taluy : 0.44 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.97 m2
Đắp móng kè : 1.67 m2

Cọc 7
Km 0 + 105.00

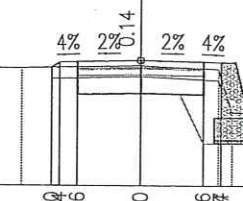


MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.22	2.22	2.24	2.32	2.36	2.38	2.38	2.14		2.11
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.36	1.67	0.7	2.93	5.98		

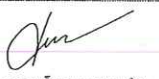
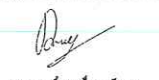
Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.41 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.53 m2
Đắp lề + taluy : 0.55 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.69 m2
Đắp móng kè : 1.62 m2

Cọc 9
Km 0 + 135.00



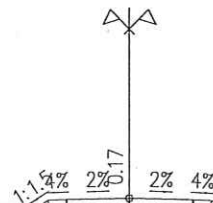
MSS: -1

Cao độ thiết kế										
Khoảng cách lề thiết kế										
Cao độ tự nhiên	2.16	2.16	2.18	2.26	2.32	2.34	2.34	2.08		2.05
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.18	1.38	0.7	2.65	5.98		

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÀ LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
CÔNG TY		
TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN		
KS. VU VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 2		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
	KS. TRẦN ĐẮC DỨNG	
THIẾT KẾ		
	KS. VU CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 04	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.43 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.43 m2
Đắp lề + taluy: 0.59 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 2.81 m2
Đắp móng kè : 1.58 m2

Cọc TD3
Km 0 + 147.99

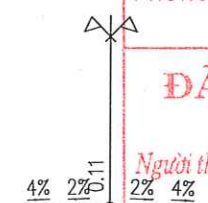


MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.37	2.36	2.40	2.36	2.39		
Khoảng cách lề thiết kế			0.36	1.75	1.75	0.36			
Cao độ tự nhiên	2.13	2.13	2.15	2.23	2.13	2.05	2.02		
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.31	0.42	1.95	2.65	5.98	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.40 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.74 m2
Đắp lề + taluy: 0.42 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc TC3
Km 0 + 155.14

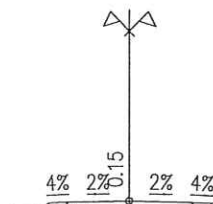


MSS: -1

			2.38	2.36	2.40	2.36	2.39		
			0.36	1.75	1.75	0.36			
	2.25	2.25	2.27	2.29	2.31	2.31	2.31		
	5.60	4.51	3.49	4.00	4.00	5.60			

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.42 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.50 m2
Đắp lề + taluy: 0.55 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 3.23 m2
Đắp móng kè : 1.71 m2

Cọc P3
Km 0 + 151.56

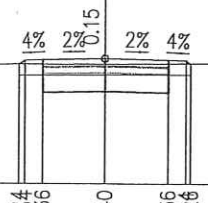


MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.37	2.36	2.40	2.36	2.39		
Khoảng cách lề thiết kế			0.36	1.75	1.75	0.36			
Cao độ tự nhiên	2.15	2.15	2.17	2.25	2.15	2.08	2.17	2.14	
Khoảng cách lề	5.60	4.70	3.30	2.53	0.42	1.74	2.65	5.98	

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.44 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.60 m2
Đắp lề + taluy: 0.50 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Theo văn bản Cọc.10
Ngày Km 0 + 165.00 năm 20.....
Chủ trì bộ môn kỹ thuật:



MSS: -1

			2.34	2.36	2.40	2.36	2.39		
			0.36	1.75	1.75	0.36			
	2.21	2.21	2.23	2.25	2.27	2.27	2.27		
	5.60	4.51	3.49	4.00	4.00	5.60			

CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:



TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG TUYẾN 2

CHỦ NHIỆM

ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KIỂM TRA

THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

KS. VŨ CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

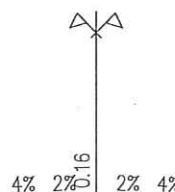
A3

1/200

TN- 05

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.44 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.57 m2
Đắp lề + taluy: 0.53 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc 11
Km 0 + 180.00

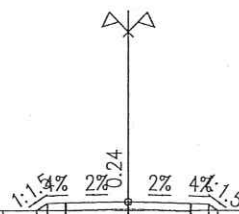


MSS: -1

Cao độ thiết kế	2.34	2.36	2.40	2.36	2.34
Khoảng cách lề thiết kế	0.36	1.75	1.75	0.36	0.36
Cao độ tự nhiên	2.20	2.20	2.22	2.24	2.26
Khoảng cách lề	5.60	4.51	3.49	4.00	4.00

Đào bùn : 0.00 m2
Đào hữu cơ : 1.51 m2
Đắp nền đường: 0.00 m2
Đào khuôn : 1.30 m2
Đắp lề + taluy: 0.71 m2
B mặt đường : 3.50 m
Đào móng kè : 0.00 m2
Đắp móng kè : 0.00 m2

Cọc CT
Km 0 + 187.64



MSS: -1

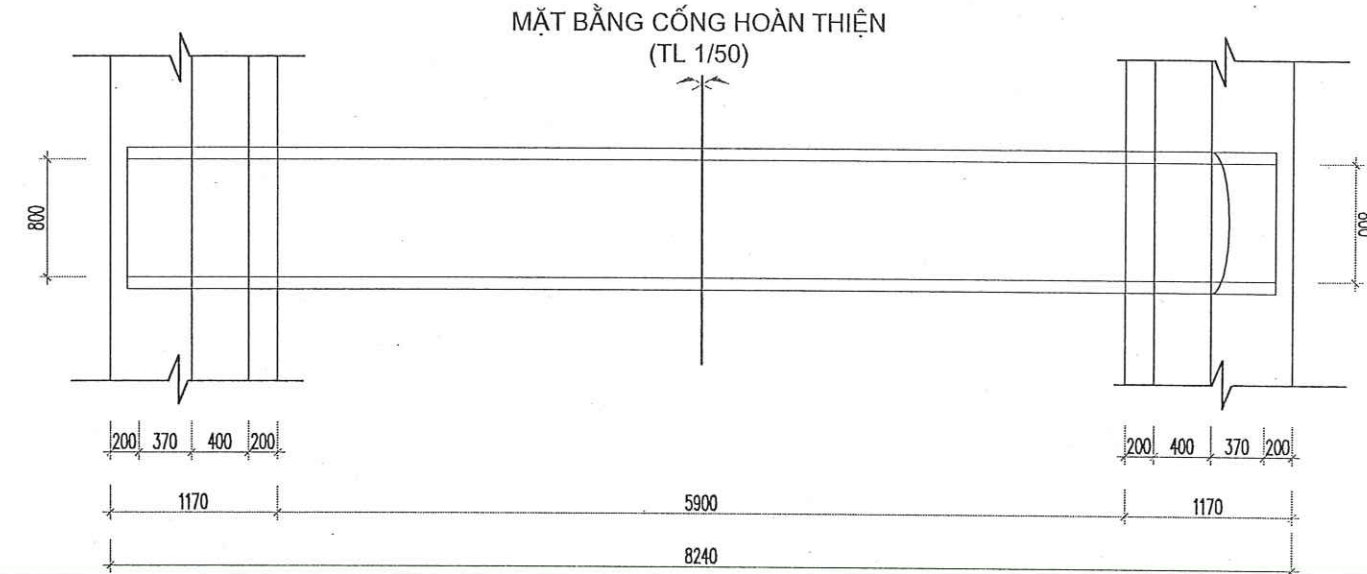
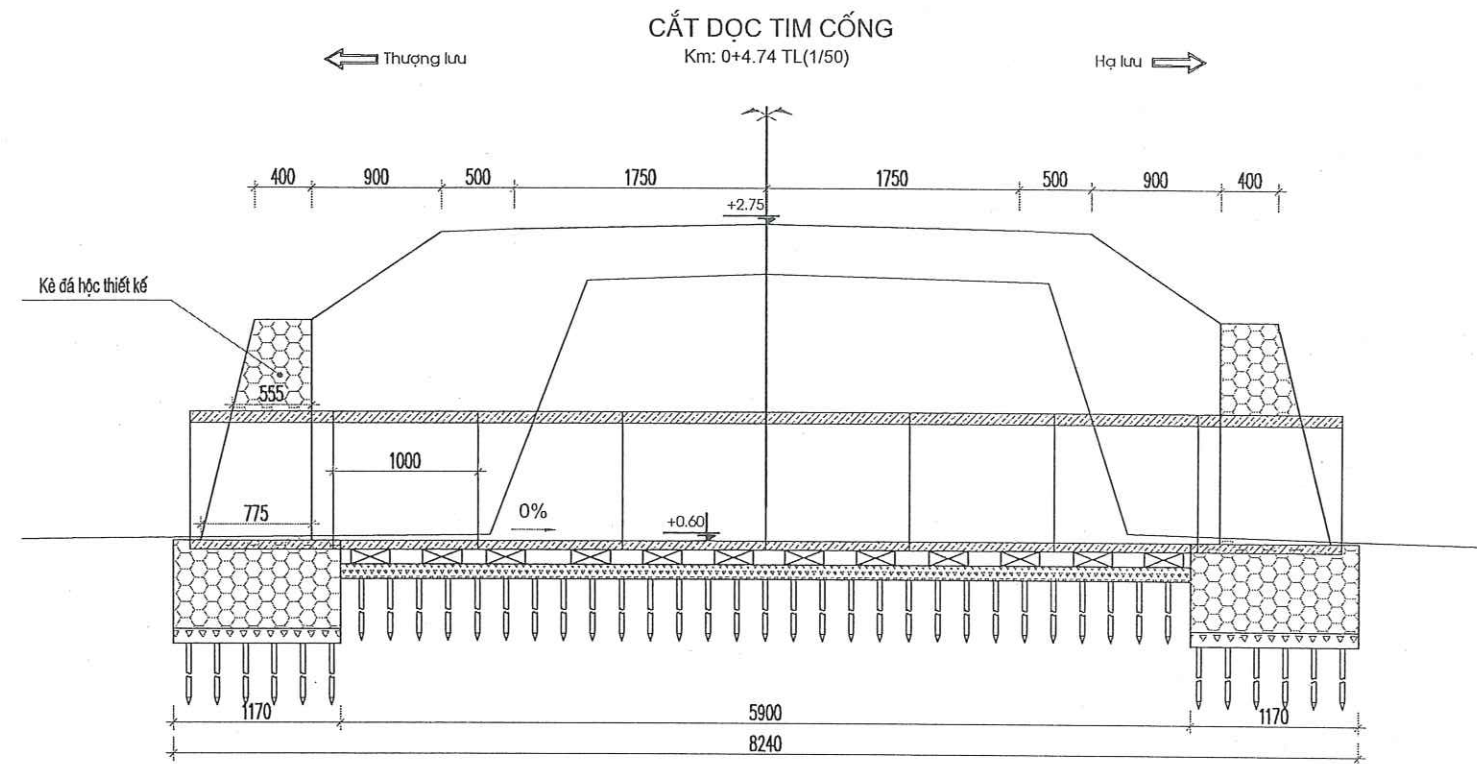
Cao độ thiết kế	2.15	2.16	2.18	2.18	2.15
Khoảng cách lề thiết kế	0.36	1.75	1.75	0.36	0.36
Cao độ tự nhiên	2.12	2.12	2.15	2.16	2.18
Khoảng cách lề	5.60	4.51	3.49	4.00	4.00

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn kỹ tên:

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT
TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN
KS. VU VAN TOAN

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN KS. VU VAN TOAN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 2		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
THIẾT KẾ		
KS. VU CÔNG MINH		
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 06	

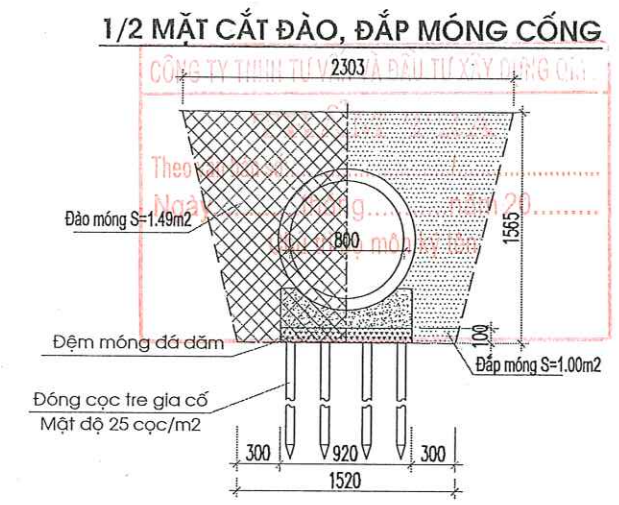
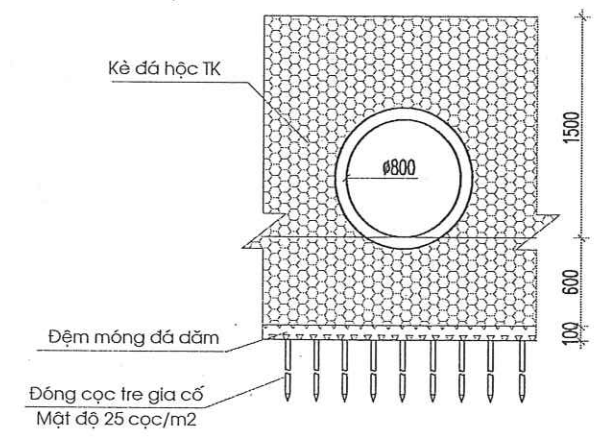


BẢNG HÌNH KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT CỐNG D800				
STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	DIỆN GIẢI KHỐI LƯỢNG	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Chiều dài thiết kế cống	L cống	8,00	m
2	Phá dỡ cống cũ D400		4,50	m
3	Đào đất hố móng		17,58	m3
4	Đắp đất trả lại hố móng		17,58	m3
5	Đóng cọc tre D6-8cm, dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m2		340,00	m
6	Đệm đá dăm móng cống dày 10cm		340,00	m
7	Cung cấp lắp đặt cống tròn BICT đường kính D800; chiều dài đốt cống L= 1,0m, tải trọng HL93		8,00	ống cống
8	Thi công mối nối cống D800		7,00	mối nối
9	Cung cấp lắp đặt đế cống tròn đường kính D800 đúc sẵn		12,00	cầu kiện

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....



Ghi chú:
- Kích thước trong bản vẽ đơn vị mm
- Đốt cống tải trọng HL93 được mua thành phẩm đảm bảo chất lượng theo TCVN 9116-2012:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

TDT
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT

KS. VU VAN TOAN

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỐNG D800 -
LÝ TRÌNH KM0+4.74

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC ĐÔNG

THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

A3

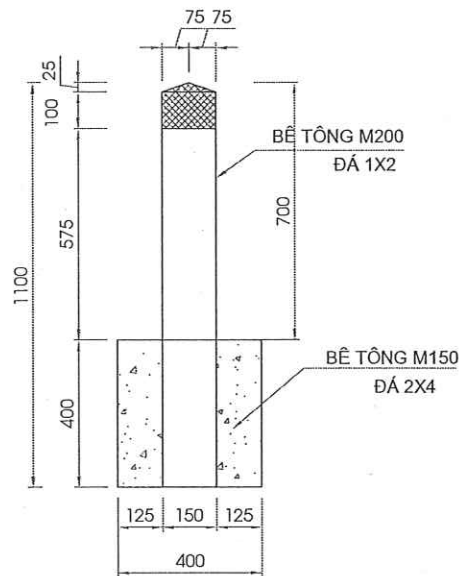
TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

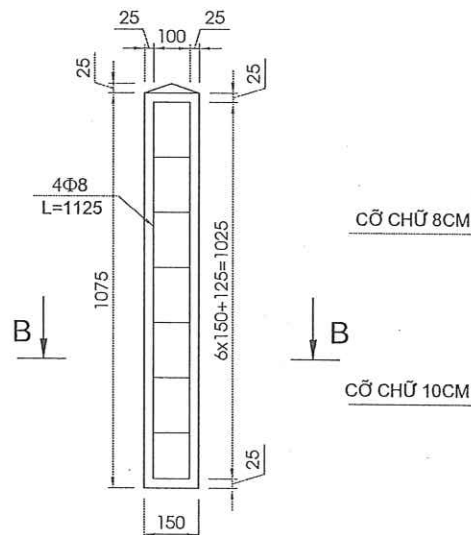
TN-01

CHI TIẾT CỌC TIÊU
TỈ LỆ 1/20

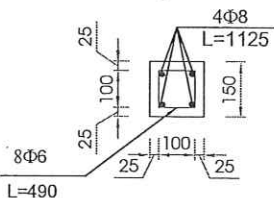
MẶT CHÍNH



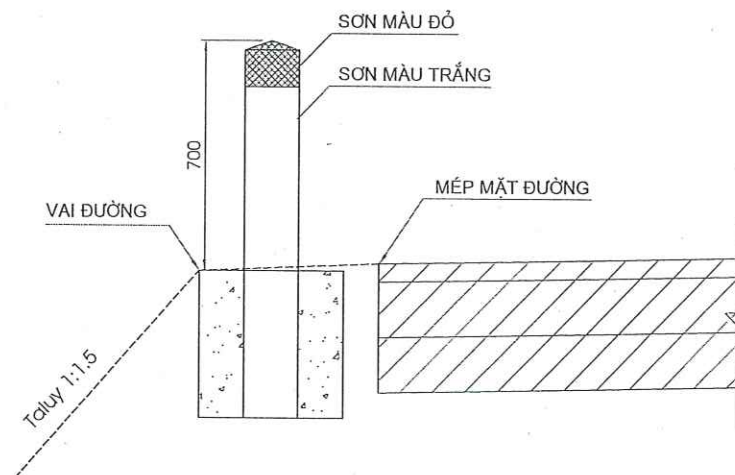
BỐ TRÍ CỐT THÉP



B-B



BỐ TRÍ CỌC TIÊU TRÊN MẶT CẮT NGANG



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

BẢNG KHỐI LƯỢNG 1 CỘT CỌC TIÊU, 1 CỘT KM

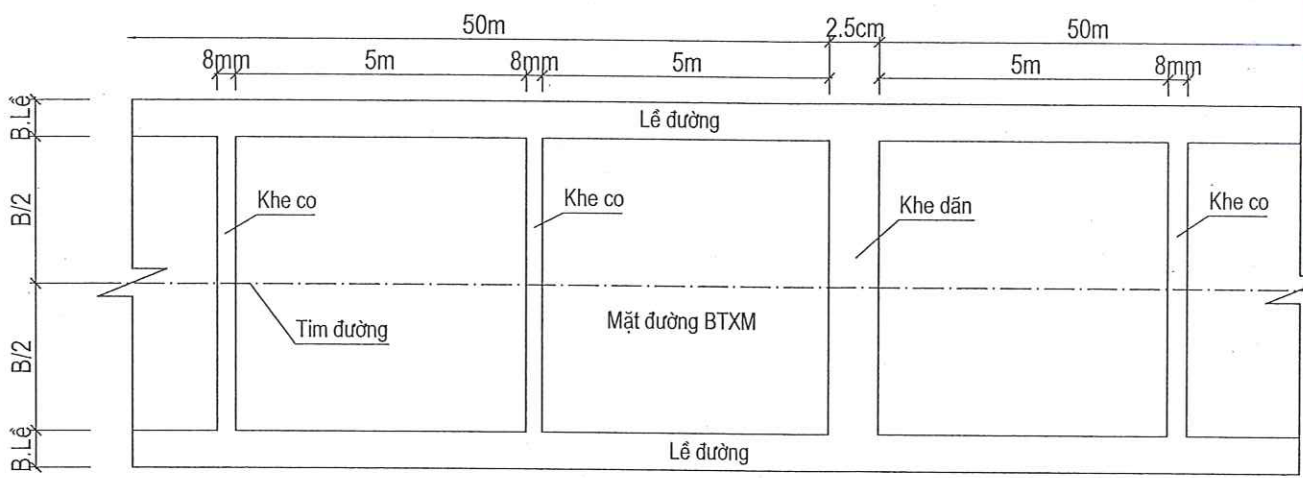
STT	HẠNG MỤC	BÊ TÔNG THÂN CỘT M200 (M3)	BÊ TÔNG BỆ MÓNG M150 (M3)	THÉP Φ6 (KG)	THÉP Φ8 (KG)	DIỆN TÍCH SƠN ĐỎ PHẦN QUANG (M2)	DIỆN TÍCH SƠN TRẮNG (SƠN 2 LẦN) (M2)	VÁN KHUÔN (M2)
2	CỌC TIÊU	0.0245	0.055	0.87	1.778	0.084	0.345	0.368

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI ĐƠN VỊ BẰNG MM
- CỌC TIÊU ĐÚC SẴN BẰNG BÊ TÔNG M200 ĐÁ 1X2
- CỌC TIÊU BIỂU BẢO CẮM SẮT VAI ĐƯỜNG VÀ CÁCH MÉP PHẦN XE CHẠY TỐI THIỂU 0.5M
- BỆ MÓNG DÙNG BÊ TÔNG M150 ĐÁ 2X4 ĐỔ TẠI CHỖ
- CỌC TIÊU THEO QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẢO HIỆU ĐƯỜNG BỘ 41:2019/BGTVT

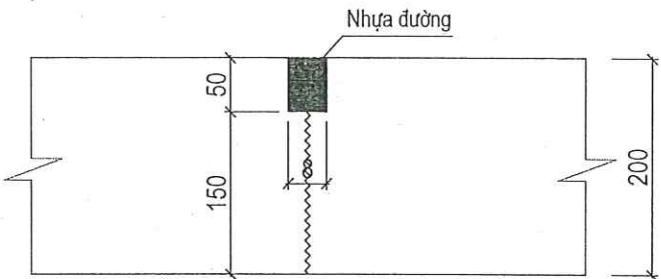
CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤP THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M33, CHUNG CƯ PH PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, TỈNH HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM		
THẨM TRA		
Theo văn bản số:.....		
Ngày.....tháng.....năm 20.....		
Chủ trì bộ môn ký tên:		
KS. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
CHI TIẾT CỌC TIÊU		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
THIẾT KẾ		
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHOẢNG GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CT-01	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ KHE CO DẪN

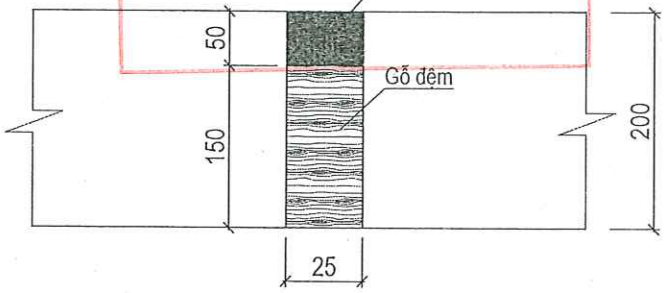


PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

KHE CO



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Theo văn bản KHE DẪN.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn.....



GHI CHÚ:

- Cứ 50 m bố trí 1 khe dẫn (b=2,5cm), giữa các khe dẫn là khe co (b=8mm).
- Khoảng cách giữa các khe co cách nhau 5m.
- Kích thước trong bản vẽ là mm.

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

TĐT
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT
ĐỊA CHỈ: TỌA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIỆN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN
GIÁM ĐỐC: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT**
TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN
KS. VŨ VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

CẤU TẠO KHE CO DẪN

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	
CHỦ TRÌ	
KIỂM TRA	
THIẾT KẾ	

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

KS. VŨ CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

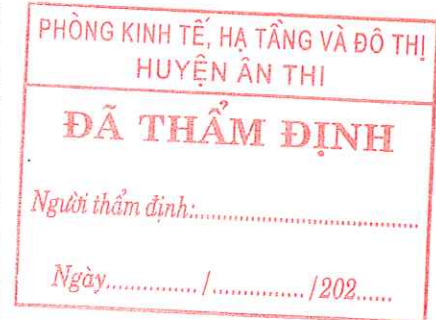
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:	A3
TỶ LỆ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	KCD-01

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN 2
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU
THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
*	CHIỀU DÀI THIẾT KẾ	m	Bảng THKL nền mặt đường	187,63	
I	NỀN MẶT ĐƯỜNG				
1	Nền đường				
-	Đào bùn	m2	Bảng THKL nền mặt đường	10,73	
-	Đào hữu cơ	m3	Bảng THKL nền mặt đường	262,88	
-	Đào khuôn đường	m3	Bảng THKL nền mặt đường	299,01	
-	Đắp lề +taluy đất K90	m3	Bảng THKL nền mặt đường	133,12	
-	Đắp nền đường K95	m3	Bảng THKL nền mặt đường	1,95	
2	Mặt đường				
a	S Mặt đường	m2	Bảng THKL nền mặt đường	663,08	
b	Khối lượng mặt đường				
-	Đắp cát nền đường K98 dày 50 cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	331,54	
-	Khối lượng CPDD loại II dày 16 cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	106,09	
-	Khối lượng cát vàng tạo phẳng dày 3cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	19,89	
-	Lót nilong mặt đường	m2	Bảng THKL nền mặt đường	663,08	
-	Ván khuôn mặt đường	m2	Bảng THKL nền mặt đường	78,99	
-	Bê tông mặt đường M250 đá 2x4	m3	Bảng THKL nền mặt đường	132,62	
II	TƯỜNG CHẮN KÈ ĐÁ HỌC				
-	Chiều dài làm tường kè	m		157,06	
a	Đào đắp				
-	Đào móng tường chắn	m3	Bảng THKL tường chắn	429,48	
-	Đắp đất tường chắn K90	m3	Bảng THKL tường chắn	239,92	
b	Khối lượng móng				
-	Đóng cọc tre D(6-8) dài 2,5 m mật độ 20 cọc/m2	cọc	Bảng THKL tường chắn	3377,00	
-	Đệm móng CPDD loại II	m3	Bảng THKL tường chắn	16,88	
c	Khối lượng thân				
-	Xây móng bằng đá học vữa xây M100	m3	Bảng THKL tường chắn	101,30	
-	Xây tường bằng đá học vữa xây M100	m3	Bảng THKL tường chắn	114,44	
-	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	Bảng THKL tường chắn	5,58	
-	Lỗ thoát nước D60	m	Bảng THKL tường chắn	18,60	
-	Khe phòng lún 2 lớp giấy dầu	m2	Bảng THKL tường chắn	22,08	
-	Đá dăm 2x4 tầng lọc	m3	Bảng THKL tường chắn	0,25	
III	THOÁT NƯỚC NGANG				
	Phá dỡ cống cũ D400	m	Bảng THKL thoát nước	4,50	
	Đào đất hố móng	m3	Bảng THKL thoát nước	17,58	
	Đắp đất trả lại hố móng cống K90	m3	Bảng THKL thoát nước	11,80	
	Đóng cọc tre D6-8cm, dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m2	m	Bảng THKL thoát nước	340,00	
	Đệm đá dăm móng cống dày 10cm	m3	Bảng THKL thoát nước	0,54	
	Cung cấp lắp đặt cống tròn BTCT đường kính D800; chiều dài đốt cống L= 1,0m, tải trọng HL93	ống cống	Bảng THKL thoát nước	8,00	
	Thi công mối nối cống D800	mối nối	Bảng THKL thoát nước	7,00	



STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
	Cung cấp lắp đặt để cống tròn đường kính D800 đúc sẵn	ck	Bảng THKL thoát nước	12,00	
IV	AN TOÀN GIAO THÔNG				
a	Cọc tiêu				
-	Số cọc tiêu	cọc tiêu	Bảng THKL cọc tiêu	20,00	
-	Đào đất cọc tiêu	m3	Bảng THKL cọc tiêu	1,28	
-	Ván khuôn cọc tiêu	m2	Bảng THKL cọc tiêu	7,36	
-	Bê tông móng cọc tiêu M150 đá 2x4	m3	Bảng THKL cọc tiêu	1,10	
-	Bê tông cọc tiêu M200 đá 1x2	m3	Bảng THKL cọc tiêu	0,49	
-	Thép D≤10 cọc tiêu	kg	Bảng THKL cọc tiêu	52,96	
-	Sơn trắng đỏ cọc tiêu	m2	Bảng THKL cọc tiêu	8,58	
V	KHẢO SÁT				
-	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 cấp địa hình cấp 2	m2	Bảng THKL nền mặt đường	3.752,60	
-	Đo cao thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	187,63	
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	187,63	
-	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	440,00	

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CH

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

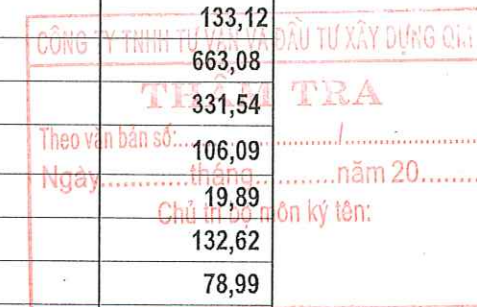
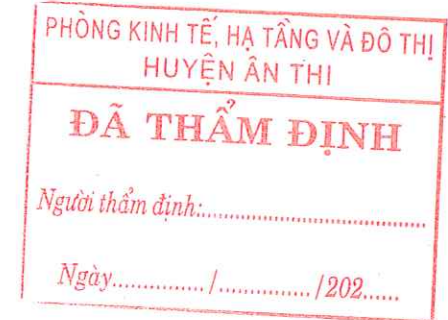


BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN, MẶT ĐƯỜNG TUYẾN 2

Công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc

Địa điểm: xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG	TỔNG KHỐI LƯỢNG
	A- Phần nền + mặt đường			
1	Chiều dài thiết kế mặt đường	m	= Ltk	187,63
2	Tổng diện tích mặt đường giao thông	m ²	= Smd	663,08
	-Diện tích mặt đường		= Smd	656,71
	-Diện tích vuốt nối		= Svn	6,37
3	Đào bùn	m ³		10,73
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	10,73
4	Đào đất hữu cơ	m ³		262,88
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	260,97
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	1,91
5	Đào khuôn đường	m ³		299,01
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	295,79
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	3,22
6	Đắp nền đường K = 0,95	m ³	"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	1,95
7	Đắp lê đất + taluy đầm chặt K = 0,90	m ³	"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	133,12
8	Diện tích mặt đường giao thông	m ²	Smd	663,08
9	Lớp cát đen đầm chặt K98 dày 50cm	m ³	= Smd*0.50	331,54
10	Khối lượng cấp phối đá dăm loại II dày 16cm	m ³	= Smd*0.16	106,09
11	Lớp cát vàng tạo phẳng dày 3cm	m ³	= Smd*0.03	19,89
12	Khối lượng mặt đường BTXM M250 dày 20cm	m ³	= Smd*0.2	132,62
13	Ván khuôn khối BTXM mặt đường	m ²		78,99
	-Phần mặt đường		= L thiết kế*0.20*2	75,05
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	3,94
14	Rải nilong cách ly	m ²	Smd	663,08
15	Số lượng cọc tiêu đảm bảo ATGT	cọc		20,00
	+Cắm bên phải tuyến, khoảng cách 10m/cọc	cọc	=(Ltk/10+1)*2	20,00
16	Đào móng cọc tiêu	m ³	=Ncọc*0.064	1,28
17	Ván khuôn cọc tiêu	m ²	=Ncọc*0.368	7,36
18	BTXM M150, đá 2x4 móng cọc tiêu	m ³	=Ncọc*0.055	1,10
19	BTCT M200, đá 1x2 cọc tiêu	m ³	=Ncọc*0.0245	0,49
20	Cốt thép D<10mm	kg	=Ncọc*2.648	52,96
21	Sơn cọc tiêu	m ²	=Ncọc*0.429	8,58
	B- Phần khảo sát			
1	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 cấp địa hình 2	m ²	= L tuyến*10.00*2	3.752,60
2	Đo cao thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình 2	m	= L tuyến	187,63
3	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	= L tuyến	187,63
4	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	= N trắc ngang tuyến *10.00*2	440,00



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VUỐT NỔI

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG	VN-01	VN-02	TỔNG
	A- Các thông số của vuốt nổi					
1	Diện tích vuốt nổi	m2	$S_{vn} = S_{VN-01}$	2,41	3,96	6,37
2	Cao độ thiết kế trung bình tại vuốt nổi	m	$=H_{tk}$	2,88	2,88	
3	Cao độ tự nhiên trung bình tại vuốt nổi	m	$=H_{ht}$	2,79	2,80	
4	Chiều cao đào hữu cơ trung bình	m	$H_{hc} = 0.30$	0,30	0,30	
5	Chiều cao đào khuôn	m	$H_{đk} = (H_{ht} - H_{hc}) - (H_{tk} - \text{chiều dày kết cấu mặt đường})$	0,50	0,51	
	B- Phần nền + mặt đường					
1	Đào đất hữu cơ	m3	$= S_{vn} \cdot H_{hc}$	0,72	1,19	1,91
2	Đào khuôn đường	m3	$= S_{vn} \cdot H_{đk}$	1,21	2,02	3,22
3	Tổng diện tích mặt đường vuốt nổi	m2	$= S_{vn}$	2,41	3,96	6,37
4	Khối lượng mặt đường BTXM M250, đá 2x4 dày 20cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.20$	0,48	0,79	1,27
5	Ván khuôn khối BTXM mặt đường	m2		1,97	1,97	3,94
6	Khối lượng cát vàng tạo phẳng dày 03cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.03$	0,07	0,12	0,19
7	Khối lượng lớp CPĐD loại II dày 16cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.16$	0,39	0,63	1,02
8	Khối lượng đắp cát nền đường đạt độ chặt K98 dày 50cm	m3	$= S_{vn} \cdot 0.50$	1,21	1,98	3,19

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày.....2,80./...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM
THẨM TRA
Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:.....



BẢNG CHIẾT TÍNH KHỐI LƯỢNG TRẮC NGANG TUYẾN 2

Công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cự Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc

Địa điểm: xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Tên cọc	K. Cách lễ	Diện tích (m2)									Khối lượng (m3)								
		Đào bùn	Đào hữu cơ	Đắp nền đường	Đào khuôn	Đắp lề + taluy	B mặt đường	Đào móng kê	Đắp móng kê	Đắp móng tường K95	Đào bùn	Đào hữu cơ	Đắp nền đường	Đào khuôn	Đắp lề + taluy	S MẶT ĐƯỜNG	Đào móng kê	Đắp móng kê	Đắp móng tường K95
DT		-	1,39	-	1,78	0,39	3,50	-	-	-									
	4,74										3,39	5,57	0,62	5,97	13,89	16,59	5,66	2,09	-
1		1,43	0,96	0,26	0,74	5,47	3,50	2,39	0,88	-									
	10,26										7,34	12,36	1,33	9,64	31,86	35,91	23,50	11,59	-
2		-	1,45	-	1,14	0,74	3,50	2,19	1,38	-									
	15,00										-	21,38	-	20,40	9,45	52,50	37,73	21,60	-
3		-	1,40	-	1,58	0,52	3,50	2,84	1,50	-									
	15,00										-	21,00	-	24,23	7,58	52,50	41,33	22,65	-
4		-	1,40	-	1,65	0,49	3,50	2,67	1,52	-									
	15,00										-	20,78	-	26,70	6,83	52,50	43,05	24,30	-
5		-	1,37	-	1,91	0,42	3,50	3,07	1,72										
	15,00										-	20,63	-	27,45	6,53	52,50	44,85	26,03	-
6		-	1,38	-	1,75	0,45	3,50	2,91	1,75										
	6,76										-	9,36	-	11,59	3,14	23,66	20,08	12,07	-
TD1		-	1,39	-	1,68	0,48	3,50	3,03	1,82										
	4,39										-	6,12	-	7,38	2,09	15,37	15,80	8,01	-
P1		-	1,40	-	1,68	0,47	3,50	4,17	1,83										
	4,39										-	6,15	-	7,22	2,13	15,37	16,64	7,99	-
TC1		-	1,40	-	1,61	0,50	3,50	3,41	1,81										
	2,07										-	2,91	-	3,29	1,06	7,25	6,66	3,61	-
TD2		-	1,41	-	1,57	0,52	3,50	3,02	1,68	-									
	3,08										-	4,33	-	4,99	1,54	10,78	8,79	5,05	-
P2		-	1,40	-	1,67	0,48	3,50	2,69	1,60										
	3,08										-	4,30	-	5,19	1,45	10,78	8,45	5,01	-
TC2		-	1,39	-	1,70	0,46	3,50	2,80	1,65										
	6,23										-	8,66	-	10,72	2,80	21,81	17,97	10,34	-
7		-	1,39	-	1,74	0,44	3,50	2,97	1,67										
	15,00										-	20,93	-	25,58	6,90	52,50	44,40	25,13	-
8		-	1,40	-	1,67	0,48	3,50	2,95	1,68										
	15,00										-	21,08	-	24,00	7,73	52,50	42,30	24,75	-
9		-	1,41	-	1,53	0,55	3,50	2,69	1,62										
	12,99										-	18,45	-	19,23	7,40	45,47	35,72	20,78	-
TD3		-	1,43	-	1,43	0,59	3,50	2,81	1,58										
	3,57										-	5,09	-	5,23	2,03	12,50	10,78	5,87	-
P3		-	1,42	-	1,50	0,55	3,50	3,23	1,71										
	3,57										-	5,03	-	5,78	1,73	12,50	5,77	3,05	-
TC3		-	1,40	-	1,74	0,42	3,50	-	-										
	9,86										-	14,00	-	16,47	4,54	34,51	-	-	-
10		-	1,44	-	1,60	0,50	3,50	-	-										
	15,00										-	21,60	-	23,78	7,73	52,50	-	-	-
11		-	1,44	-	1,57	0,53	3,50	-	-										
	7,64										-	11,27	-	10,96	4,74	26,74	-	-	-
CT		-	1,51	-	1,30	0,71	3,50	-	-										
TỔNG:											10,73	260,97	1,95	295,79	133,12	656,71	429,48	239,92	-

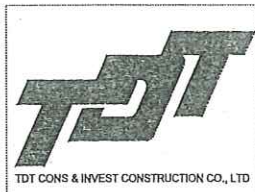
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....



TUYẾN 3: TỪ NHÀ ÔNG QUỲNH ĐẾN NHÀ BÀ KHOA YẾN

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Q...

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:.....



HƯNG YÊN, NĂM 2025

ĐẦU TUYẾN

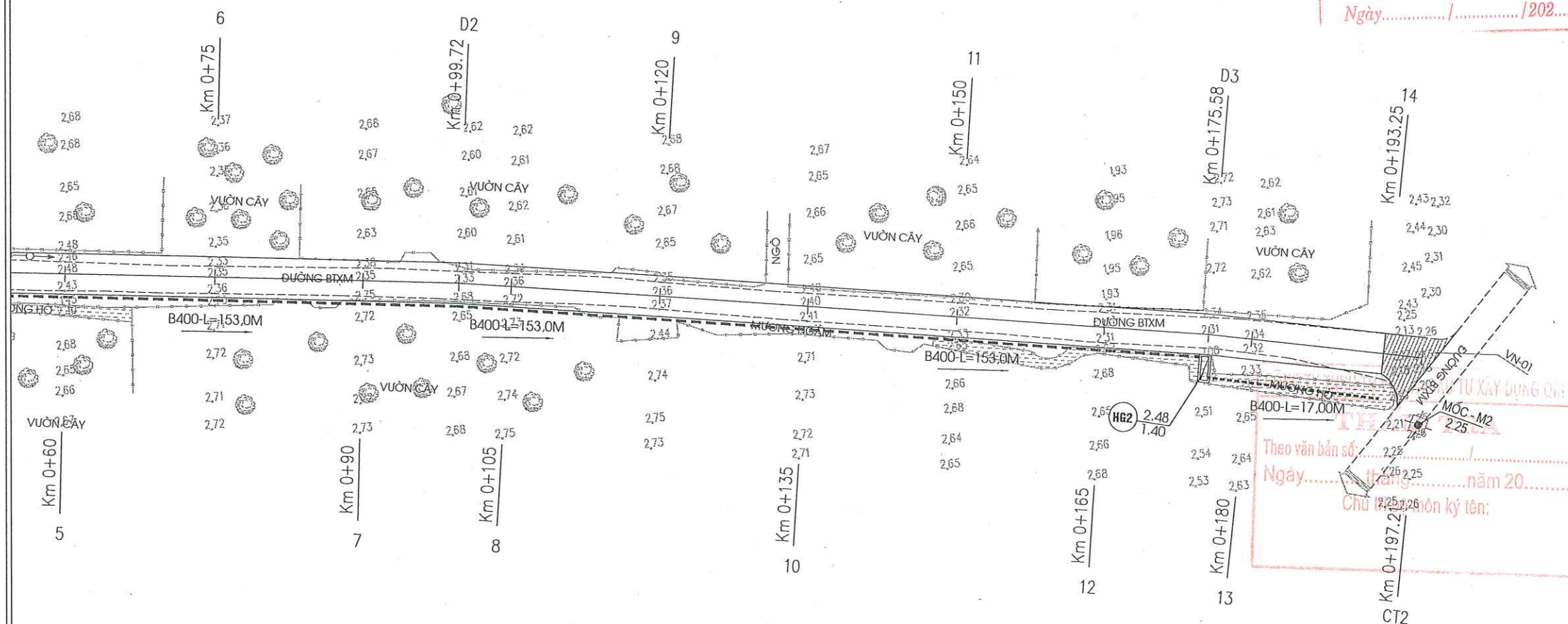
BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 3

CUỐI TUYẾN

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

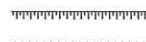
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....



KÍ HIỆU:



MỐC CAO ĐỘ



MUONG

2.75
1.67 HGT

CAO ĐỘ MẶT GA
CAO ĐỘ ĐÁY GA TÊN HỐ GA



CỘT ĐIỆN



CÂY



RÀNH B400 THIẾT KẾ

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ GHI ĐƠN VỊ BẰNG M

CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HANG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT
KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 3

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

CHỦ TRÌ

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

KIỂM TRA

KS. VU CÔNG MINH

THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

A3

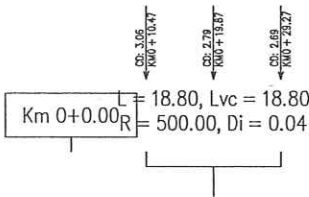
TỶ LỆ:

1/500

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MBTK-01

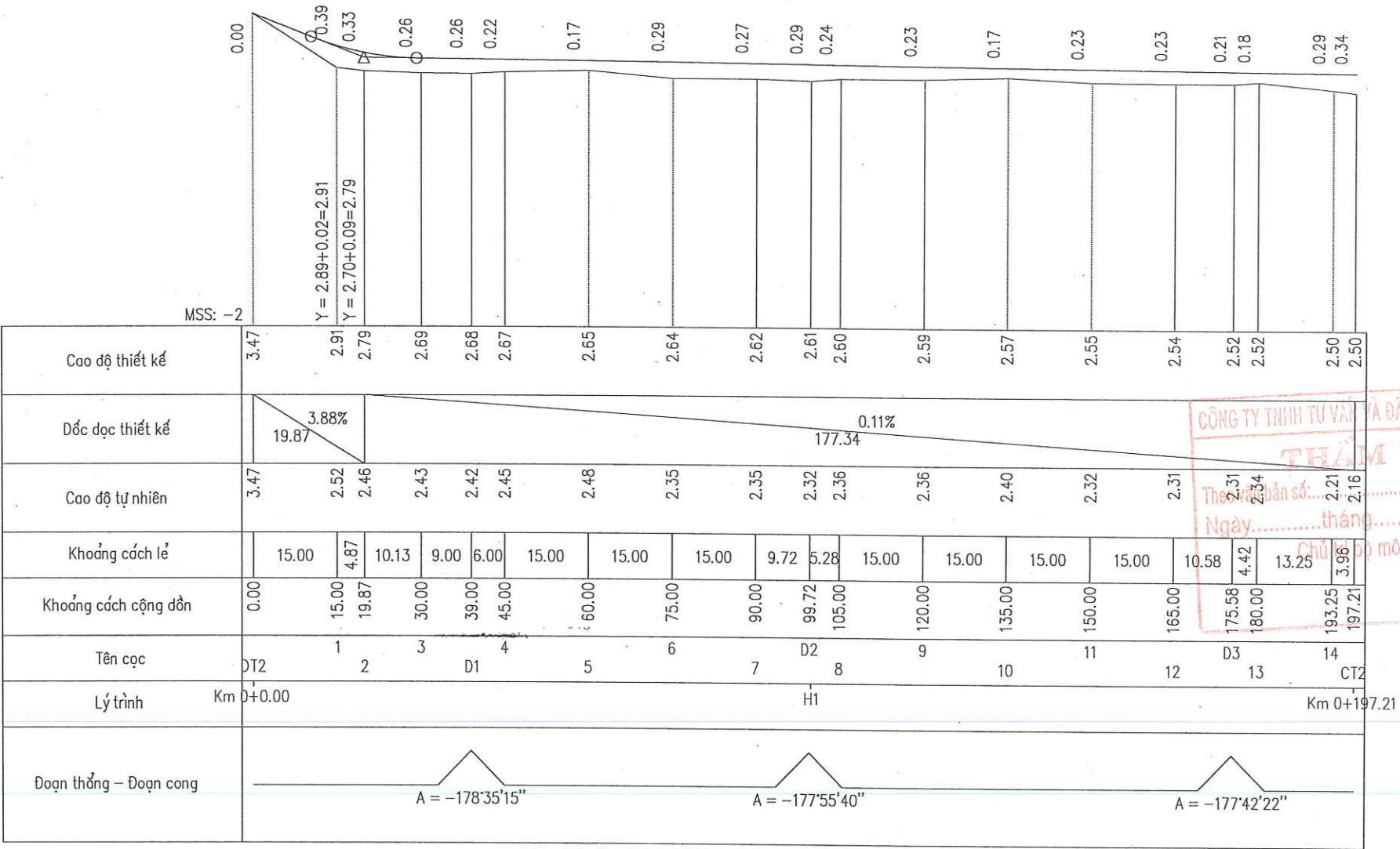
TRẮC DỌC TUYẾN 3



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Ngày.../.../202...



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM

THẨM TRA

Thẩm định số: ...

Ngày...tháng...năm 20...

Chủ trì môn kỹ thuật:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

TĐT
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
TDT

KS. VŨ VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC TUYẾN 3

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VŨ CÔNG MINH

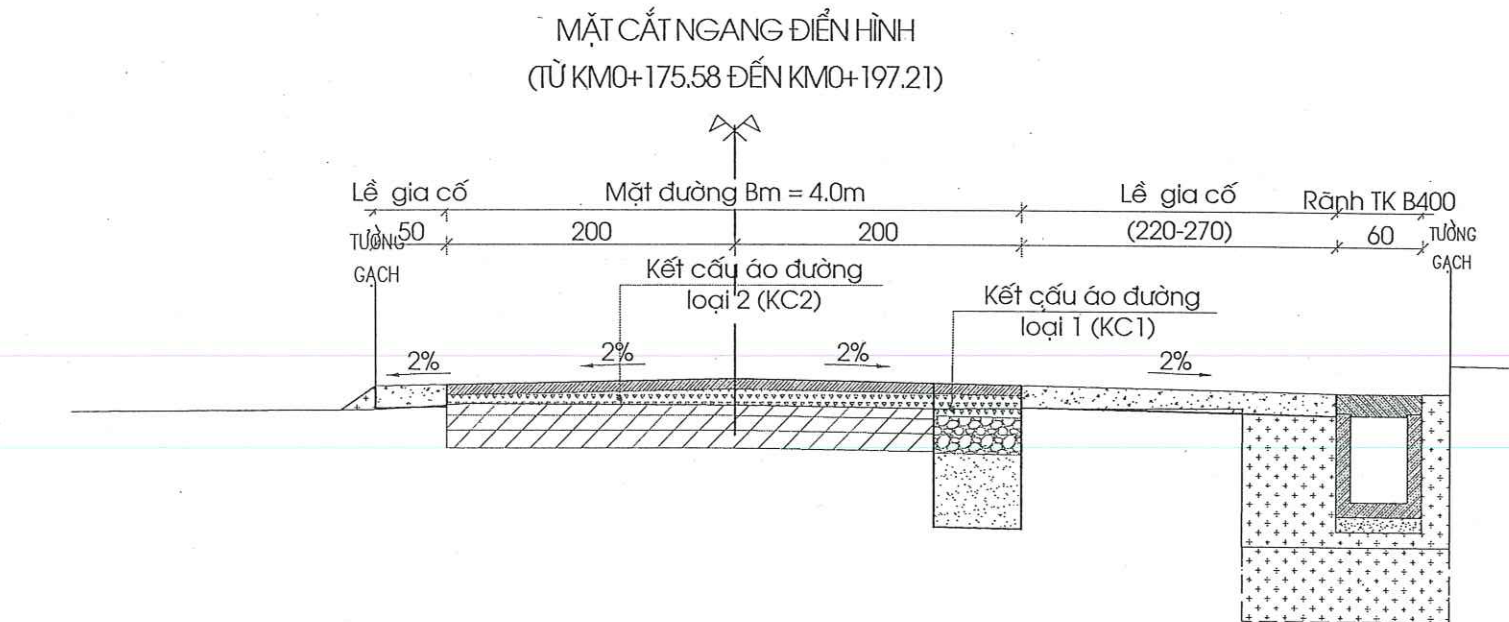
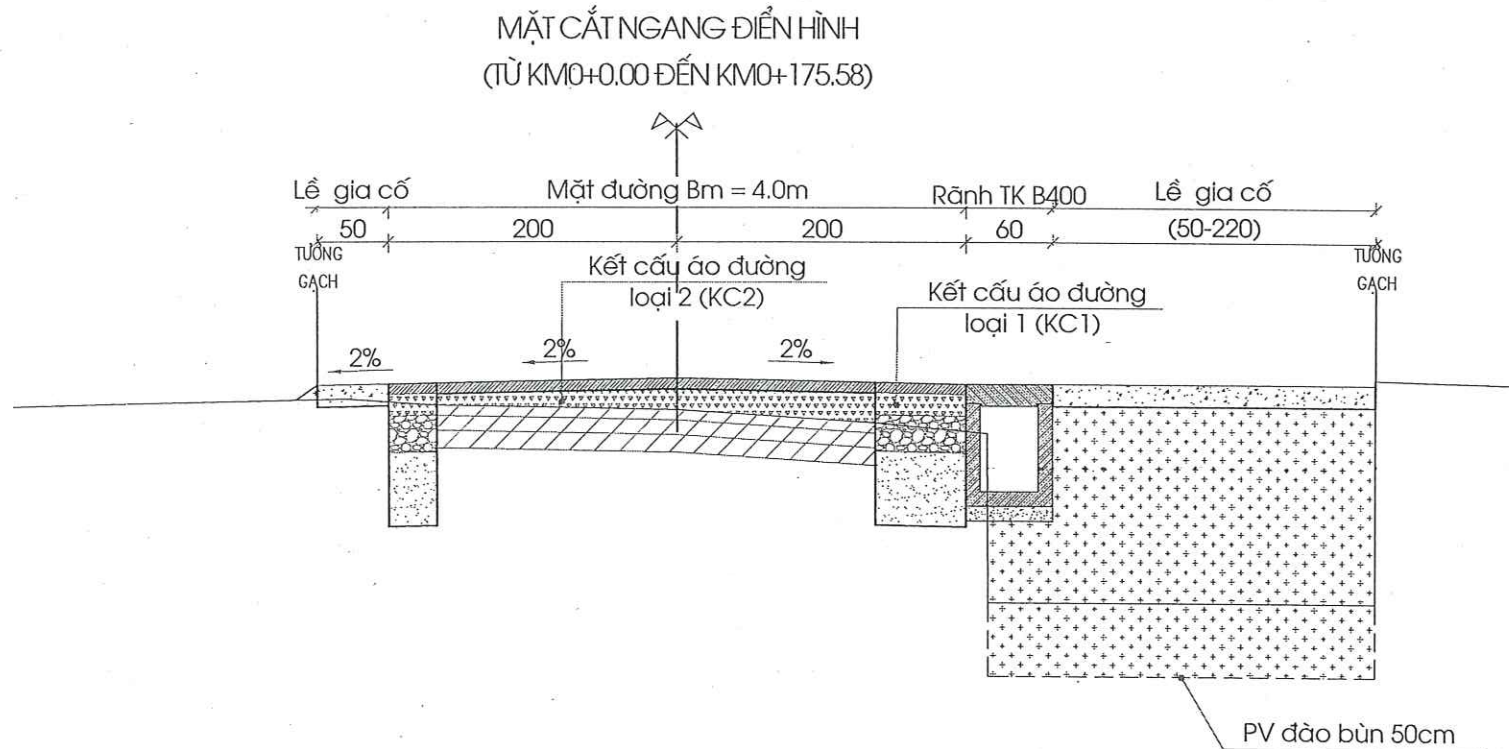
G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY: A3

TỶ LỆ: 1/1000

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TD-01



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

KẾT CẤU ÁO ĐƯỜNG LOẠI 1 (KC1)

CHIỀU DÀY KẾT CẤU (CM)	KÝ HIỆU	VẬT LIỆU
7		Mặt đường bê tông nhựa chặt C16 dày 7 cm
15		Tuổi thấm bám nhựa bi-tum 1.0kg/m2
25		Móng đường cấp phối đá dăm loại I dày 15 cm
50		Móng đường cấp phối đá dăm loại II dày 25 cm
Tổng: 97 cm		Cát đen đầm chặt K=0.98 dày 50 cm.
		Nền đất tốt (Đắp nền K95 nếu có)

THẨM TRA

Theo văn bản số...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:.....

CHIỀU DÀY KẾT CẤU (CM)	KÝ HIỆU	VẬT LIỆU
7		Mặt đường bê tông nhựa chặt C16 dày 7 cm
		Tuổi thấm bám nhựa bi-tum 1.0kg/m2
		Bù vênh cấp phối đá dăm loại I
		Mặt đường hiện trạng

Ghi chú:
- Kích thước trong bản vẽ đơn vị là cm.

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐÀ LỘC, THÔN CỰU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

TĐT
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

**CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT**
TP. HUNG YÊN

KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
TUYẾN 4

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

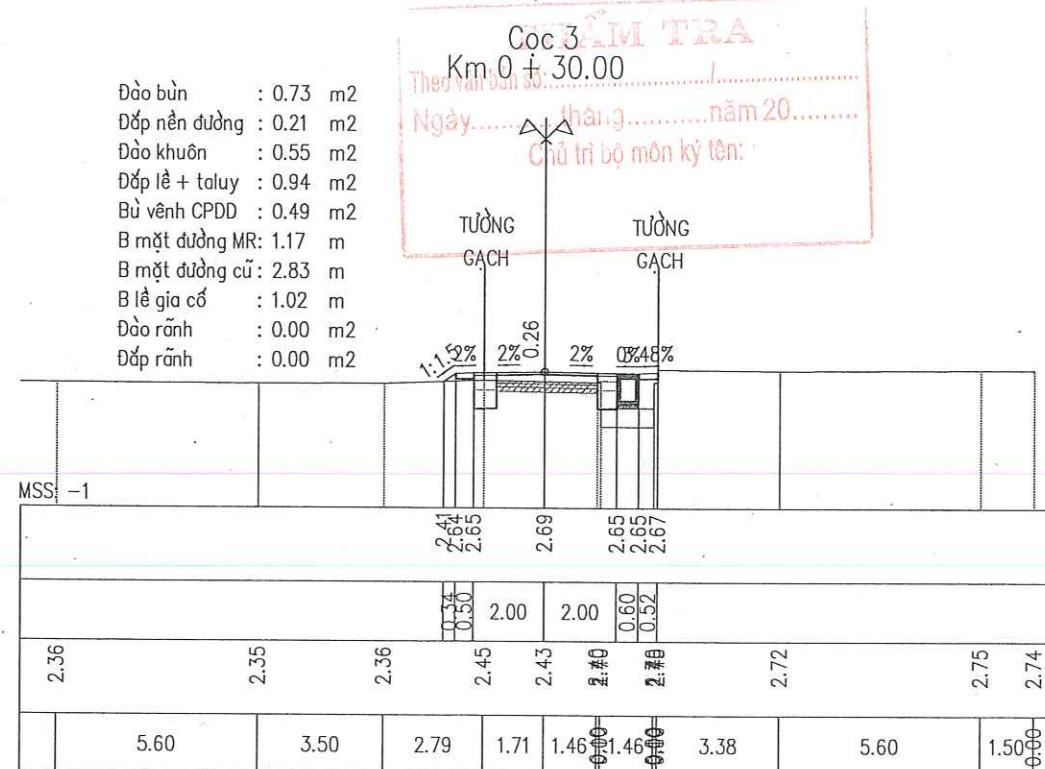
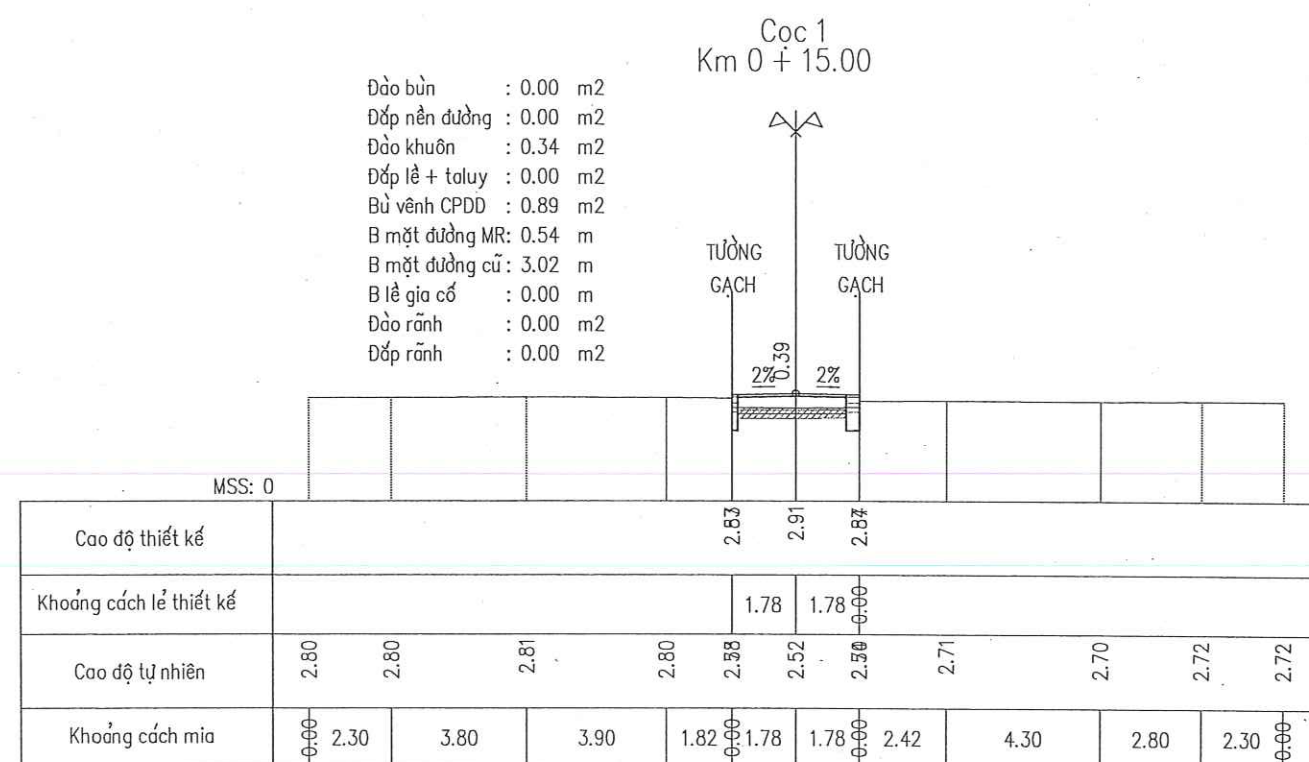
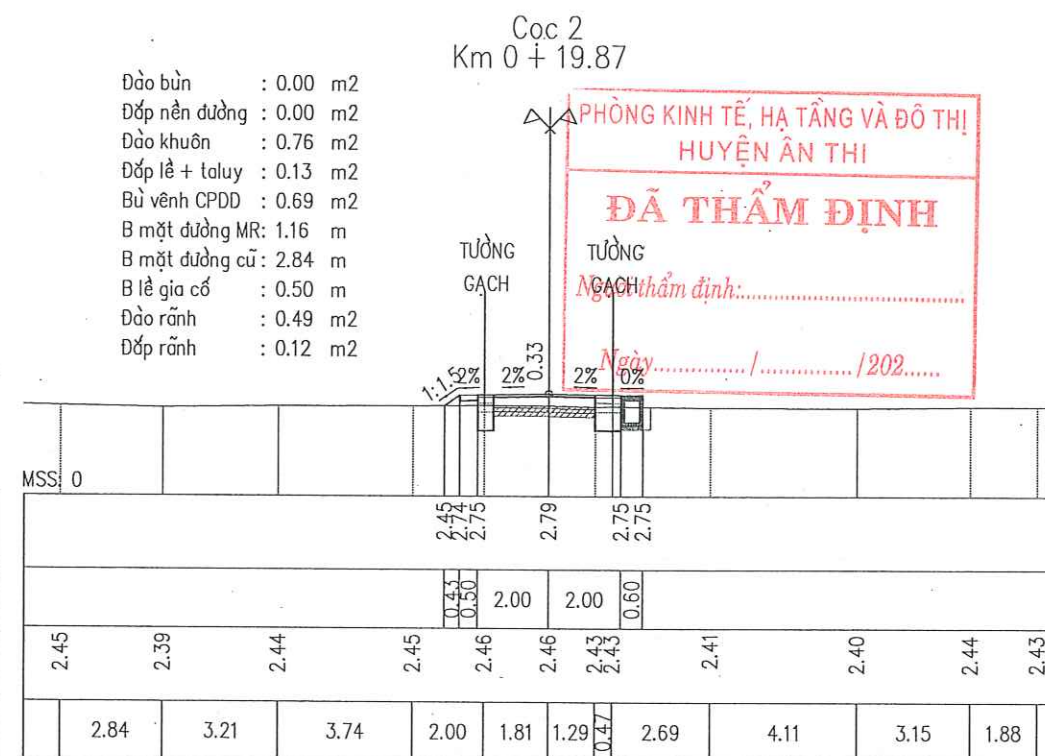
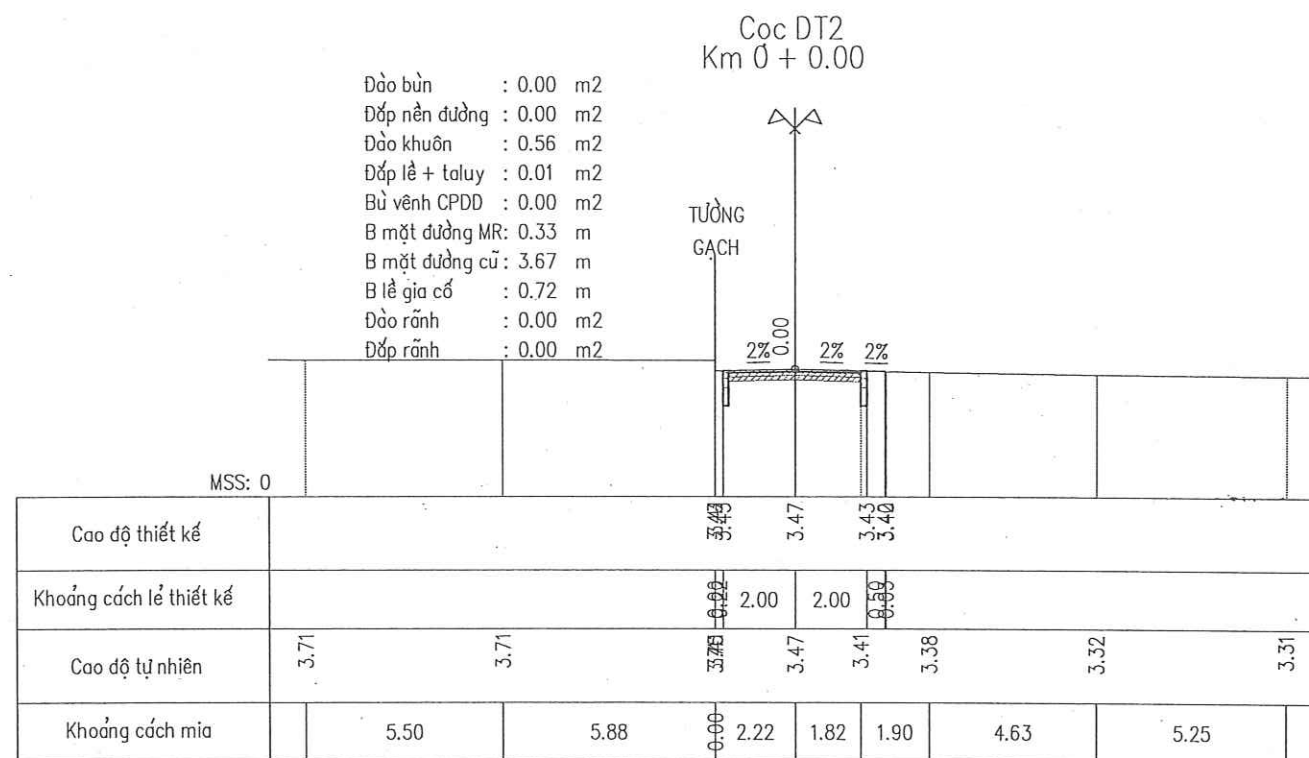
THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:	A3
TỶ LỆ:	1/50
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	DH-01



CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:


TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:


CÔNG TY
TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG TUYẾN 3

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VŨ CÔNG MINH

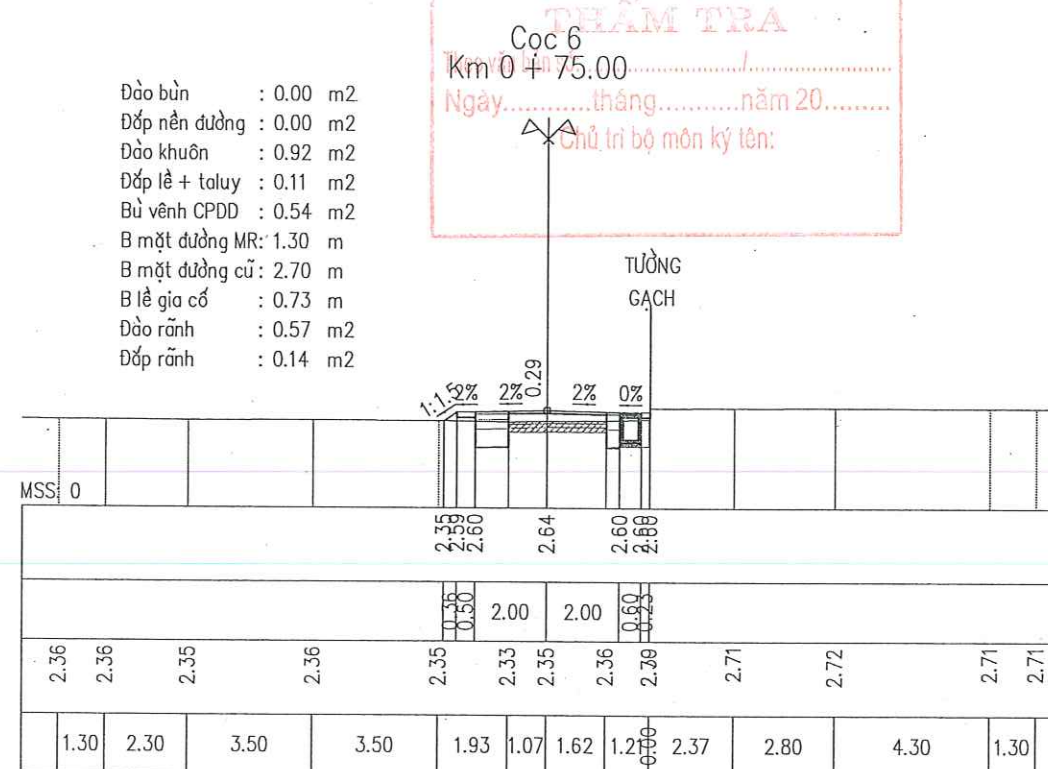
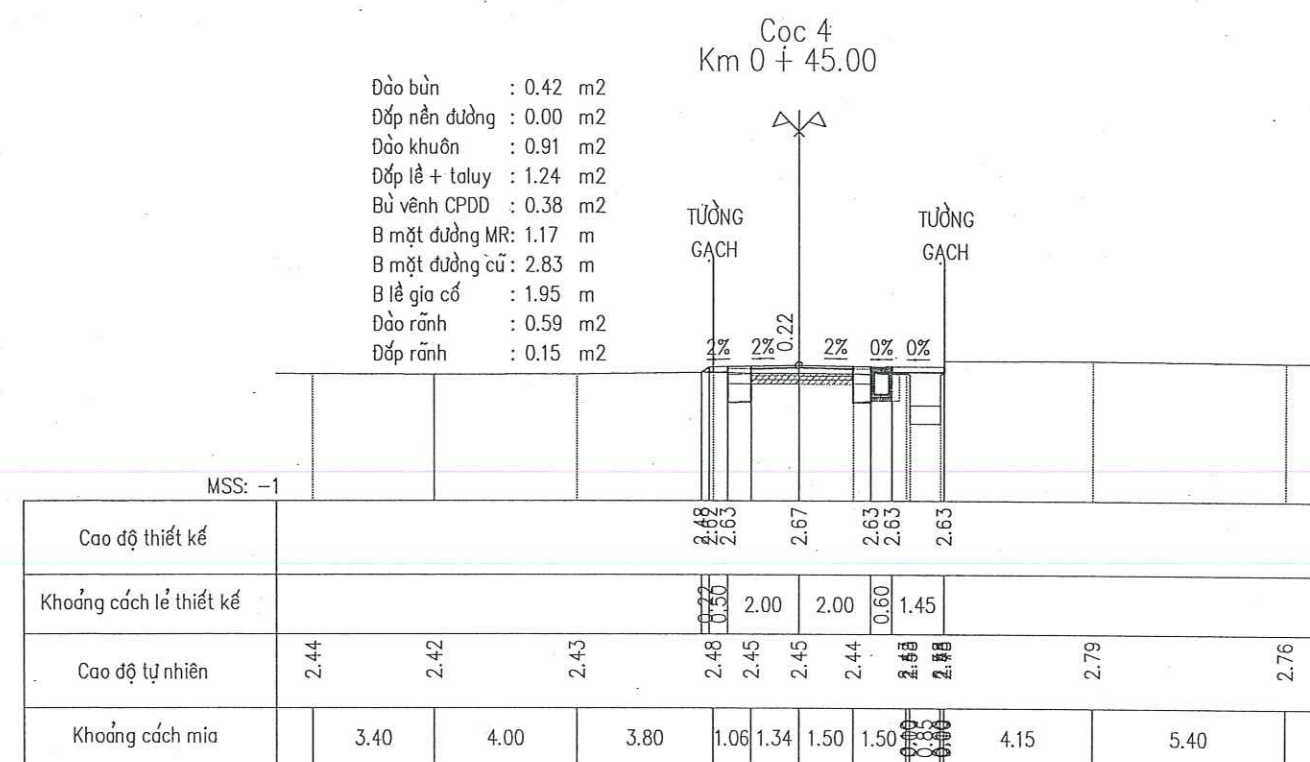
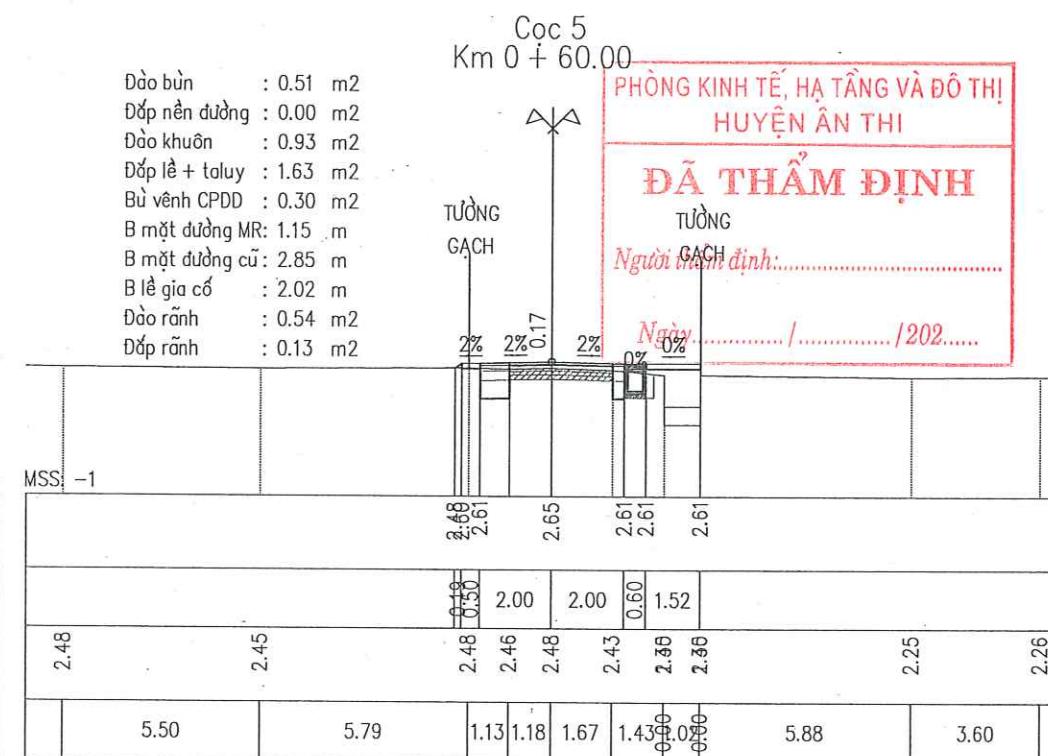
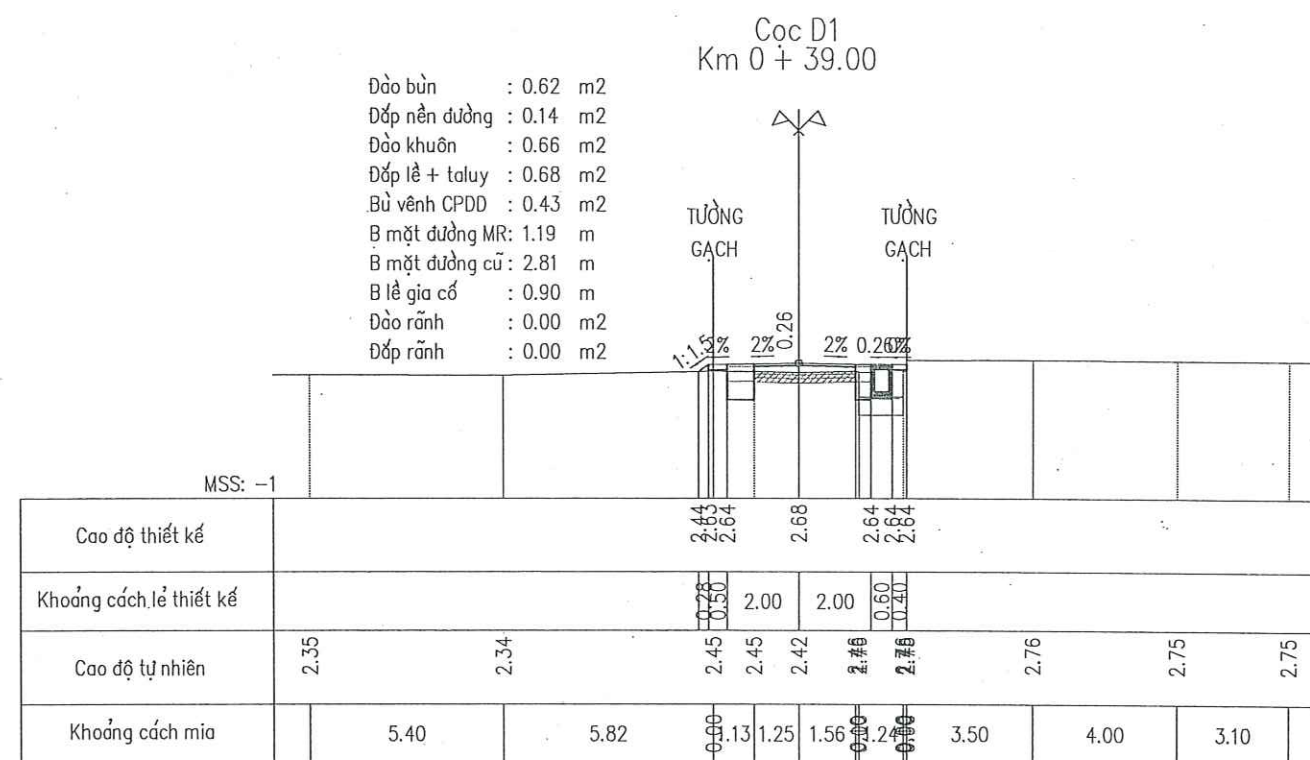
G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY: A3

TỶ LỆ: 1/200

KÝ HIỆU BẢN VẼ: TN- 01



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

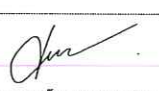
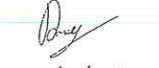
ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM

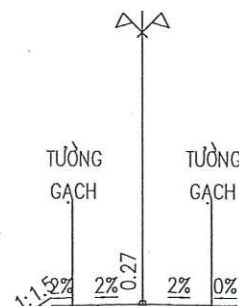
THẨM TRA

Km 0 + 75.00.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chữ tri bộ môn ký tên:

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐA LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN GIÁM ĐỐC:  CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT HUNG YÊN KS. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 3		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
	KS. TRẦN ĐỨC DŨNG	
THIẾT KẾ		
	KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỐ GIẤY:	A3-	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 02	

Cọc 7
Km 0 + 90.00

Đào bùn : 0.00 m2
Đắp nền đường : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.90 m2
Đắp lề + taluy : 0.07 m2
Bù vênh CPDD : 0.50 m2
B mặt đường MR: 1.21 m
B mặt đường cũ: 2.79 m
B lề gia cố : 0.50 m
Đào rãnh : 0.57 m2
Đắp rãnh : 0.14 m2



MSS: 0

Cao độ thiết kế	2.34	2.32	2.30	2.36	2.38	2.35	2.33	2.46	2.45
Khoảng cách lề thiết kế	0.34	0.30	2.00	2.00	0.60				
Cao độ tự nhiên	2.34	2.32	2.30	2.36	2.38	2.35	2.33	2.46	2.45
Khoảng cách mìa	4.70	4.00	2.95	0.70	1.25	1.53	0.39	6.99	4.69

Cọc 8
Km 0 + 105.00

Đào bùn : 0.00 m2
Đắp nền đường : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.90 m2
Đắp lề + taluy : 0.06 m2
Bù vênh CPDD : 0.47 m2
B mặt đường MR: 1.19 m
B mặt đường cũ: 2.81 m
B lề gia cố : 0.50 m
Đào rãnh : 0.58 m2
Đắp rãnh : 0.15 m2

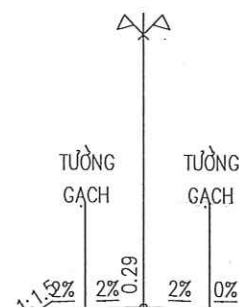


MSS: 0

2.26		2.27	2.36		2.36	2.33	2.46	2.48
0.34		0.30	2.00	2.00	0.60			
2.34		2.33	2.60	2.56	2.56			
5.84		6.21	0.27	1.28	1.51	0.24	6.98	4.87

Cọc D2
Km 0 + 99.72

Đào bùn : 0.00 m2
Đắp nền đường : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.88 m2
Đắp lề + taluy : 0.08 m2
Bù vênh CPDD : 0.56 m2
B mặt đường MR: 1.23 m
B mặt đường cũ: 2.77 m
B lề gia cố : 0.50 m
Đào rãnh : 0.55 m2
Đắp rãnh : 0.14 m2

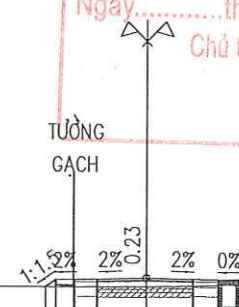


MSS: 0

Cao độ thiết kế	2.31	2.35	2.34	2.33	2.31	2.32	2.32	2.39	2.39
Khoảng cách lề thiết kế	0.34	0.30	2.00	2.00	0.60				
Cao độ tự nhiên	2.31	2.35	2.34	2.33	2.31	2.32	2.32	2.39	2.39
Khoảng cách mìa	3.94	4.20	3.82	0.49	1.15	1.61	0.24	5.95	5.81

Cọc 9
Km 0 + 120.00

Đào bùn : 0.39 m2
Đắp nền đường : 0.00 m2
Đào khuôn : 1.07 m2
Đắp lề + taluy : 1.09 m2
Bù vênh CPDD : 0.37 m2
B mặt đường MR: 1.33 m
B mặt đường cũ: 2.67 m
B lề gia cố : 2.11 m
Đào rãnh : 0.63 m2
Đắp rãnh : 0.16 m2

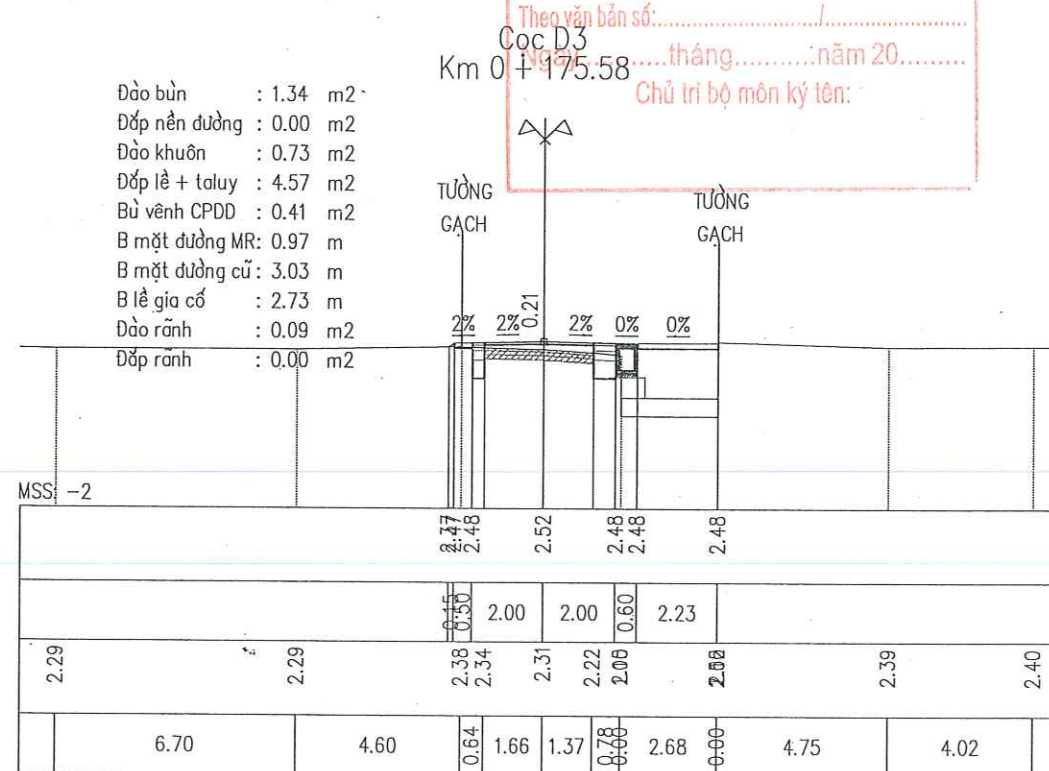
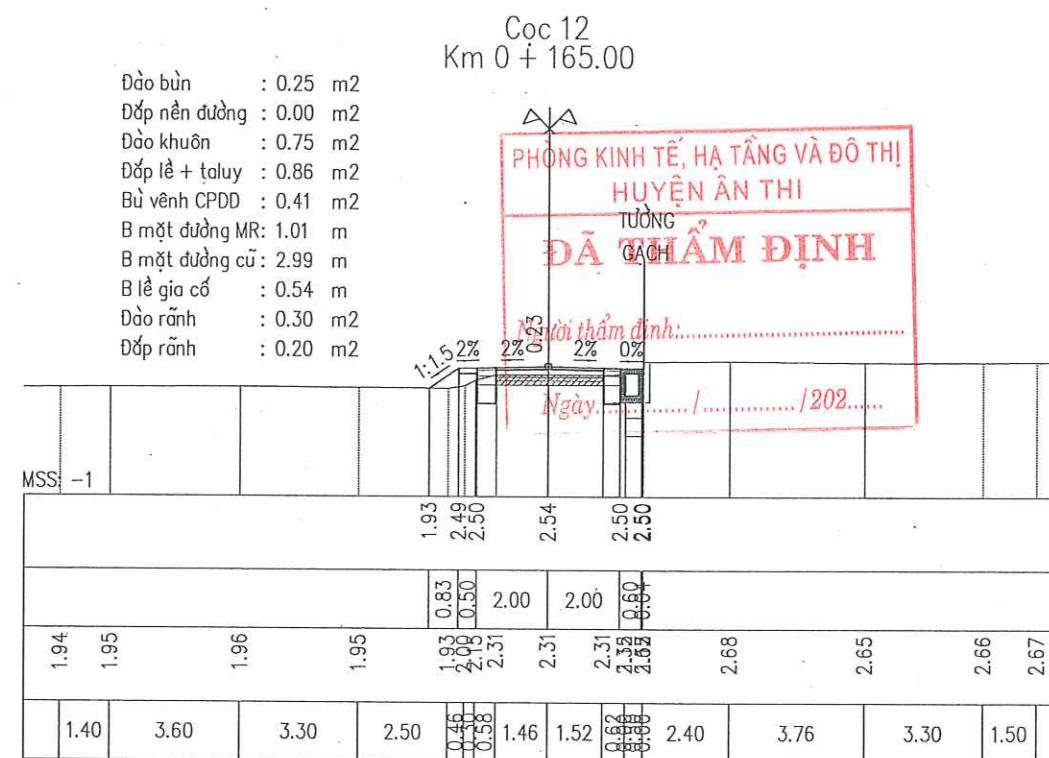
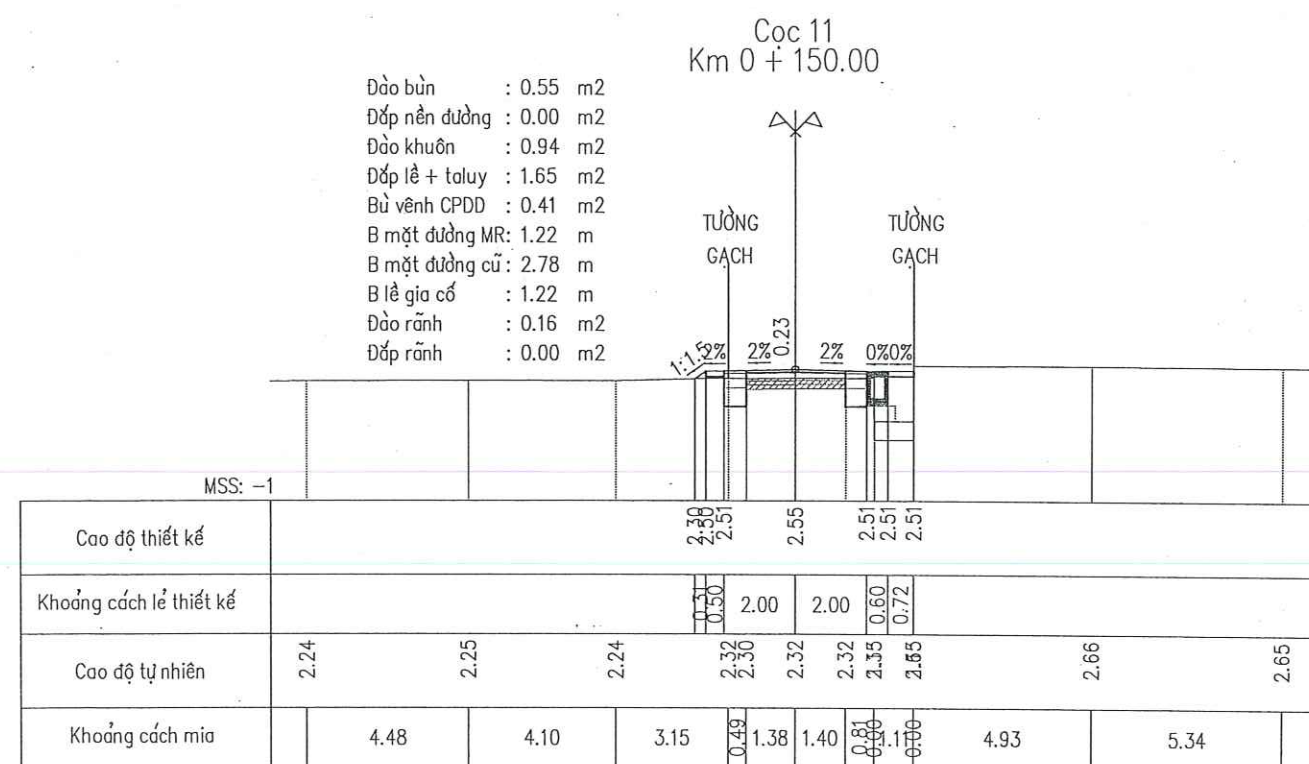
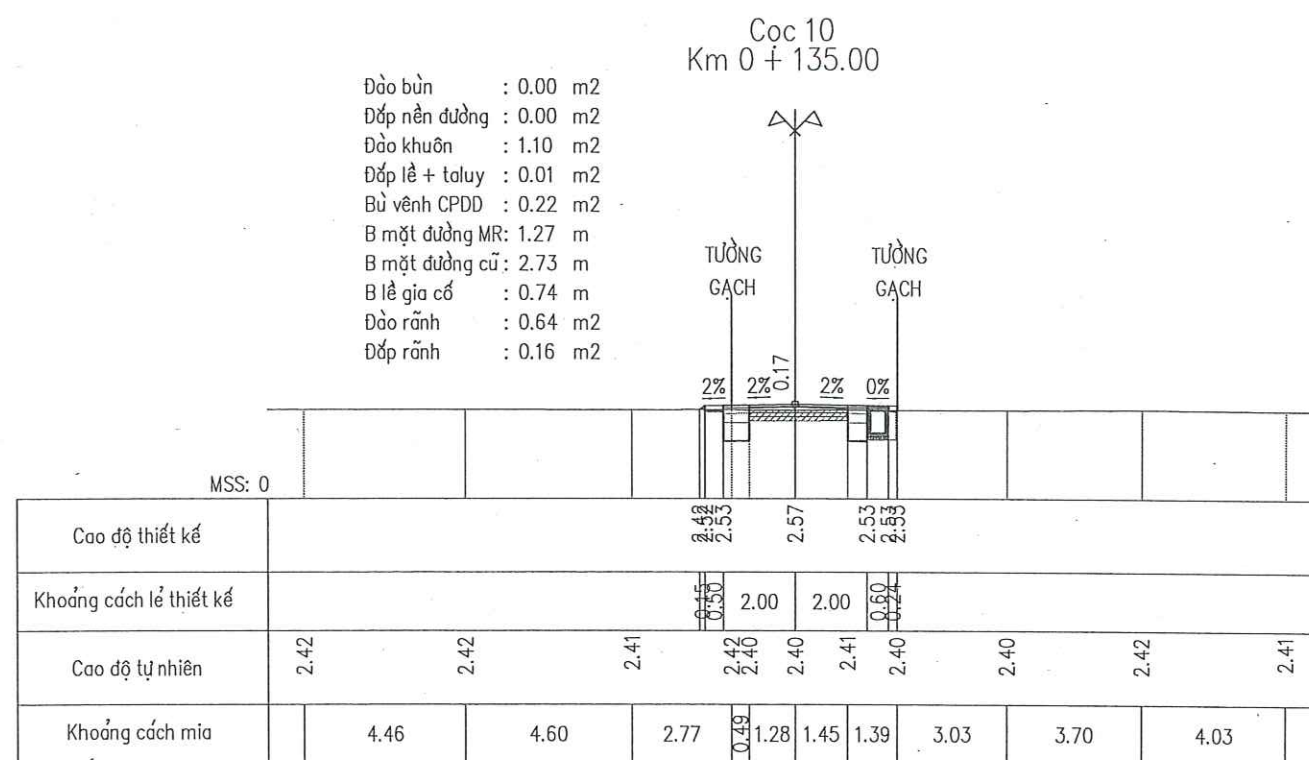


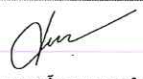
MSS: -1

Cao độ thiết kế	2.39	2.37	2.34	2.35	2.36	2.37	2.59	2.69	2.69
Khoảng cách lề thiết kế	0.34	0.30	2.00	2.00	0.60	1.61			
Cao độ tự nhiên	2.39	2.37	2.34	2.35	2.36	2.37	2.59	2.69	2.69
Khoảng cách mìa	7.38	4.20	0.65	1.37	1.29	2.13	0.06	5.27	4.12

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM.
THẨM TRA
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chữ tri bộ môn ký tên:

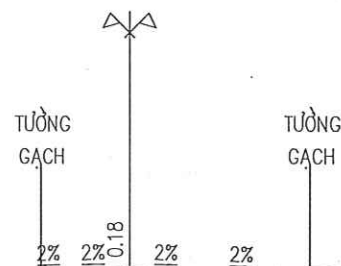
CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÀ LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTVT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD		
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN		
GIÁM ĐỐC:		
TDT		
KS. VŨ VĂN TOÀN		
TÊN BẢN VẼ:		
TRẮC NGANG TUYẾN 3		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN		
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM	
KIỂM TRA		
THIẾT KẾ	KS. VŨ CÔNG MINH	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỔ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:	1/200	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 03	



CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÀ LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤP THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT ĐIA CHỈ: TÀO NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHỐ NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN GIÁM ĐỐC:  KS. VŨ VĂN TOÀN TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG TUYẾN 3 CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN:  CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN THANH LIÊM KIỂM TRA:  KS. TRẦN ĐỨC DŨNG THIẾT KẾ:  KS. VŨ CÔNG MINH G.Đ THỰC HIỆN HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT KHỔ GIẤY: A3 TỶ LỆ: 1/200 KÝ HIỆU BẢN VẼ: TN- 04		

Cọc 13
Km 0 + 180.00

Đào bùn : 0.72 m2
Đắp nền đường : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.63 m2
Đắp lề + taluy : 1.60 m2
Bù vênh CPDD : 0.29 m2
B mặt đường MR: 0.75 m
B mặt đường cũ: 3.25 m
B lề gia cố : 2.69 m
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.00 m2



MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.48	2.52	2.48	2.44	2.44		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	2.00	2.00	2.19	0.50		
Cao độ tự nhiên	2.28	2.29	2.31	2.34	2.32	2.30	2.30	2.57	2.55
Khoảng cách mìa	6.86	4.27	0.61	1.86	1.39	2.15	1.45	3.79	4.82

Cọc CT2
Km 0 + 197.21

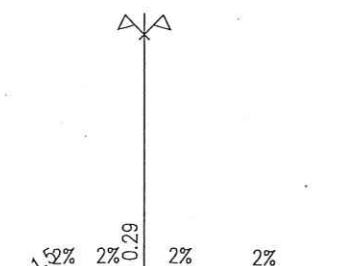


MSS: 0

2.15	2.15	2.14	2.17	2.16	2.20	2.25	2.25
4.10	3.50	4.00	2.00	3.20	3.30	7.10	

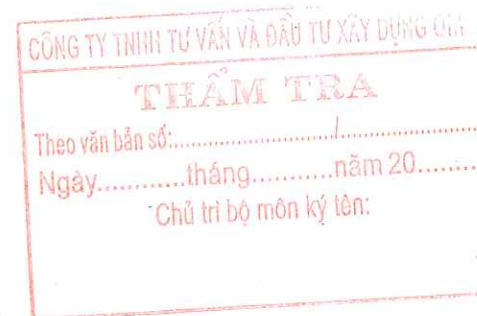
Cọc 14
Km 0 + 193.25

Đào bùn : 1.17 m2
Đắp nền đường : 0.00 m2
Đào khuôn : 0.00 m2
Đắp lề + taluy : 3.73 m2
Bù vênh CPDD : 0.84 m2
B mặt đường MR: 0.00 m
B mặt đường cũ: 4.00 m
B lề gia cố : 3.18 m
Đào rãnh : 0.00 m2
Đắp rãnh : 0.00 m2



MSS: -1

Cao độ thiết kế			2.46	2.50	2.46	2.41	2.41		
Khoảng cách lề thiết kế			0.50	2.00	2.00	2.68	0.50		
Cao độ tự nhiên	2.11	2.11	2.18	2.21	2.19	2.18	2.09	2.29	2.29
Khoảng cách mìa	4.28	3.79	3.06	2.47	2.52	2.35	3.60	4.52	



CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THI,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG OM

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
THANH AN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
OM
HUNG YÊN
KS. VU VAN TOAN

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG TUYẾN 3

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	
CHỦ TRÌ	KS. NGUYỄN THANH LIÊM
KIỂM TRA	KS. TRẦN ĐẮC DŨNG
THIẾT KẾ	KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:	A3
TỶ LỆ:	1/200
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	TN- 05

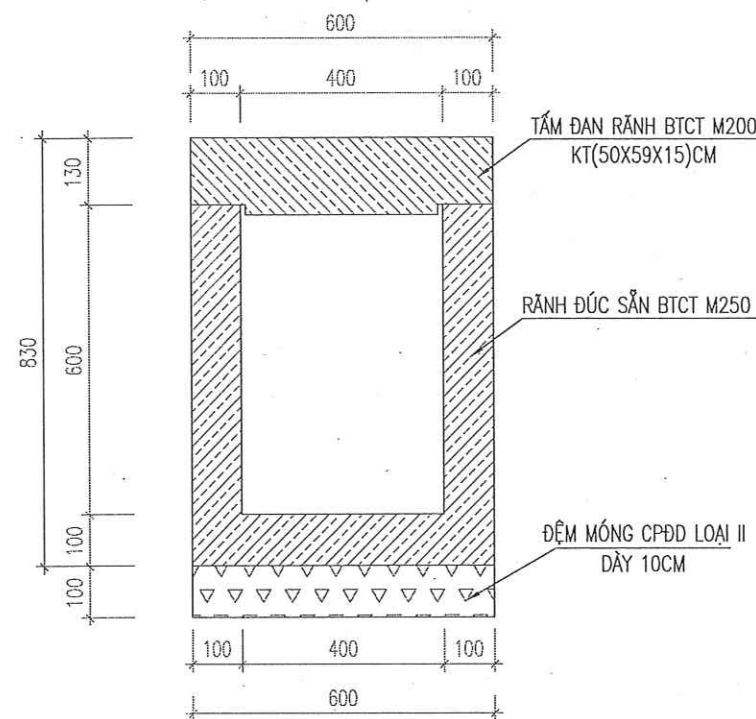
BẢNG KHỐI LƯỢNG 1M RÃNH B400 ĐÚC SẴN LOẠI I

KÝ HIỆU	ĐƯỜNG KÍNH THANH (MM)	CHIỀU DÀI THANH (MM)	SỐ LƯỢNG THANH	CHIỀU DÀI TOÀN BỘ (M)	KHỐI LƯỢNG RIÊNG (KG/M)	KHỐI LƯỢNG (KG)
1	D8	1850	8	14.80	0.395	5.85
1B	D8	1630	1	1.63	0.395	0.644
2	D8	1040	18	18.72	0.395	7.394
3	D8	470	16	7.52	0.395	2.97
TỔNG						
						TỔNG KHỐI LƯỢNG THÉP D8

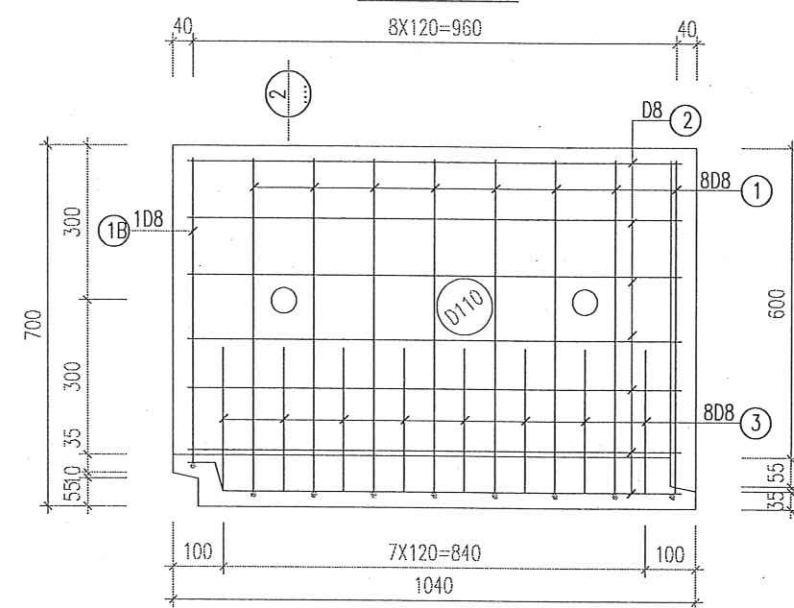
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THI
16.86
ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:

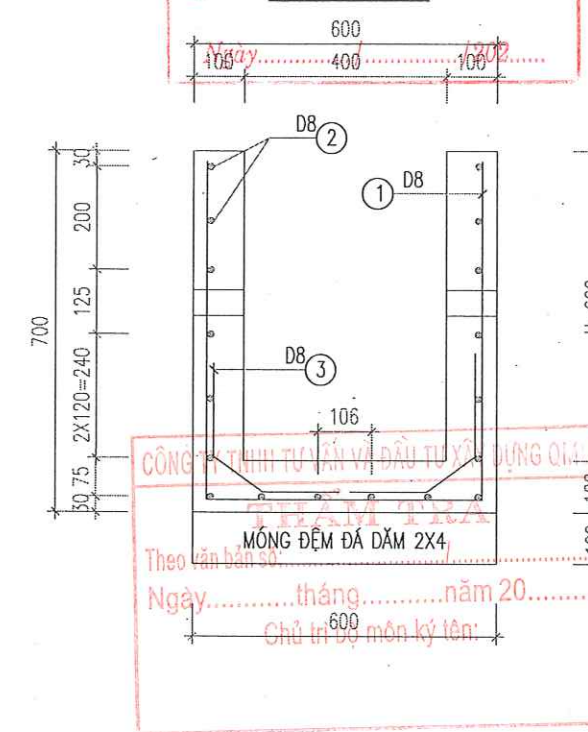
CHI TIẾT RÃNH B400 LOẠI I
(RÃNH BTCT ĐÚC SẴN, LẮP GHÉP)



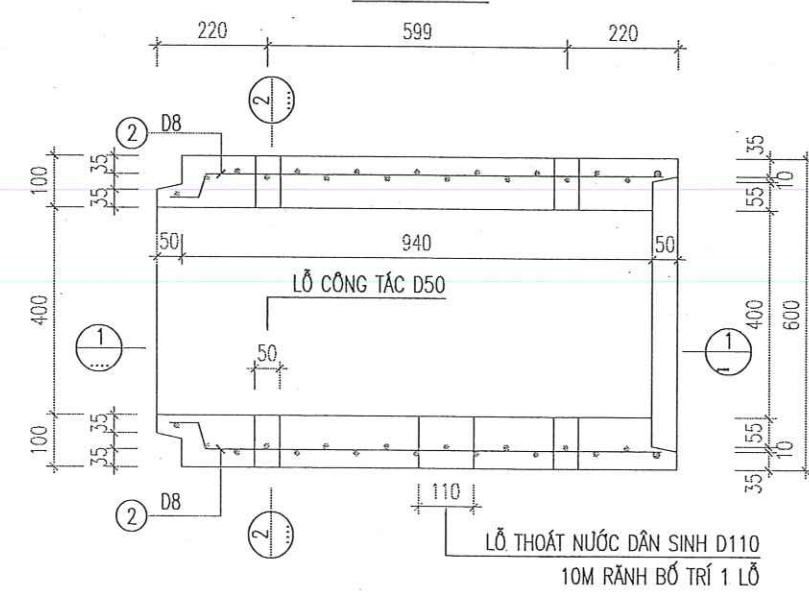
MẶT CẮT 1-1



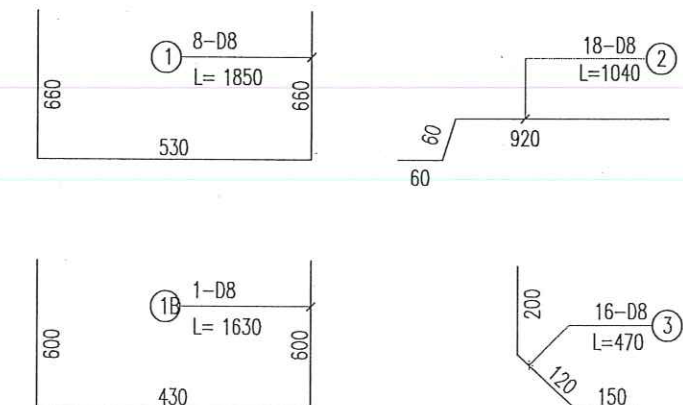
MẶT CẮT 2-2



MẶT BẰNG



QUY CÁCH CỐT THÉP



GHI CHÚ:
- CỐT THÉP D6: LOẠI THÉP CB240-T
- CỐT THÉP D8, D12: LOẠI THÉP CB300-V
- ĐƠN VỊ: MM

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÀ LỘC		
ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
DỰ ÁN:		
CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THI, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC		
HẠNG MỤC:		
GIAO THÔNG		
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:		
XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THI, TỈNH HUNG YÊN		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:		
 TDT CONSULTING & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD. CỘNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT		
ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH PHẦN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN GIÁM ĐỐC: Ks. Vũ Văn Toàn		
TÊN BẢN VẼ:		
CHI TIẾT RÃNH BTCT B400 ĐÚC SẴN LOẠI I		
CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN	 Ks. Nguyễn Thanh Liêm	
CHỦ TRÌ	 Ks. Trần Đức Dũng	
KIỂM TRA	 Ks. Vũ Công Minh	
THIẾT KẾ	 Ks. Vũ Công Minh	
G.Đ THỰC HIỆN		
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT		
KHỐ GIẤY:	A3	
TỶ LỆ:		
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CTR-01	

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG RÃNH B400					
STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG 1M	KHỐI LƯỢNG 01 M	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN VỊ
1	Chiều dài rãnh B400	Bảng thống kê		170,00	m
2	Đào hố móng rãnh	Đã tính trong khối lượng đào, đắp nền đường		69,53	m3
3	Đắp đất hố móng rãnh K90	Đã tính trong khối lượng đào, đắp nền đường		18,18	m3
4	Đệm móng CPĐD loại II	0.6*0.1*1.0	0,060	10,20	m3
5	Cốt thép cho bê tông đúc sẵn, d<=10mm			3581,90	kg
	Thân rãnh B400	16,86	16,860	2866,20	
	Tấm đan rãnh	0.39+3.82	4,210	715,70	
6	Cốt thép cho bê tông đúc sẵn, d<=18mm	2,49	2,490	423,30	kg
7	Bê tông đúc sẵn M250#, đá 1x2			30,60	m3
	Thân rãnh B400	(0.7*0.6-0.6*0.4)*1.0	0,180	30,60	
8	Bê tông đúc sẵn M200#, đá 1x2			15,05	m3
	Tấm đan rãnh	0.5*0.59*0.15*2	0,089	15,05	
8	Ván khuôn bê tông đúc sẵn			614,38	m2
	Thân rãnh B400	0.7*2*1+0.6*2*1+(0.7*0.6-0.6*0.4)*2*1	2,960	503,20	
	Tấm đan rãnh	(0.5+0.59)*2*0.15*2	0,654	111,18	
9	Lắp đặt thân rãnh	1	1	170,00	ck
10	Lắp đặt tấm đan rãnh	2	2	340,00	ck

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

CHÍNH SỬ		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY

TNNH TƯ VẤN

VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN

KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

KHỐI LƯỢNG RÃNH

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

A3

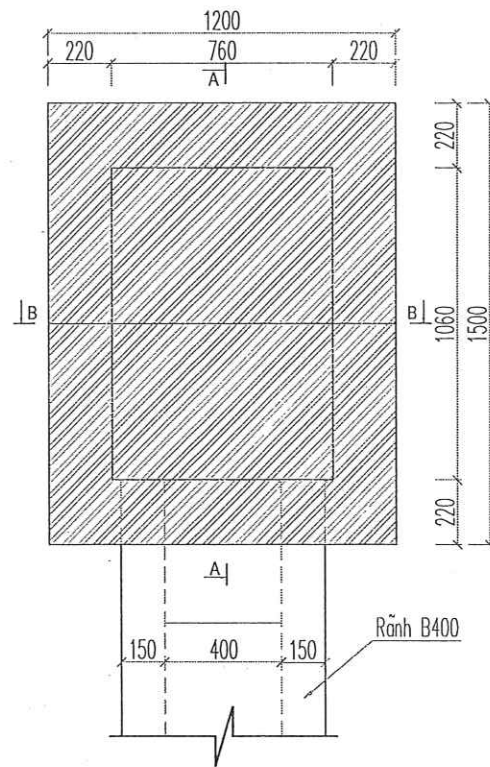
TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

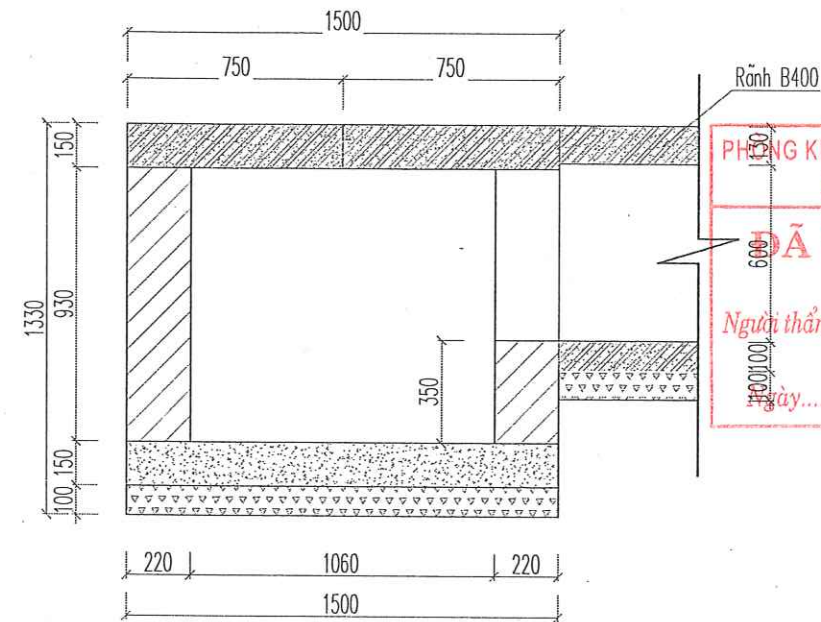
CTR-03

MẶT BẰNG HỐ GA

Số lượng hố ga: 1 hố

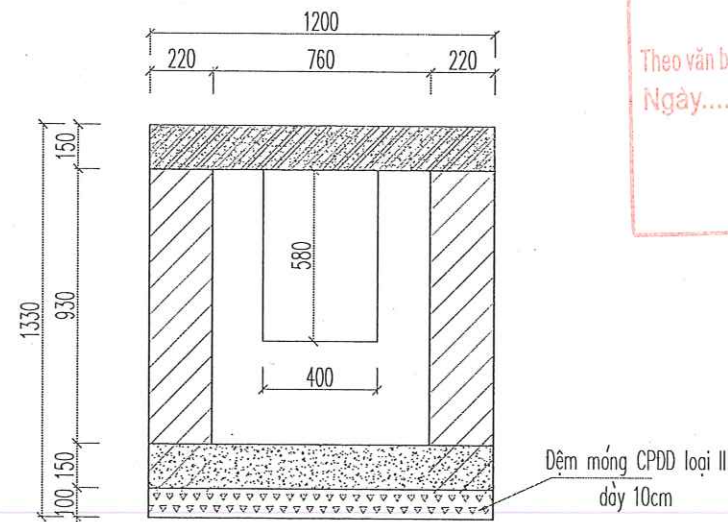


MẶT CẮT A-A



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ
ĐÃ THẨM ĐỊNH
Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

MẶT CẮT B-B



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Q.M.
THẨM TRA
Theo văn bản số:...../.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:.....

GHI CHÚ:

- HỐ GA THIẾT KẾ LÀ LOẠI HỐ GA NỔI MỘT ĐẦU RĂNG DỌC B400.
- MÓNG RĂNG ĐỒ BTXM ĐÁ 2X4 MẮC M150. THÂN GA BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG MẮC M75. BÊN TRONG TRÁT VXM MẮC M75 DÀY TRUNG BÌNH 1.50CM
- NẮP RĂNG BẰNG BTCT ĐÁ 1X2 MẮC M250.
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ GHI ĐƠN VỊ LÀ MM TRỪ KHI CHỈ RA CỤ THỂ.

CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT.

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:
CÔNG TY
TNHH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT
TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN
KS. VŨ VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT HỐ GA LOẠI 1

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

CHỦ TRÌ

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VŨ CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

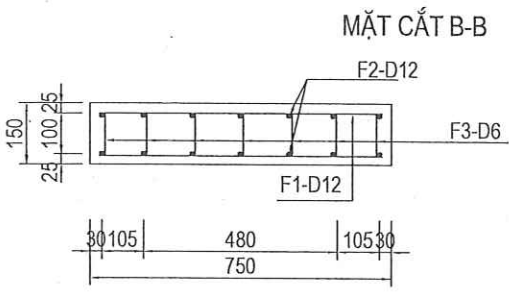
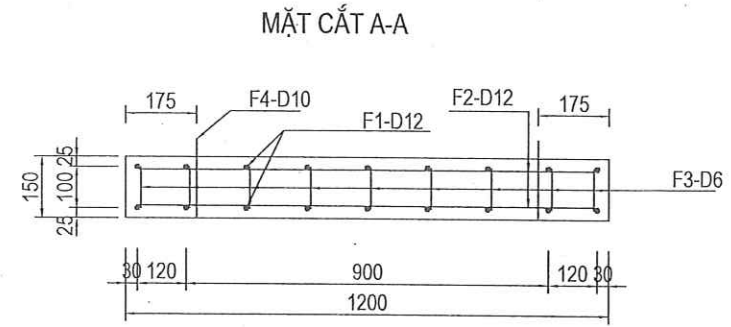
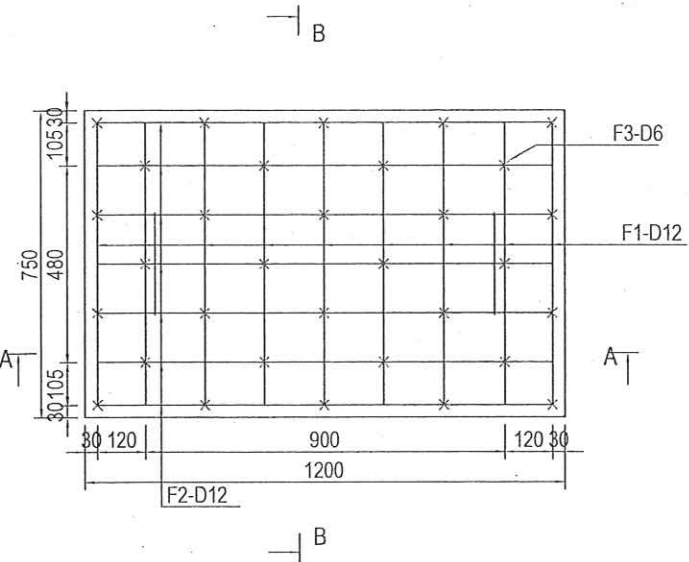
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY: A3

TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CỐT THÉP TẤM ĐAN LẮP GA THU RÃNH LOẠI 1
Tỉ:1/25



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP								
TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
Tấm đan Số lượng: 1	F1	690	12	690	18	18	12.42	11.03
	F2	1140	12	1140	14	14	15.96	14.17
	F3	50 100 50	6	200	32	32	6.40	1.42
	F4	5 200 100 200 100	10	615.7	2	2	1.2314	0.76

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6$ = 1.42 kg; Chiều dài = 6.40 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10$ = 0.76 kg; Chiều dài = 1.23 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12$ = 25.20 kg; Chiều dài = 28.38 mét

Theo văn bản số:.....
Ngày.....tháng.....năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:.....

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HỐ GA LOẠI 1				
1	Số lượng hố ga	Bình đồ thiết kế	1,00	hố
2	Đào hố móng đất C2	Đã tính trong khối lượng đào đắp nền đường	-	m3
3	Đắp đất hố móng K90	Đã tính trong khối lượng đào đắp nền đường	-	m3
4	Đệm móng hố ga CPĐĐ loại II	1*1,5*1,2*0,1	0,18	m3
5	Ván khuôn bê tông móng hố ga	1*(1,5+1,2)*2*0,15	0,81	m2
6	BTXM M150 đá 2x4 đáy móng hố ga	1*1,5*1,2*0,15	0,27	m3
7	Xây tường gạch không nung VXM M75	1*((1,5*1,2-1,06*0,76)*0,93-0,58*0,22*0,4)	0,87	m3
8	Trát tường VXM M75	1*((1,06+0,76)*2*0,93-(0,4*0,58))	3,15	m2
9	Số lượng tấm đan KT:1,2x0,75x0,15m	2	2,00	ck
10	Ván khuôn tấm đan	2*((0,75+1,2)*2)*0,15	1,17	m2
11	Cốt thép tấm đan d<=10mm	2*(1,42+0,76)	2,18	kg
12	Cốt thép tấm đan d<=18mm	2*25,20	25,20	kg
13	BTXM M250 đá 1x2 tấm đan	2*(0,75*1,2)*0,15	0,14	m3
14	Lắp đặt tấm đan	2	2,00	ck

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐA LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

TĐT
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT
V. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN

KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

CẤU TẠO TẤM ĐAN HỐ GA
LOẠI 1

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY:

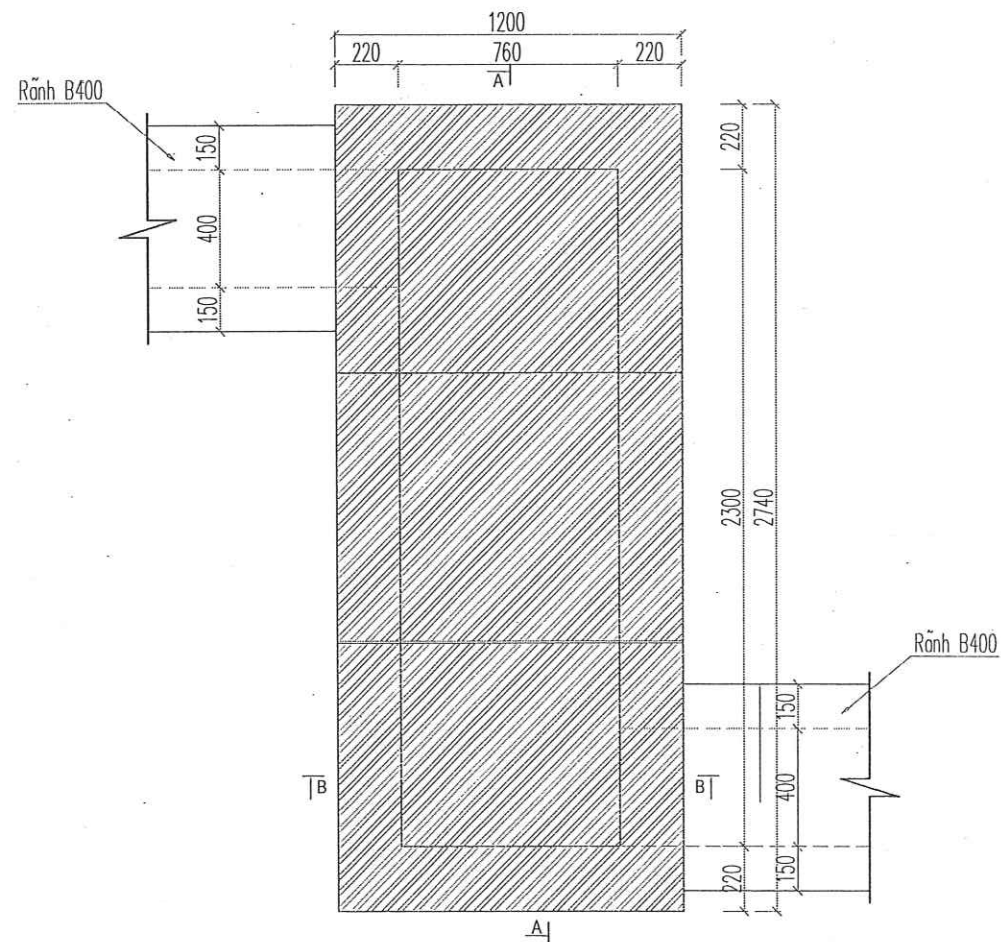
A3

TỶ LỆ:

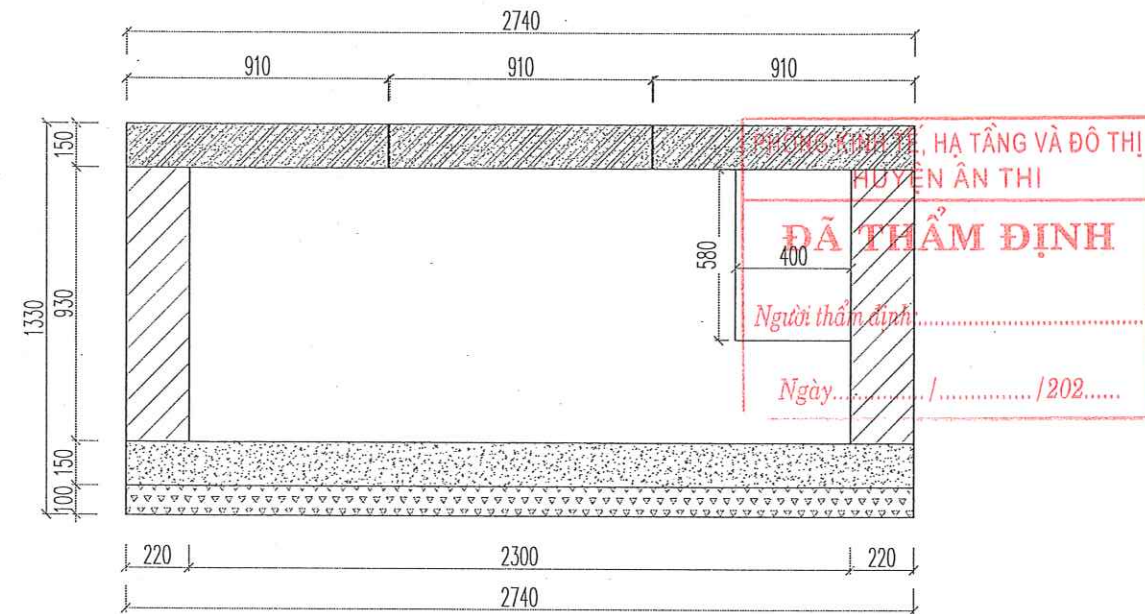
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỐ GA

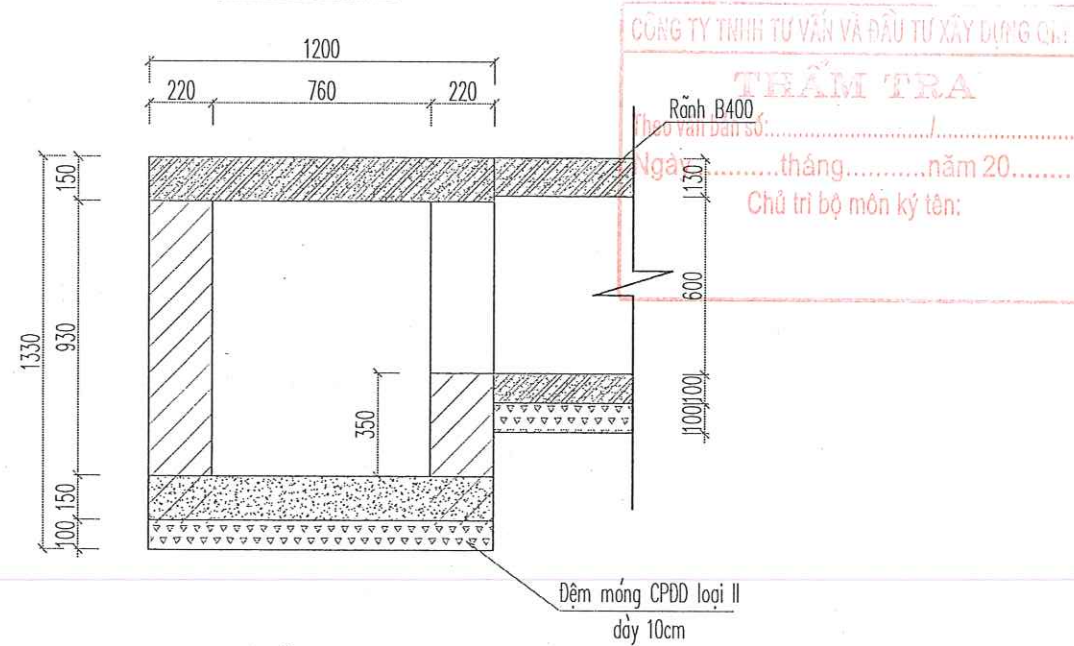
Số lượng hố ga: 1 hố



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



GHI CHÚ:

- HỐ GA THIẾT KẾ LÀ LOẠI HỐ GA NỐI MỘT ĐẦU RĂNG DỌC B400.
- MÓNG RĂNG ĐỒ BTXM ĐÁ 2X4 MẮC M150. THÂN GA BẰNG GẠCH KHÔNG NUNG MẮC M75. BÊN TRONG TRÁT VXM MẮC M75 DÀY TRUNG BÌNH 1.50CM
- NẮP RĂNG BẰNG BTCT ĐÁ 1X2 MẮC M250.
- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ GHI ĐƠN VỊ LÀ MM TRỪ KHI CHỈ RA CỤ THỂ.

CHỈNH SỬA		
LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

TĐT
TDT CONS & INVEST CONSTRUCTION CO., LTD
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
PHIÊN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY
TINH TƯ VẤN
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
TDT

TP. HUNG YÊN - T. HUNG YÊN

KS. VU VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT HỐ GA LOẠI 2

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ

KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA

KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ

KS. VU CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

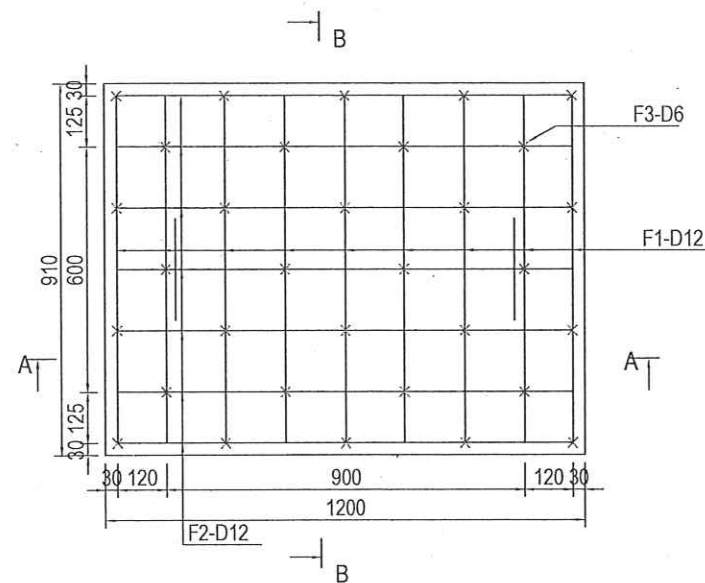
HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY: A3

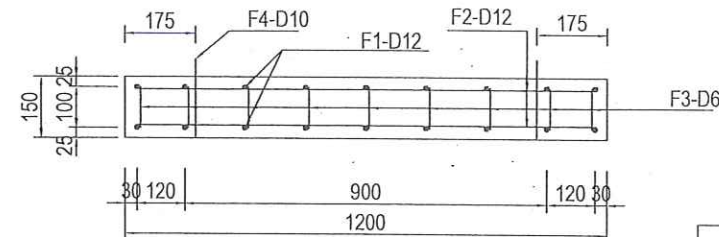
TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

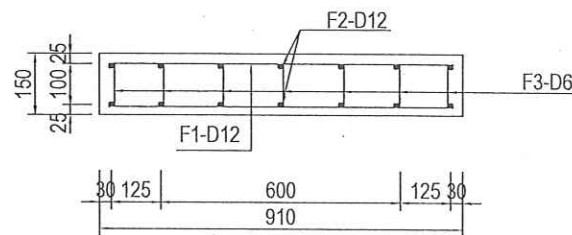
CỐT THÉP TẤM ĐAN LẮP GA THU RÃNH LOẠI 2
Tỉ:1/25



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG		TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
					1 C.KIỆN	T.BỘ		
Tấm đan Số lượng: 1	F1	850	12	850	18	18	15.30	13.59
	F2	1140	12	1140	14	14	15.96	14.17
	F3	50 100 50	6	200	32	32	6.40	1.42
	F4	5 200 100 200 100	10	615.7	2	2	1.2314	0.76

- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 6 = 1.42$ kg; Chiều dài = 6.40 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 10 = 0.76$ kg; Chiều dài = 1.23 mét
- Trọng lượng thép có đường kính $\Phi 12 = 27.76$ kg; Chiều dài = 30.26 mét

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG HỐ GA LOẠI 2

STT	Mô tả công việc	Bình đồ thiết kế	Đơn vị	Đơn vị tính
1	Số lượng hố ga		1,00	hố
2	Đào hố móng đất C2	Đã tính trong khối lượng đào đắp nền đường	-	m3
3	Đắp đất hố móng K90	Đã tính trong khối lượng đào đắp nền đường	-	m3
4	Đệm móng hố ga CPĐD loại II	1*2,74*1,2*0,1	0,33	m3
5	Ván khuôn bê tông móng hố ga	1*(2,74+1,2)*2*0,15	1,18	m2
6	BTXM M150 đá 2x4 đáy móng hố ga	1*2,74*1,2*0,15	0,49	m3
7	Xây tường gạch không nung VXM M75	1*((2,74*1,2-2,3*0,76)*0,93-0,58*0,22*0,4*2)	1,33	m3
8	Trát tường VXM M75	1*((2,3+0,76)*2*0,93-(0,4*0,58*2))	5,23	m2
9	Số lượng tấm đan KT:1,2x0,91x0,15m	3	3,00	ck
10	Ván khuôn tấm đan	3*((0,91+1,2)*2)*0,15	1,90	m2
11	Cốt thép tấm đan d<=10mm	3*(1,42+0,76)	2,18	kg
12	Cốt thép tấm đan d<=18mm	3*27,76	27,76	kg
13	BTXM M250 đá 1x2 tấm đan	3*(0,91*1,2)*0,15	0,16	m3
14	Lắp đặt tấm đan	3	3,00	ck

CHỈNH SỬA

LẦN	NGÀY	GHI CHÚ
1		
2		
3		

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÀ LỘC

ĐỊA CHỈ: XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

DỰ ÁN:

CÀI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ
TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN
ĐÀ LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN
BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐÀ LỘC

HẠNG MỤC:

GIAO THÔNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

XÃ ĐÀ LỘC, HUYỆN AN THỊ,
TỈNH HUNG YÊN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:



CÔNG TY TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TDT

ĐỊA CHỈ: TÒA NHÀ M3.3, CHUNG CƯ PH
P. HIẾN NAM, TP. HUNG YÊN, T. HUNG YÊN

GIÁM ĐỐC:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

KS. VŨ VĂN TOÀN

TÊN BẢN VẼ:

CẤU TẠO TẤM ĐAN HỐ GA
LOẠI 2

CHỦ NHIỆM
ĐỒ ÁN

CHỦ TRÌ
KS. NGUYỄN THANH LIÊM

KIỂM TRA
KS. TRẦN ĐẮC DŨNG

THIẾT KẾ
KS. VŨ CÔNG MINH

G.Đ THỰC HIỆN

HỒ SƠ BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT

KHỔ GIẤY: A3

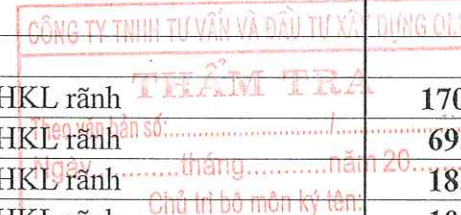
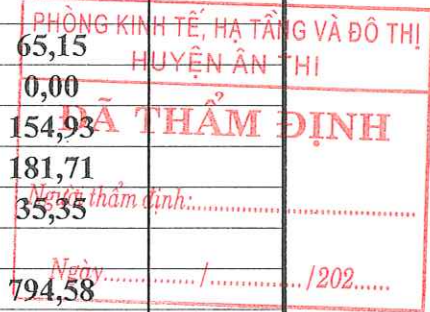
TỶ LỆ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TUYẾN 3
CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO, NÂNG CẤP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GTNT THÔN ĐA LỘC, THÔN CỤU THỊ, THÔN BÌNH NGUYÊN, XÃ ĐA LỘC

ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐA LỘC, HUYỆN AN THỊ, TỈNH HƯNG YÊN

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
*	CHIỀU DÀI THIẾT KẾ	m	Bảng THKL nền mặt đường	197,21	
I	NỀN MẶT ĐƯỜNG				
1	Nền đường				
	Vết bùn	m3	Bảng THKL nền mặt đường	65,15	
-	Đào hữu cơ	m3	Bảng THKL nền mặt đường	0,00	
	Đào khuôn, đánh cấp	m3	Bảng THKL nền mặt đường	154,93	
-	Đắp lề +taluy đất K90	m3	Bảng THKL nền mặt đường	181,71	
-	Lề gia cố BTXM	m3	Bảng THKL nền mặt đường	35,35	
2	Mặt đường				
	Tổng diện tích mặt đường			794,58	
	Đắp cát nền đường K95	m3	Bảng THKL nền mặt đường	3,06	
	Đắp cát nền đường K98 dày 50 cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	103,03	
	Khối lượng CPDD loại II dày 25 cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	51,51	
	Khối lượng CPDD loại I dày 15 cm	m3	Bảng THKL nền mặt đường	30,91	
-	Bù vênh CPDD loại I	m3	Bảng THKL nền mặt đường	90,82	
-	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m2	m2	Bảng THKL nền mặt đường	794,58	
-	Bê tông nhựa hạt mịn C16 dày 7 cm	m2	Bảng THKL nền mặt đường	794,58	
II	RÃNH B400				
a	Rãnh B400				
-	Chiều dài rãnh	m	Bảng THKL rãnh	170,00	
	Đào hố móng rãnh	m3	Bảng THKL rãnh	69,53	
-	Đắp đất hố móng rãnh K90	m3	Bảng THKL rãnh	18,18	
-	Đệm móng CPDD loại II	m3	Bảng THKL rãnh	10,20	
-	Cốt thép cho bê tông đúc sẵn, D<=10mm	kg	Bảng THKL rãnh	3581,90	
	Cốt thép cho bê tông đúc sẵn, D<=18mm	kg	Bảng THKL rãnh	423,30	
-	Bê tông đúc sẵn M200, đá 1x2 (thân rãnh)	m3	Bảng THKL rãnh	30,60	
-	Bê tông đúc sẵn M250, đá 1x2 (tấm đan)	m3	Bảng THKL rãnh	15,05	
-	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m2	Bảng THKL rãnh	614,38	
	Nối rãnh B400 bằng phương pháp xảm	mỗi nối	Bảng THKL rãnh	170,00	
-	Lắp đặt thân rãnh	ck	Bảng THKL rãnh	170,00	
-	Lắp đặt tấm đan rãnh	ck	Bảng THKL rãnh	340,00	
b	Hố ga				
	Số lượng hố ga	hố	Bảng THKL hố ga	2,00	
	Đệm móng CPDD loại II	m3	Bảng THKL hố ga	0,51	
	Ván khuôn bê tông móng hố ga	m2	Bảng THKL hố ga	1,99	
	BTXM M150 đá 2x4 đáy móng hố ga	m3	Bảng THKL hố ga	0,76	
	Xây tường gạch không nung VXM M75	m3	Bảng THKL hố ga	2,20	
	Trát tường VXM M75	m2	Bảng THKL hố ga	8,38	
	Số lượng tấm đan	ck	Bảng THKL hố ga	5,00	
	Ván khuôn tấm đan	m2	Bảng THKL hố ga	3,07	
	Cốt thép tấm đan D<=10mm	kg	Bảng THKL hố ga	4,36	
	Cốt thép tấm đan D<=18mm	kg	Bảng THKL hố ga	52,96	
	Bê tông đúc sẵn M200, đá 1x2 (tấm đan)	m3	Bảng THKL hố ga	0,30	



STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
	Lắp đặt tấm đan	ck	Bảng THKL hố ga	5,00	
III	KHẢO SÁT				
-	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 cấp địa hình cấp 2	m2	Bảng THKL nền mặt đường	3.944,20	
-	Đo cao thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	197,21	
-	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	197,21	
-	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	Bảng THKL nền mặt đường	380,00	

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Q...

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT NỀN, MẶT ĐƯỜNG TUYẾN 3

Công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường GTNT thôn Đa Lộc, thôn Cựu Thị, thôn Bình Nguyên, xã Đa Lộc

Địa điểm: Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	DIỄN GIẢI KHỐI LƯỢNG	TUYẾN 3	TỔNG KHỐI LƯỢNG
A- Phần nền đường					
1	Chiều dài thiết kế mặt đường	m	= L_{tk}	197,21	197,21
2	Tổng diện tích mặt đường giao thông	m ²	= $S_{mđ}$	794,58	794,58
	-Diện tích mặt đường		= $S_{mđ}$	768,63	
	-Diện tích vuốt nối		= S_{vn}	25,95	
3	Vết bùn			65,15	65,15
4	Đào đất hữu cơ	m ³		-	0,00
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	-	
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	-	
5	Đắp cát nền đường K95	m ³	"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	3,06	3,06
6	Đào nền đường, đất cấp II:	m ³		154,93	154,93
7	Đắp lê đất + taluy đầm chặt K = 0,90	m ³	"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	181,71	181,71
8	Lề gia cố BTXM	m ³	$S_{lgc} \cdot 0,15$	35,35	35,35
9	Diện tích mặt đường giao thông	m ²	$S_{mđ}$	794,58	794,58
B- Phần mặt đường nhựa					
10	Móng cát đen đầm chặt K98 dày 50cm:	m ³	= $S_{mđmr} \cdot 0,50$	103,03	103,03
11	Móng CPĐĐ loại II dày 25cm:	m ³	= $S_{mđmr} \cdot 0,25$	51,51	51,51
12	Móng CPĐĐ loại I dày 15cm:	m ³	= $S_{mđmr} \cdot 0,15$	30,91	30,91
13	Bù vênh cấp phối đá dăm loại I	m ³		90,82	90,82
	-Phần mặt đường		"theo bảng khối lượng nền, mặt đường"	85,11	
	-Phần vuốt nối		"theo bảng khối lượng vuốt nối"	5,71	
14	Tưới nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 1kg/m ²	m ²	$S_{mđ}$	794,58	794,58
15	Bê tông nhựa chặt C16 dày 7cm	m ²	$S_{mđ}$	794,58	794,58
B- Phần khảo sát					
1	Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/1000 cấp địa hình 2	m ²	= $L_{tuyến} \cdot 10,00 \cdot 2$	3.944,20	3.944,20
2	Đo cao thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình 2	m	= $L_{tuyến}$	197,21	197,21
3	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	= $L_{tuyến}$	197,21	197,21
4	Đo vẽ mặt cắt ngang tuyến trên cạn, cấp địa hình 2	m	= $N_{trắc\ ngang\ tuyến} \cdot 10,00 \cdot 2$	380,00	380,00

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN ÂN THI

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....
Ngày...../...../202.....



BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO ĐẮP TRẮC NGANG TUYẾN 3

Tên cọc	K. Cách lễ	Diện tích										Khối lượng									
		Đào bùn	Đắp nền đường	Đào khuôn	Đắp lề + taluy	Bù vênh CPDD	B mặt đường MR	B mặt đường cũ	B lề gia cổ	Đào rãnh	Đắp rãnh	Đào bùn	Đắp nền đường	Đào khuôn	Đắp lề + taluy	Bù vênh CPDD	S mặt đường MR	S mặt đường cũ	S lề gia cổ	Đào rãnh	Đắp rãnh
		m2	m2	m2	m2	m2	m	m	m	m2	m2	m3	m3	m3	m3	m3	m2	m2	m2	m3	m3
DT2		-	-	0,56	0,01	-	0,33	3,67	0,72	-	-										
	15,00																				
1		-	-	0,34	-	0,89	0,54	3,02	-	-	-			6,75	0,08	6,68	6,53	50,18	5,40		
	4,87																				
2		-	-	0,76	0,13	0,69	1,16	2,84	0,50	0,49	0,12			2,68	0,32	3,85	4,14	14,27	1,22	1,19	0,29
	10,13																				
3		0,73	0,21	0,55	0,94	0,49	1,17	2,83	1,02	-	-			3,70	1,06	6,64	5,42	28,72	7,70	2,48	0,61
	9,00																				
D1		0,62	0,14	0,66	0,68	0,43	1,19	2,81	0,90	-	-			6,08	1,58	5,45	7,29	4,14	10,62	25,38	-
	6,00																				
4		0,42	-	0,91	1,24	0,38	1,17	2,83	1,95	0,59	0,15			3,12	0,42	4,71	5,76	2,43	7,08	16,92	8,55
	15,00																				
5		0,51	-	0,93	1,63	0,30	1,15	2,85	2,02	0,54	0,13			6,98	-	13,80	21,53	5,10	17,40	42,60	29,78
	15,00																				
6		-	-	0,92	0,11	0,54	1,30	2,70	0,73	0,57	0,14			3,83	-	13,88	13,05	6,30	18,38	41,63	20,63
	15,00																				
7		-	-	0,90	0,07	0,50	1,21	2,79	0,50	0,57	0,14			-	-	13,65	1,35	7,80	18,83	41,18	9,23
	9,72																				
D2		-	-	0,88	0,08	0,56	1,23	2,77	0,50	0,55	0,14			-	-	8,65	0,73	5,15	11,86	27,02	4,86
	5,28																				
8		-	-	0,90	0,06	0,47	1,19	2,81	0,50	0,58	0,15			-	-	4,70	0,37	2,72	6,39	14,73	2,64
	15,00																				
9		0,39	-	1,07	1,09	0,37	1,33	2,67	2,11	0,63	0,16			2,93	-	14,78	8,63	6,30	18,90	41,10	19,58
	15,00																				
10		-	-	1,10	0,01	0,22	1,27	2,73	0,74	0,64	0,16			-	-	16,28	8,25	4,43	19,50	40,50	21,38
	15,00																				
11		0,55	-	0,94	1,65	0,41	1,22	2,78	1,22	0,16	-			4,13	-	15,30	12,45	4,73	18,68	41,33	14,70
	15,00																				
12		0,25	-	0,75	0,86	0,41	1,01	2,99	0,54	0,30	0,20			6,00	-	12,68	18,83	6,15	16,73	43,28	13,20
	10,58																				
D3		1,34	-	0,73	4,57	0,41	0,97	3,03	2,73	0,09	-			8,41	-	7,83	28,72	4,34	10,47	31,85	17,30
	4,42																				
13		0,72	-	0,63	1,60	0,29	0,75	3,25	2,69	-	-			4,55	-	3,01	13,64	1,55	3,80	13,88	11,98
	13,25																				
14		1,17	-	-	3,73	0,84	-	4,00	3,18	-	-			12,52	-	4,17	35,31	7,49	4,97	48,03	38,89
	3,96																				
CT2										-	-	Phạm vi tính trong vượt nổi									
TỔNG:												65,15	3,06	154,93	181,71	85,11	206,06	562,57	235,65	69,53	18,18

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG VUỐT NỐI BÊ TÔNG NHỰA TUYẾN 3

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	VN-01	KHỐI LƯỢNG
	A- Các thông số của vuốt nối			
1	Diện tích vuốt nối	m2	25,95	25,95
2	Diện tích đường BTXM cũ tại vuốt nối	m2	25,95	
3	Cao độ thiết kế trung bình tại vuốt nối	m	2,50	
4	Cao độ tự nhiên trung bình tại vuốt nối	m	2,21	
	B- Phần nền + mặt đường			
1	Diện tích mặt đường	m2	25,95	25,95
2	Bê tông nhựa hạt mịn C16 dày 7 cm	m2	25,95	25,95
3	Tưới nhũ tương nhựa đường a xít, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m2	m2	25,95	25,95
4	Bù vênh CPDD loại I	m3	5,71	5,71

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
HUYỆN AN THỊ

ĐÃ THẨM ĐỊNH

Người thẩm định:.....

Ngày...../...../202.....

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QM

THẨM TRA

Theo văn bản số:...../.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Chủ trì bộ môn ký tên:



